TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_CDT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH11300067	Nguyễn Ngọc Trường	An	D13_CDT01													4.79	5.40	5.67	5.76	5.63	46/56	24/28					
2	DH11300104	Trần Nguyễn Đức	Anh	D13_CDT01													5.42	5.45	5.71	5.71	5.96	46/56	23/28					
3	DH11300236	Lê Anh	Duy	D13_CDT01													6.37	7.35		7.12	6.95	56/56	28/28					
4	DH11300019	Hoàng Nguyên	Đán	D13_CDT01													5.79	5.55	6.50	5.76	5.95	46/56	23/28					
5	DH11300343	Lê Hồng	Hải	D13_CDT01													4.84	4.85	4.00	5.59	5.25	39/56	21/28					
6	DH11300397	Dương Văn	Hiếu	D13_CDT01													5.21	5.15	6.00	4.29	5.13	43/56	22/28					
7	DH11300433	Tạ Duy	Hoàng	D13_CDT01													6.42	7.30		6.60	6.80	50/56	25/28					
8	DH11300413	Huỳnh Tiến	Hưng	D13_CDT01													5.00	5.80	5.00	2.71	4.89	36/56	18/28	CCHV		Nợ HP	CCHV_1	ĐC_HP
9	DH11300501	Quách Phùng	Kha	D13_CDT01													4.05	3.55	3.71	4.35	4.23	30/56	16/28					
10	DH11300524	Nguyễn Đoàn Đăng	Khoa	D13_CDT01													6.58	8.05	9.00	8.06	7.73	56/56	28/28					
11	DH11300527	Nguyễn Thanh	Khoa	D13_CDT01													5.47	6.55	6.60	6.18	6.34	51/56	26/28					
12	DH11300541	Mai Tuấn	Kiệt	D13_CDT01													4.74	5.10	4.29	5.13	5.09	32/56	17/28					
13	DH11300562	Tô Nhất	Lâm	D13_CDT01													5.68	5.90		6.32	6.04	48/56	24/28					
14	DH11300584	Lê Hữu	Lộc	D13_CDT01													4.58	4.85	5.20	5.29	5.21	40/56	21/28					
15	DH11300586	Nguyễn Văn	Lộc	D13_CDT01													5.42	5.95	4.00	5.82	5.84	44/56	23/28					
16	DH11300698	Ngô Ngọc	Minh	D13_CDT01													6.26	8.25	8.00	8.24	7.75	56/56	28/28					
17	DH11300709	Nguyễn Tấn	Minh	D13_CDT01													5.26	5.75	6.00	6.24	6.02	46/56	24/28					
18	DH11300801	Võ Văn	Nghĩa	D13_CDT01													5.42	5.25	7.40	6.24	6.04	46/56	23/28					
19	DH11300810	Trần Kiến	Nguyên	D13_CDT01													6.05	7.00	5.00	6.71	6.70	54/56	27/28					
20	DH11300825	Huỳnh Trọng	Nhân	D13_CDT01													5.68	7.35		6.47	6.52	47/56	24/28			Nợ HP		ĐC_HP
21	DH11300915	Nguyễn Thành	Phát	D13_CDT01													6.16	5.50	8.00	6.65	6.29	47/56	24/28					
22	DH11300917	Tạ Tấn	Phát	D13_CDT01													4.84	5.90	6.14	5.65	5.84	40/56	21/28					
23	DH11300991	Nguyễn Trương	Phong	D13_CDT01													6.21	7.45		7.76	7.13	54/56	27/28					
24	DH11300979	Nguyễn Tuấn	Phúc	D13_CDT01													4.68	6.20	6.86	6.65	6.57	48/56	25/28					
25	DH11300984	Trương Hồng	Phúc	D13_CDT01													6.32	8.15	8.50	7.88	7.77	56/56	28/28					
26	DH11300950	Lê Hùng	Phước	D13_CDT01													5.16	5.35	6.00	5.59	5.54	43/56	23/28					
27	DH11300951	Phạm Tấn	Phước	D13_CDT01													5.74	6.55	4.80	6.35	6.36	48/56	25/28					
28	DH11300941	Võ Hoài	Phương	D13_CDT01													5.26	6.85	6.57	6.59	6.59	51/56	26/28					
29	DH11301005	Trần Danh Lê	Quân	D13_CDT01													5.58	5.00	6.00	5.30	5.46	37/56	19/28					
30	DH11301033	Nguyễn Hoàng	Quí	D13_CDT01													5.00	6.10	5.43	6.06	5.96	44/56	23/28					
31	DH11301096	Nguyễn Thanh	Tâm	D13_CDT01													6.74	7.45		7.24	7.14	54/56	27/28					
32	DH11301238	Nguyễn Đình	Thi	D13_CDT01													5.32	5.65		6.82	5.89	42/56	22/28					
33	DH11301279	Nguyễn Quang	Thuận	D13_CDT01													5.05	5.30	6.50	5.41	5.46	39/56	21/28					
34	DH11301313	Lê Trần Vinh	Tiến	D13_CDT01													1.37	0.15		0.00	0.52	4/56	2/28	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_3	ĐC_HP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_CDT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH11301319	Nguyễn Quang	Tiến	D13_CDT01													5.84	6.40	6.80	6.76	6.57	51/56	26/28					
36	DH11301320	Nguyễn Quốc	Tiến	D13_CDT01													5.95	7.20		7.53	6.88	56/56	28/28					
37	DH11301447	Nguyễn Hồ Tấn	Trung	D13_CDT01													5.00	4.95		5.18	5.04	39/56	21/28					
38	DH11301478	Phạm Văn	Tuấn	D13_CDT01													4.89	4.40	5.43	5.71	5.36	41/56	22/28					
39	DH11301548	Đồng Xuân Đăng	Vinh	D13_CDT01													4.68	5.95	5.29	5.59	5.71	43/56	23/28					
40	DH11301552	Nguyễn Hoàng Trung	Vinh	D13_CDT01													1.79	4.85		0.94	2.63	16/56	8/28	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_3	ĐC_HP

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_CDT02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH11300124	Hoàng Đại	Bảo	D13_CDT02													3.74	5.15	5.57	5.82	5.32	39/56	21/28					
2	DH11300193	Trương Quang	Danh	D13_CDT02													3.26	5.30	5.00	5.53	5.20	40/56	21/28					
3	DH11300058	Nguyễn Tấn	Định	D13_CDT02													6.63	6.05		6.76	6.46	49/56	25/28					
4	DH11300359	Nguyễn Trường	Hạnh	D13_CDT02													5.95	6.30	8.00	6.18	6.36	52/56	26/28					
5	DH11300407	Trương Minh	Hiếu	D13_CDT02													6.26	6.00	7.00	6.76	6.43	49/56	25/28					
6	DH11302105	Huỳnh Kim	Hoàng	D13_CDT02													3.16	0.00	0.00	5.06	2.61	18/56	11/28	CCHV			CCHV_3	
7	DH11300447	Nguyễn Văn	Huân	D13_CDT02													5.42	5.75	7.00	6.00	6.04	44/56	23/28					
8	DH11300380	Nguyễn Mạnh	Hùng	D13_CDT02													5.37	6.20	6.00	6.12	6.11	52/56	26/28					
9	DH11300316	Phan Quốc	Hương	D13_CDT02													5.42	4.70	5.71	5.29	5.41	40/56	21/28					
10	DH11300624	Nguyễn Văn	Linh	D13_CDT02													5.95	6.65	9.00	6.65	6.59	51/56	26/28					
11	DH11300642	Đỗ Ngọc Thành	Long	D13_CDT02													5.16	5.60	6.43	5.29	5.75	44/56	23/28					
12	DH11300648	Nguyễn Ngọc Hùng	Long	D13_CDT02													5.74	6.80	5.00	5.76	6.45	47/56	24/28					
13	DH11300582	Đinh Trọng	Lộc	D13_CDT02													5.32	5.15	5.14	5.06	5.36	40/56	21/28					
14	DH11300599	Nguyễn	Lợi	D13_CDT02													5.21	4.80	5.71	5.24	5.36	40/56	21/28					
15	DH11300736	Lê Văn	Nam	D13_CDT02													5.47	6.15	8.00	6.26	6.32	47/56	24/28					
16	DH11300799	Trương Trọng	Nghĩa	D13_CDT02													4.00	5.25	3.71	5.29	5.02	39/56	21/28					
17	DH11300848	Nguyễn Tuấn	Nhã	D13_CDT02													6.11	5.75	6.00	5.82	6.00	49/56	25/28					
18	DH11300842	Mai Hữu	Nhàn	D13_CDT02													4.74	5.10	6.43	5.71	5.55	44/56	23/28					
19	DH11300907	Cao Cơ	Phát	D13_CDT02													4.74	6.35	6.80	5.24	5.89	50/56	25/28					
20	DH11301016	Chềnh Hính	Quay	D13_CDT02													5.89	6.35	6.00	5.93	6.26	47/56	24/28					
21	DH11301008	Võ Trung	Quân	D13_CDT02													5.42	5.80	6.00	5.76	5.88	47/56	24/28					
22	DH11301036	Phạm Minh	Quí	D13_CDT02													4.79	5.10	5.29	5.65	5.50	46/56	23/28					
23	DH11301053	Vũ Trọng	Quyền	D13_CDT02													6.05	5.60	7.00	6.18	6.14	47/56	24/28					
24	DH11301074	Nguyễn Phước	Sang	D13_CDT02													4.37	5.20	5.29	5.24	5.32	34/56	18/28					
25	DH11301084	Nguyễn Ngọc	Sin	D13_CDT02													5.63	6.05	6.00	5.65	5.96	48/56	24/28					
26	DH11301060	Nguyễn Hải	Sơn	D13_CDT02													4.11	5.30	5.14	5.18	5.30	39/56	21/28					
27	DH11301229	Phan Minh	Thanh	D13_CDT02													4.79	5.80	5.71	5.82	5.79	47/56	24/28					
28	DH11301232	Trịnh Hữu	Thanh	D13_CDT02													5.74	6.05	5.40	6.18	6.14	46/56	24/28					
29	DH11301162	Lê Công	Thành	D13_CDT02													5.11	5.55		5.29	5.32	42/56	22/28					
30	DH11301307	Đặng Bùi Minh	Tiến	D13_CDT02													5.47	5.60	7.14	6.35	6.25	49/56	25/28					
31	DH11301318	Nguyễn Ngọc	Tiến	D13_CDT02													5.84	7.05	8.00	6.47	6.86	52/56	26/28					
32	DH11301348	Võ Trương Khánh	Toàn	D13_CDT02													4.89	5.30		4.76	5.00	35/56	18/28					
33	DH11301453	Nguyễn Như	Trí	D13_CDT02													4.21	4.95	0.00	5.47	4.86	35/56	19/28					
34	DH11301460	Trần Trọng	Trí	D13_CDT02													5.37	5.80	7.14	5.53	6.07	49/56	25/28					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_CDT02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH11301340	Vũ Minh	Tú	D13_CDT02													5.16	5.55	6.80	5.24	5.73	45/56	23/28					
36	DH11301470	Nguyễn Minh	Tuấn	D13_CDT02													4.32	5.35	6.29	5.53	5.45	44/56	23/28					
37	DH11301302	Nguyễn Xuân	Tùng	D13_CDT02													5.89	7.15	8.00	6.82	6.77	49/56	25/28					
38	DH11301304	Trương Thanh	Tùng	D13_CDT02													5.26	5.95	6.43	6.47	6.30	49/56	25/28					
39	DH11301564	Phạm Tuấn	Vũ	D13_CDT02													6.00	6.45	7.00	5.76	6.20	49/56	25/28					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_DDT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH31300122	Chế Thanh	Bảo	D13_DDT01													4.05	4.39		4.79	4.37	32/63	18/32					
2	DH31300123	Diệp Gia	Bảo	D13_DDT01													4.50	0.78	0.00	0.29	1.96	14/63	8/32	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_2	ĐC_HP
3	DH31300181	Lý Kim	Chung	D13_DDT01													4.85	2.61		4.14	3.77	24/63	14/32	CCHV			CCHV_2	
4	DH31300210	Lê Tiến	Dũng	D13_DDT01													5.15	4.57	1.00	4.44	4.76	35/63	20/32					
5	DH31300216	Nguyễn Thành	Dũng	D13_DDT01													6.35	5.61	6.00	5.50	5.97	56/63	29/32					
6	DH31300217	Phạm Đức	Dũng	D13_DDT01													4.00	2.83		0.27	2.57	13/63	7/32	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_2	ĐC_HP
7	DH31300244	Nguyễn Khánh	Duy	D13_DDT01													6.05	6.65		3.05	5.32	37/63	18/32					
8	DH31300036	Nguyễn Thành	Đạt	D13_DDT01													5.90	5.78	3.40	4.63	5.51	43/63	22/32					
9	DH31300345	Nguyễn Hữu	Hải	D13_DDT01													5.75	5.22	6.00	5.85	5.81	52/63	27/32					
10	DH31300338	Võ Thế	Hào	D13_DDT01													6.05	3.91	0.80	4.94	4.92	36/63	19/32					
11	DH31300394	Nguyễn Văn	Hiệp	D13_DDT01													5.05	6.65	6.40	6.15	6.30	59/63	30/32					
12	DH31300402	Nguyễn Trung	Hiếu	D13_DDT01													6.15	6.70	6.00	6.36	6.70	51/63	26/32					
13	DH31300381	Nguyễn Minh	Hùng	D13_DDT01													4.05	4.30	4.50	4.31	4.49	31/63	18/32					
14	DH31300301	Trần Đại	Hữu	D13_DDT01													5.95	5.09	6.40	4.85	5.51	52/63	26/32					
15	DH31300497	Vưu	Khải	D13_DDT01													5.30	5.35	4.20	5.90	5.67	50/63	26/32					
16	DH31300507	Lê Anh	Khang	D13_DDT01													6.80	5.61	6.40	6.10	6.33	55/63	29/32					
17	DH31300487	Nhiêu Thuận	Khánh	D13_DDT01													6.15	5.52	7.00	6.65	6.32	55/63	29/32					
18	DH31300516	Phạm Thanh	Khiêm	D13_DDT01													6.35	5.74	4.40	6.44	6.20	49/63	26/32					
19	DH31300518	Huỳnh Minh	Khoa	D13_DDT01													6.20	5.70	4.20	5.70	5.98	49/63	26/32					
20	DH31300530	Trần Lâm Thanh	Khoa	D13_DDT01													6.50	7.48	0.00	7.40	7.14	58/63	30/32					
21	DH31300493	Lý Diên	Khôi	D13_DDT01													6.10	5.39	5.20	5.45	5.84	46/63	25/32					
22	DH31300593	Nguyễn Thanh	Liêm	D13_DDT01													4.55	5.39	6.00	5.80	5.51	48/63	26/32					
23	DH31100023	Lê Văn	Long	D13_DDT01							4.63	1.44	0.00	2.60	0.00	0.00		2.26	0.00	2.25	2.56	18/63	10/32	CCHV			CB_BTH_3	
24	DH31300720	Trần Cón	Mừng	D13_DDT01													6.40	5.70	6.60	6.35	6.33	57/63	30/32					
25	DH31300738	Nguyễn Hoàng	Nam	D13_DDT01													4.90	5.30	4.00	6.40	5.60	46/63	25/32					
26	DH31300739	Nguyễn Nhựt	Nam	D13_DDT01													5.45	5.35	7.00	6.25	6.00	46/63	25/32					
27	DH31300741	Phạm Thành	Nam	D13_DDT01													4.50	4.48	4.00	5.75	5.00	38/63	23/32					
28	DH31300793	Bùi Trọng	Nghĩa	D13_DDT01													6.05	5.48	5.00	6.65	6.17	55/63	29/32					
29	DH31300794	Cù Văn	Nghĩa	D13_DDT01													6.05	6.87		7.22	6.70	59/63	30/32					
30	DH31300812	Võ Hồng	Nguyên	D13_DDT01													5.30	4.65	4.40	5.50	5.37	40/63	23/32					
31	DH31300841	Võ Thanh	Nhân	D13_DDT01													6.00	6.26	5.40	5.70	6.11	57/63	29/32					
32	DH31300972	Nguyễn Hồng	Phúc	D13_DDT01													6.30	6.00	6.50	6.00	6.25	61/63	31/32					
33	DH31300981	Phạm Ngọc Thiên	Phúc	D13_DDT01													5.00	4.91	4.40	4.93	5.11	38/63	21/32					
34	DH31300932	Nguyễn Khắc Nhị	Phương	D13_DDT01													4.25	6.26	7.40	6.40	6.13	52/63	27/32					
35	DH31300934	Nguyễn Thanh	Phương	D13_DDT01													5.60	6.04	5.00	6.31	6.12	49/63	26/32					
36	DH31301035	Nguyễn Trọng	Quý	D13_DDT01													5.30	5.70	6.40	5.70	5.89	51/63	27/32					
37	DH31301082	Trần Tấn	Sang	D13_DDT01													6.30	5.61	9.00	6.25	6.22	53/63	28/32					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_DDT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
38	DH31301086	Đỗ Tiến	Sĩ	D13_DDT01													5.60	5.52	5.80	6.40	6.05	50/63	27/32					
39	DH31301085	Giang Tiến Đắc	Sinh	D13_DDT01													5.55	4.48	5.80	5.50	5.32	43/63	24/32					
40	DH31301118	Nguyễn Tấn	Tài	D13_DDT01													6.70	7.65	8.00	7.60	7.46	63/63	32/32					
41	DH31301087	Đặng Chí	Tâm	D13_DDT01													5.65	5.22	5.00	5.25	5.49	44/63	24/32					
42	DH31301102	Hoàng Kỳ	Tân	D13_DDT01													3.30	4.17	4.20	5.30	4.37	36/63	19/32					
43	DH31301160	Huỳnh Công	Thành	D13_DDT01													3.90	5.00	6.40	5.95	5.38	49/63	26/32					
44	DH31301246	Phạm Lê Minh	Thiện	D13_DDT01													7.30	7.22	7.00	7.60	7.46	61/63	31/32					
45	DH31301217	Bùi Hữu	Thọ	D13_DDT01													5.80	3.96		0.25	3.58	26/63	13/32	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
46	DH31301277	Nguyễn Duy	Thuận	D13_DDT01													6.00	6.96	7.40	6.80	6.87	61/63	31/32					
47	DH31301311	Lê Hoàng	Tiến	D13_DDT01													5.35	5.61	5.60	6.40	5.94	58/63	29/32					
48	DH31301317	Nguyễn Năng	Tiến	D13_DDT01													5.85	5.52	5.40	5.40	5.73	51/63	26/32					
49	DH31301345	Nguyễn Thanh	Toàn	D13_DDT01													6.05	6.43	8.00	6.19	6.44	57/63	29/32					
50	DH31301443	Đường Minh	Trung	D13_DDT01													5.40	5.48	4.80	6.60	6.00	55/63	29/32					
51	DH31301336	Nguyễn Tuấn	Tú	D13_DDT01													6.60	7.48	8.00	8.25	7.57	63/63	32/32					
52	DH31301337	Phan Đình Minh	Tú	D13_DDT01													6.50	5.83		6.44	6.22	59/63	30/32					
53	DH31301338	Trần Nguyễn Anh	Tú	D13_DDT01													6.75	6.87	9.00	7.55	7.21	63/63	32/32					
54	DH31301467	Nguyễn Đình	Tuấn	D13_DDT01													5.70	6.48	7.00	6.75	6.59	63/63	32/32					
55	DH31301297	Nguyễn Ngô	Tùng	D13_DDT01													5.50	5.13	5.00	5.75	5.63	46/63	24/32					
56	DH31301305	Trần Duy	Tùng	D13_DDT01													4.95	4.57	7.00	4.29	5.06	39/63	22/32					
57	DH31301545	Võ Lan	Vi	D13_DDT01													5.90	7.13	7.40	6.90	7.05	63/63	32/32					
58	DH31301554	Nguyễn Trí	Vinh	D13_DDT01													5.70	6.39	6.80	6.65	6.51	58/63	30/32					
59	DH31301556	Phạm Văn	Vinh	D13_DDT01													5.45	5.52	6.80	5.95	5.89	52/63	27/32					
60	DH31301599	Đỗ	ý	D13_DDT01													4.90	4.39	4.60	5.20	4.94	41/63	23/32					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_VT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH41300138	Tăng Hoàng Quốc	Bảo	D13_VT01													5.70	4.13		0.00	3.32	25/63	12/32	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
2	DH41300172	Trần Thị Thu	Chang	D13_VT01													7.45	8.87		7.50	7.98	63/63	32/32					
3	DH41300158	Lê Quang	Chánh	D13_VT01													6.20	6.57	5.50	3.05	5.52	43/63	22/32					
4	DH41300179	Phan Duy	Chinh	D13_VT01													2.75	0.00	4.29	5.36	2.67	19/63	10/32	CCHV			CCHV_3	
5	DH41300152	Hoàng Xuân	Cường	D13_VT01													5.85	5.83	6.00	6.35	6.22	53/63	28/32					
6	DH41300215	Nguyễn Quốc	Dũng	D13_VT01													7.15	6.96		6.90	7.00	61/63	31/32					
7	DH41300242	Nguyễn Anh	Duy	D13_VT01													5.60	3.96	5.00	0.40	3.57	28/63	14/32	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
8	DH41300331	Tô Nguyễn Chiêu	Hà	D13_VT01													7.20	7.65		8.20	7.68	60/63	31/32					
9	DH41300355	Nguyễn Lê Anh	Hạ	D13_VT01													7.95	9.43		8.75	8.75	63/63	32/32					
10	DH41300339	Chung Ngọc	Hải	D13_VT01													5.45	5.43	6.00	6.20	5.90	52/63	28/32					
11	DH41300344	Mai Thanh	Hải	D13_VT01													5.65	5.83	6.00	6.20	6.14	51/63	27/32					
12	DH41300356	Nguyễn Kiều	Hạnh	D13_VT01													8.00	7.78		8.55	8.10	63/63	32/32					
13	DH41300444	Trần Thị Ngọc	Hòa	D13_VT01													5.60	5.87	5.50	6.45	6.19	58/63	30/32					
14	DH41300426	Hồ Minh	Hoàng	D13_VT01													6.25	6.30	6.00	6.10	6.38	57/63	29/32					
15	DH41300377	Lê Minh	Hùng	D13_VT01													7.65	7.96		7.50	7.71	63/63	32/32					
16	DH41300462	Nguyễn Hoàng	Huy	D13_VT01													7.15	8.83		8.15	8.08	63/63	32/32					
17	DH41300498	Hoàng Nguyên	Kha	D13_VT01													6.00	5.83	5.50	6.25	6.17	56/63	29/32					
18	DH41300502	Văn Phan Nhật	Kha	D13_VT01													4.75	5.65	7.00	6.80	6.05	52/63	28/32					
19	DH41300508	Lê Trọng	Khang	D13_VT01													5.10	4.65	2.00	4.90	4.87	43/63	22/32					
20	DH41300528	Phạm Đăng	Khoa	D13_VT01													7.20	6.91	8.00	6.75	7.08	63/63	32/32					
21	DH41300544	Phạm Diệp Anh	Kiệt	D13_VT01													7.10	8.22	9.00	7.67	8.00	62/63	31/32			Nợ HP		ĐC_HP
22	DH41300536	Hồ Văn	Kim	D13_VT01													6.55	8.13	7.00	7.85	7.63	63/63	32/32					
23	DH41300618	Nguyễn Nhật	Linh	D13_VT01													7.30	7.87		7.60	7.60	63/63	32/32					
24	DH41300629	Trần Hoài	Linh	D13_VT01													6.70	6.43	7.00	7.15	6.84	60/63	31/32					
25	DH41300643	Đỗ Phạm Hoàng	Long	D13_VT01													5.60	6.00	5.50	7.22	6.43	57/63	29/32					
26	DH41300650	Trần Thành	Long	D13_VT01													4.95	5.26	5.00	6.05	5.57	55/63	29/32					
27	DH41300591	Võ Văn	Lộc	D13_VT01													6.75	6.39	7.00	6.70	6.70	57/63	30/32					
28	DH41300847	Tô Thanh	Nhả	D13_VT01													6.95	7.17		7.20	7.11	63/63	32/32					
29	DH41300910	Lương Tấn	Phát	D13_VT01													7.60	7.70	9.00	7.90	7.89	63/63	32/32					
30	DH41300953	Trần Hồng	Phước	D13_VT01													5.60	5.48	6.00	6.20	5.97	52/63	27/32					
31	DH41301037	Trịnh Minh	Quý	D13_VT01													6.90	6.57	8.00	7.10	6.97	63/63	32/32					
32	DH41301080	Trương Quảng	Sang	D13_VT01													6.80	6.65	6.50	6.40	6.81	57/63	29/32					
33	DH41301065	Lê Thị ái	Sương	D13_VT01													6.25	6.04	6.50	7.35	6.81	63/63	32/32					
34	DH41301205	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D13_VT01													6.60	7.26	7.00	7.10	7.19	63/63	32/32					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_VT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH41301235	Nguyễn Hữu	Thậm	D13_VT01													5.30	5.74	4.50	6.25	5.89	47/63	26/32					
36	DH41301316	Nguyễn Mạnh	Tiến	D13_VT01													5.05	3.57	4.50	4.95	4.67	34/63	18/32					
37	DH41301500	Nguyễn Vũ Trung	Tín	D13_VT01													6.60	7.74		7.20	7.21	63/63	32/32					
38	DH41301505	Nguyễn Tuất	Tính	D13_VT01													6.75	6.83	4.00	6.25	6.68	51/63	27/32					
39	DH41301347	Võ Duy	Toàn	D13_VT01													5.10	4.52	6.00	5.55	5.25	47/63	24/32					
40	DH41301455	Nguyễn Thành	Trí	D13_VT01													6.25	6.04	4.50	5.40	5.97	53/63	27/32					
41	DH41301472	Nguyễn Phan Anh	Tuấn	D13_VT01													4.35	3.57	1.71	3.30	3.83	27/63	15/32	CCHV			CCHV_2	
42	DH41301473	Nguyễn Thanh	Tuấn	D13_VT01													5.20	5.26	4.50	5.25	5.43	43/63	24/32					
43	DH41301480	Trần Anh	Tuấn	D13_VT01													5.65	5.52	6.00	6.00	5.90	59/63	30/32					
44	DH41301298	Nguyễn Sơn	Tùng	D13_VT01													6.70	6.91	7.00	7.25	7.05	63/63	32/32					
45	DH41301491	Huỳnh Thanh	Tuyền	D13_VT01													6.15	6.74	5.00	7.30	6.79	60/63	31/32					
46	DH41301569	Lưu Tuấn	Vĩ	D13_VT01													5.55	4.35	5.00	5.60	5.25	45/63	24/32					
47	DH41301559	Trần Quốc	Việt	D13_VT01													6.55	6.52	6.00	7.20	6.90	63/63	32/32					
48	DH41301551	Nguyễn Hữu	Vinh	D13_VT01													6.40	7.48	7.00	7.50	7.37	63/63	32/32					
49	DH41301562	Nguyễn Đức	Vũ	D13_VT01													5.35	5.17	6.50	5.70	5.62	52/63	28/32					
50	DH41301567	Trần Quang	Vũ	D13_VT01													5.60	3.91	5.00	4.50	4.83	39/63	22/32					
51	DH41301539	Võ Hoàng	Vương	D13_VT01													4.75	4.17	6.00	6.45	5.33	47/63	26/32					
52	DH41301597	Trần Thị Kim	Xuyến	D13_VT01													5.80	6.39	0.00	0.20	4.24	33/63	16/32	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
53	DH41301608	Nguyễn Văn	ý	D13_VT01													6.85	6.39	7.00	7.15	6.87	60/63	31/32					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH51300073	Trần Thành	An	D13_TH01													4.88	4.65	6.40	4.71	5.13	43/53	22/27					
2	DH51300076	Đoàn Phan Thế	Anh	D13_TH01													6.75	7.15	7.00	6.29	6.87	47/53	24/27					
3	DH51300153	Lư Thế	Cường	D13_TH01													5.88	5.20	4.00	5.29	5.51	40/53	21/27					
4	DH51300208	Hồ Quang	Dũng	D13_TH01													5.88	5.50	5.71	6.00	6.09	40/53	22/27					
5	DH51300234	Bùi Ngọc Anh	Duy	D13_TH01													7.38	6.40		6.47	6.72	53/53	27/27					
6	DH51300235	Lư Khánh	Duy	D13_TH01													7.00	5.90		6.18	6.32	48/53	24/27					
7	DH51300039	Nguyễn Tuấn	Đạt	D13_TH01													6.74	4.75		5.71	5.79	44/53	22/27					
8	DH51300340	Hoàng Đoàn Sơn	Hải	D13_TH01													4.94	5.00	5.50	5.12	5.17	41/53	22/27					
9	DH51300346	Nguyễn Minh	Hải	D13_TH01													5.69	5.05	3.20	7.24	6.06	39/53	21/27					
10	DH51300337	Trương Tuấn	Hào	D13_TH01													5.69	4.70	6.80	5.29	5.53	37/53	19/27					
11	DH51300403	Nguyễn Trung	Hiếu	D13_TH01													5.25	5.20	5.00	5.06	5.38	41/53	21/27					
12	DH51300428	Nguyễn Huy	Hoàng	D13_TH01													5.25	3.55		3.82	4.15	25/53	13/27					
13	DH51300455	Dần Huyền	Huy	D13_TH01													5.00	5.25	4.71	5.35	5.42	41/53	22/27					
14	DH51300452	Đỗ Huỳnh Thanh	Huy	D13_TH01													5.44	5.25	6.00	5.71	5.72	41/53	22/27					
15	DH51300466	Nguyễn Ngọc	Huy	D13_TH01													6.94	5.60		5.94	6.11	41/53	22/27					
16	DH51300474	Trịnh Hữu	Huy	D13_TH01													5.50	3.75	1.00	4.68	4.75	32/53	16/27			Nợ HP		ĐC_HP
17	DH51300412	Cái Hữu	Hưng	D13_TH01													5.50	4.95	5.40	5.65	5.58	41/53	22/27					
18	DH51300420	Vũ Đức	Hưng	D13_TH01													3.50	4.05	0.00	1.65	3.11	16/53	9/27	CCHV	Ko_ĐKMH		BTD_KoĐKMH + CCHV_3	
19	DH51300566	Phan Minh	Lân	D13_TH01													5.25	4.30	5.00	4.65	4.92	38/53	20/27					
20	DH51300589	Trần Hữu	Lộc	D13_TH01													6.06	6.15	5.00	6.29	6.23	46/53	24/27					
21	DH51300656	Nguyễn Việt	Luân	D13_TH01													5.38	4.90	5.00	4.65	5.17	38/53	20/27					
22	DH51300697	Lê Tiến	Minh	D13_TH01													5.75	6.05	7.00	5.88	6.13	47/53	25/27					
23	DH51300716	Trịnh Văn	Minh	D13_TH01													6.69	6.50		6.71	6.62	50/53	26/27					
24	DH51200681	Lê Thành	Nam	D13_TH01										6.13	4.17	4.00	5.47	3.37		3.43	4.45	41/53	20/27					
25	DH51200560	Lý Hoài	Nam	D13_TH01										4.31	3.09	0.00				2.29	3.32	19/53	10/27	CCHV			CCHV_2	
26	DH51300845	Trần Thị Thanh	Nhàn	D13_TH01													5.81	5.85	5.00	5.24	5.74	41/53	22/27					
27	DH51300839	Trần Thiện	Nhân	D13_TH01													6.00	5.85	6.00	5.59	5.96	46/53	24/27					
28	DH51300876	Trần Thị Tuyết	Nhi	D13_TH01													4.88	3.65	4.86	4.58	4.79	37/53	19/27			Nợ HP		ĐC_HP
29	DH51301010	Hà Duy	Quang	D13_TH01													4.63	4.45	3.43	4.41	4.53	27/53	15/27					
30	DH51301013	Phạm Vinh	Quang	D13_TH01													5.63	5.10	0.00	1.59	4.13	23/53	12/27	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
31	DH51301015	Trần Sáng	Quang	D13_TH01													4.88	4.45	4.00	4.65	4.79	33/53	18/27					
32	DH51301000	Lý Bình	Quân	D13_TH01													6.00	5.60	3.80	5.76	5.89	43/53	23/27					
33	DH51301050	Trần Thị Trúc	Quyên	D13_TH01													6.31	5.75	5.00	4.18	5.49	39/53	20/27					
34	DH51301064	Trịnh Quang	Sơn	D13_TH01													7.63	7.60		7.12	7.45	53/53	27/27					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH51301179	Nguyễn Quốc	Thảo	D13_TH01													3.16	1.90		2.65	2.55	16/19	9/9	CCHV			CCHV_3	
36	DH51301148	Lữ Văn	Thôn	D13_TH01													5.56	5.05	5.00	4.76	5.23	39/53	20/27					
37	DH51301251	Thân Thị Hoàng	Thùy	D13_TH01													6.19	5.15	5.00	5.35	5.57	38/53	20/27					
38	DH51301255	Phạm Thị Thanh	Thủy	D13_TH01													5.31	5.25	4.00	4.32	5.36	36/53	19/27					
39	DH51301314	Nguyễn Hữu	Tiến	D13_TH01													4.88	4.10	4.57	4.41	4.66	31/53	16/27					
40	DH51301403	Nguyễn Chí Hải	Trường	D13_TH01													5.06	4.85	4.29	5.82	5.43	37/53	20/27					
41	DH51301295	Hà Minh	Tùng	D13_TH01													5.56	5.00	4.60	6.24	5.81	45/53	23/27					
42	DH51301517	Huỳnh Uyển	Văn	D13_TH01													4.69	2.30	4.60	3.63	3.87	22/53	11/27	CCHV			CCHV_2	
43	DH51301609	Phan Đăng	ý	D13_TH01													7.13	6.90		7.65	7.21	53/53	27/27					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH51300129	Ngụy Tiến	Bảo	D13_TH02													4.56	4.40		4.59	4.51	29/53	16/27					
2	DH51300117	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	D13_TH02													6.31	5.75	6.00	5.47	5.91	40/53	21/27					
3	DH51300155	Nguyễn Thanh	Cường	D13_TH02													4.06	3.15	4.14	2.29	3.43	21/53	10/27	CCHV			CCHV_2	
4	DH51300034	Nguyễn Hữu	Đạt	D13_TH02													7.00	7.05	5.00	6.41	6.89	50/53	26/27					
5	DH51300037	Nguyễn Thành	Đạt	D13_TH02													5.38	5.85	6.00	5.71	5.96	43/53	23/27					
6	DH51300348	Nguyễn Xuân	Hải	D13_TH02													4.19	3.80		3.00	3.66	20/53	10/27	CCHV			CCHV_2	
7	DH51300423	Nguyễn Minh	Hoài	D13_TH02													5.31	4.85		4.59	4.91	32/53	18/27					
8	DH51300385	Trần Chí	Hùng	D13_TH02													5.00	4.95	6.00	4.71	5.21	39/53	21/27					
9	DH51300461	Nguyễn Đức	Huy	D13_TH02													6.81	7.05	7.00	6.24	6.83	51/53	26/27					
10	DH51300509	Nguyễn Việt	Khang	D13_TH02													5.50	4.25		0.00	3.26	20/53	10/27	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
11	DH51300513	Nguyễn Duy	Khanh	D13_TH02													5.94	5.65	8.00	4.74	5.70	39/53	21/27					
12	DH51300494	Trần Vĩ	Khâm	D13_TH02													4.00	2.45		2.65	2.98	16/53	8/27	CCHV			CCHV_2	
13	DH51300549	Lê Ngô Việt	Kiều	D13_TH02													6.00	6.05	6.50	6.82	6.55	50/53	26/27					
14	DH51300551	Trần Huệ	Kỳ	D13_TH02													5.25	5.25	4.60	5.32	5.49	37/53	20/27					
15	DH51300615	Mạch Mỹ	Linh	D13_TH02													5.44	5.55	5.60	5.94	5.87	41/53	21/27					
16	DH51300587	Phạm Thanh Phước	Lộc	D13_TH02													6.88	6.80	7.00	6.94	7.02	53/53	27/27					
17	DH51300655	Huỳnh Gia	Luân	D13_TH02													6.06	5.15	2.80	5.53	5.55	36/53	20/27					
18	DH51300657	Võ Trần Trọng	Luân	D13_TH02													5.56	5.35	6.40	6.06	5.96	47/53	25/27					
19	DH51300682	Hoàng Minh	Mẫn	D13_TH02													5.69	4.10		4.76	4.79	30/53	16/27					
20	DH51300712	Trương Đức	Minh	D13_TH02													8.19	8.30		7.65	8.06	53/53	27/27					
21	DH51300834	Phan	Nhân	D13_TH02													5.31	5.95	6.14	5.00	5.85	39/53	21/27					
22	DH51300878	Trần Võ Thanh	Nhi	D13_TH02													5.44	6.15	5.40	5.76	5.98	45/53	24/27					
23	DH51300891	Trần Hồng	Nhung	D13_TH02													5.38	5.45	2.60	0.00	3.68	24/53	12/27	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
24	DH51300821	Nguyễn Quỳnh	Như	D13_TH02													3.31	2.90		0.00	2.09	12/53	5/27	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_3	ĐC_HP
25	DH51300993	Trịnh Hoài	Phong	D13_TH02													5.38	6.40		5.24	5.72	43/53	23/27					
26	DH51300971	Lê Minh	Phúc	D13_TH02													4.94	3.50	6.57	5.06	4.87	33/53	16/27					
27	DH51300974	Nguyễn Hoàng	Phúc	D13_TH02													6.00	6.75	8.00	7.18	6.85	50/53	26/27					
28	DH51300952	Trang Tấn	Phước	D13_TH02													6.56	5.70		6.18	6.11	48/53	25/27					
29	DH51301030	Lữ Thuận	Quý	D13_TH02													6.06	6.50		6.35	6.32	50/53	26/27					
30	DH51301146	Phan Thành	Thái	D13_TH02													5.63	5.00	6.00	5.12	5.34	43/53	23/27					
31	DH51301200	Võ Phương	Thảo	D13_TH02													6.56	5.95	4.00	5.79	6.47	39/53	21/27					
32	DH51301501	Võ Huỳnh Chí	Tín	D13_TH02													7.19	7.00	9.00	6.00	6.96	48/53	25/27					
33	DH51301346	Phạm Thanh	Toàn	D13_TH02													6.88	3.30		4.65	4.81	31/53	16/27					
34	DH51301449	Quan Chấn	Trung	D13_TH02													5.63	4.75	10.00	5.42	5.58	36/53	19/27					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH51301406	Phạm Xuân	Trường	D13_TH02													6.19	7.00		5.82	6.38	48/53	25/27					
36	DH51301334	Nguyễn Thanh	Tú	D13_TH02													6.56	7.60	8.00	7.00	7.28	53/53	27/27					
37	DH51301547	Nguyễn Văn	Vượng	D13_TH02													6.38	4.90	7.00	5.12	5.57	43/53	23/27					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH51300132	Nguyễn Quốc	Bảo	D13_TH03													6.56	6.45	5.00	5.06	6.09	48/53	24/27					
2	DH51300140	Trần Phước	Bảo	D13_TH03													6.56	3.70	3.00	3.80	4.67	31/53	18/27					
3	DH51300119	Trần Huy	Bình	D13_TH03													6.06	4.70	5.50	4.24	5.08	35/53	18/27					
4	DH51300146	Nguyễn Hoàn	Cầu	D13_TH03													5.88	4.75	1.00	5.18	5.23	37/53	19/27					
5	DH51300229	Nguyễn Thị Hồng	Dung	D13_TH03													7.44	7.60		6.82	7.30	53/53	27/27					
6	DH51300245	Nguyễn Nhật	Duy	D13_TH03													6.81	5.05		5.00	5.57	39/53	21/27					
7	DH51300220	Vũ Đức	Dự	D13_TH03													5.69	6.25	3.50	5.59	5.91	45/53	24/27					
8	DH51300016	Nguyễn Văn	Đăng	D13_TH03													4.88	1.95	3.43	2.94	3.45	18/53	11/27	CCHV			CCHV_2	
9	DH51300018	Phạm Hải	Đăng	D13_TH03													5.63	3.90	2.71	4.24	4.58	25/53	14/27					
10	DH51300358	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	D13_TH03													7.25	7.85		6.82	7.34	53/53	27/27					
11	DH51300284	Lê Như	Hằng	D13_TH03													6.81	7.15	8.00	5.94	6.85	51/53	26/27					
12	DH51300295	Nguyễn Thu	Hằng	D13_TH03													8.25	7.95		7.71	7.96	53/53	27/27					
13	DH51300371	Trần Hùng	Hậu	D13_TH03													4.19	1.30		0.46	2.02	6/53	3/27	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_2	ĐC_HP
14	DH51300443	Trần Kim	Hòa	D13_TH03													5.56	3.95	4.00	4.65	4.70	23/53	14/27					
15	DH51300465	Nguyễn Lâm Phước	Huy	D13_TH03													5.25	4.30	3.00	4.47	4.64	33/53	16/27					
16	DH51300469	Phạm Hoàng	Huy	D13_TH03													5.94	4.30	3.00	4.71	4.96	34/53	18/27					
17	DH51300499	Lê Minh	Kha	D13_TH03													6.25	5.85		4.47	5.53	38/53	20/27					
18	DH51300574	Vũ Đức	Lam	D13_TH03													3.88	1.70		3.41	2.91	9/53	6/27	CCHV			CCHV_3	
19	DH51300563	Trần Kim	Lâm	D13_TH03													5.94	6.65	3.50	5.35	6.09	48/53	24/27					
20	DH51300610	Lê Ngọc Mỹ	Linh	D13_TH03													7.63	8.00		7.59	7.75	53/53	27/27					
21	DH51300668	Nguyễn Thị Mai	Lý	D13_TH03													5.56	6.95	6.00	6.24	6.42	50/53	26/27					
22	DH51300725	Trần Mỹ	Mỹ	D13_TH03													5.56	5.40	0.00	0.00	3.72	24/53	12/27	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
23	DH51300796	Huỳnh Trọng	Nghĩa	D13_TH03													7.00	7.25		6.65	6.98	53/53	27/27					
24	DH51300809	Trương Vĩnh	Nguyên	D13_TH03													5.38	4.70	3.86	4.29	4.94	35/53	19/27					
25	DH51300837	Trương Trọng	Nhân	D13_TH03													5.06	4.35	3.29	4.82	4.96	27/53	16/27					
26	DH51300895	Nguyễn Minh	Nhựt	D13_TH03													5.56	5.10	4.00	4.53	5.13	35/53	19/27					
27	DH51300908	Huỳnh Kim	Phát	D13_TH03													5.56	6.50	0.00	6.71	6.28	46/53	24/27					
28	DH51300966	Đặng Hoàng	Phúc	D13_TH03													6.69	5.95		5.35	5.98	46/53	24/27					
29	DH51300983	Từ Hoàng	Phúc	D13_TH03													6.38	5.40	6.00	6.94	6.26	43/53	24/27					
30	DH51300923	Đoàn Thị Mỹ	Phương	D13_TH03													6.75	7.05	8.00	5.35	6.57	49/53	24/27					
31	DH51300924	Đoàn Văn	Phương	D13_TH03													4.38	1.30		3.06	2.79	12/53	7/27	CCHV			CCHV_2	
32	DH51301144	Nguyễn Hoàng	Thái	D13_TH03													6.31	7.60	4.80	6.94	7.08	50/53	26/27					
33	DH51301247	Trần Triệu	Thiện	D13_TH03													1.06	3.50	0.00	0.71	1.87	7/53	5/27	CCHV			CCHV_3	
34	DH51301133	Lưu Thị Anh	Thư	D13_TH03													6.81	6.05		6.06	6.28	50/53	26/27					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH51301400	Trần Thị Ngọc	Trang	D13_TH03													8.00	8.40		8.29	8.25	53/53	27/27					
36	DH51301451	Nguyễn Đình Nhân	Trí	D13_TH03													5.88	4.80	3.00	5.00	5.19	32/53	18/27					
37	DH51301454	Nguyễn Nhật Minh	Trí	D13_TH03													5.38	5.00	3.29	4.29	4.96	32/53	18/27					
38	DH51301474	Nguyễn Thanh	Tuấn	D13_TH03													5.31	5.10	4.00	3.06	4.51	25/53	13/27					
39	DH51301572	Đỗ Hồng Minh	Vy	D13_TH03													6.38	6.85		6.00	6.43	53/53	27/27					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH51300060	Đoàn Huỳnh Bình	An	D13_TH04													5.25	5.10	3.00	4.47	4.94	36/53	19/27					
2	DH51300088	Nguyễn Hoàng	Anh	D13_TH04													6.38	6.85	6.00	5.82	6.45	52/53	26/27					
3	DH51300098	Phạm Ngọc	Anh	D13_TH04													6.38	6.45		5.94	6.26	49/53	25/27					
4	DH51300013	Võ Hoàng	Ân	D13_TH04													5.69	4.50	0.00	0.00	3.42	23/53	11/27	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
5	DH51300137	Sử Chấn Hoài	Bảo	D13_TH04													4.13	4.80	2.57	4.35	4.57	26/53	14/27					
6	DH51300142	Bùi Hà	Bắc	D13_TH04													5.69	6.30		5.88	5.98	48/53	24/27					
7	DH51300157	Trần Viết	Cường	D13_TH04													6.38	5.65	4.00	5.06	5.72	40/53	21/27					
8	DH51300213	Nguyễn Hoàng	Dũng	D13_TH04													6.06	4.90	6.00	4.18	5.13	35/53	18/27					
9	DH51300214	Nguyễn Hoàng	Dũng	D13_TH04													5.81	6.30		5.23	5.86	37/53	19/27					
10	DH51300240	Ngô Trần Quang	Duy	D13_TH04													5.94	4.50	4.00	4.71	5.11	29/53	16/27					
11	DH51300350	Phạm Ngọc	Hải	D13_TH04													7.25	7.40		7.00	7.23	53/53	27/27					
12	DH51300351	Phan Lê Hồ	Hải	D13_TH04													5.56	7.30	5.20	6.06	6.55	50/53	26/27					
13	DH51300368	Lê Phúc	Hậu	D13_TH04													6.94	6.70		4.59	6.09	43/53	21/27					
14	DH51300369	Lê Thanh	Hậu	D13_TH04													5.13	3.45	2.86	3.35	4.08	26/53	13/27					
15	DH51300439	Lê Quang	Hòa	D13_TH04													7.00	6.75		7.00	6.91	53/53	27/27					
16	DH51300440	Lưu	Hòa	D13_TH04													5.31	4.75	5.29	4.94	5.32	37/53	20/27					
17	DH51300431	Phạm Trọng	Hoàng	D13_TH04													5.38	6.00	3.20	6.06	5.89	44/53	23/27					
18	DH51300419	Vương Quang	Hưng	D13_TH04													5.81	5.80		2.59	4.77	31/53	15/27	CCHV			CCHV_1	
19	DH51300523	Nguyễn Đăng	Khoa	D13_TH04													6.19	6.10	5.00	5.24	5.92	45/53	23/27					
20	DH51300525	Nguyễn Minh	Khoa	D13_TH04													4.25	4.65	3.00	4.29	4.53	38/53	20/27					
21	DH51300581	Phan Văn	Lên	D13_TH04													5.75	6.10	5.40	5.94	6.11	47/53	24/27					
22	DH51300662	Trần Văn	Luốt	D13_TH04													5.13	5.30		4.65	5.04	32/53	17/27					
23	DH51300684	Thái Minh	Mẫn	D13_TH04													6.06	5.75	7.00	5.59	5.91	46/53	24/27					
24	DH51300693	Đoàn Quang	Minh	D13_TH04													4.69	4.25	3.29	4.41	4.62	25/53	14/27					
25	DH51300737	Nguyễn Hoài	Nam	D13_TH04													4.56	1.50		3.88	3.19	14/53	9/27	CCHV			CCHV_2	
26	DH51300800	Trần Trọng	Nghĩa	D13_TH04													5.81	6.20	5.20	5.71	6.04	45/53	24/27					
27	DH51300909	Huỳnh Ngô Tấn	Phát	D13_TH04													7.38	7.20		5.71	6.77	49/53	25/27					
28	DH51300992	Trần Đệ	Phong	D13_TH04													5.31	4.45	0.00	4.41	4.70	30/53	17/27					
29	DH51301012	Phạm Nguyễn Minh	Quang	D13_TH04													5.31	4.10		1.53	3.64	24/53	12/27	CCHV			CCHV_1	
30	DH51301112	Đặng Văn	Tài	D13_TH04													4.69	4.25		4.65	4.51	31/53	16/27					
31	DH51301089	Bùi Thiệu Thành	Tâm	D13_TH04													5.06	0.65		0.94	2.08	13/53	7/27	CCHV			CCHV_2	
32	DH51301161	Lương Trí	Thành	D13_TH04													5.63	5.55	2.80	5.24	5.47	38/53	20/27					
33	DH51301206	Dương Minh	Thắng	D13_TH04													5.56	4.25	4.50	5.59	5.23	38/53	20/27					
34	DH51301265	Đặng Đức	Thịnh	D13_TH04													5.38	5.70	4.50	5.94	5.87	44/53	23/27					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH51301149	Hứa Hoàng Minh	Thông	D13_TH04													6.06	4.15	0.00	1.06	3.74	24/53	11/27	CCHV			CCHV_1	
36	DH51301258	Vũ Thu	Thủy	D13_TH04													6.00	5.65	4.00	5.47	5.77	41/53	22/27					
37	DH51301263	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	D13_TH04													7.31	8.10		7.18	7.57	53/53	27/27					
38	DH51301321	Nguyễn Sĩ	Tiến	D13_TH04													5.88	2.25		0.33	2.82	19/53	9/27	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_2	ĐC_HP
39	DH51301356	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D13_TH04													6.38	6.90		6.47	6.60	52/53	26/27					
40	DH51301303	Phạm Văn	Tùng	D13_TH04													5.44	3.15	3.00	2.59	3.77	16/53	8/27	CCHV			CCHV_1	
41	DH51301127	Nguyễn Trương Huy	Tường	D13_TH04													5.63	5.60		5.71	5.64	38/53	21/27					
42	DH51301540	Trần Tấn	Vạn	D13_TH04													5.44	5.80	4.00	6.24	5.91	46/53	24/27					
43	DH51301561	Lê Thanh	Vũ	D13_TH04													6.56	7.30	9.00	6.24	6.92	49/53	25/27					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. ĐÀO HẢO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH05

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH51300072	Nguyễn Xuân Trường	An	D13_TH05													4.44	4.95		0.00	3.21	19/53	10/27	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
2	DH51300079	Châu Công Tuấn	Anh	D13_TH05													5.69	5.05		4.24	4.98	29/53	15/27					
3	DH51300077	Đoàn Tuấn	Anh	D13_TH05													5.88	5.25		5.53	5.53	40/53	21/27					
4	DH51300175	Nguyễn Hữu Nhật	Chi	D13_TH05													5.94	5.80	5.00	6.00	5.98	50/53	26/27					
5	DH51300176	Nguyễn Thị Phương	Chi	D13_TH05													7.19	7.15		6.35	6.91	51/53	26/27					
6	DH51300151	Đinh Tuấn	Cường	D13_TH05													5.69	5.40	8.00	7.12	6.23	47/53	25/27					
7	DH51300050	Nguyễn Thuyết	Đường	D13_TH05													5.94	6.05	4.00	4.65	5.64	43/53	22/27					
8	DH51300341	Hoàng Thị Thúy	Hải	D13_TH05													5.56	5.00	5.00	4.71	5.11	34/53	18/27					
9	DH51300393	Trần Thu	Hiền	D13_TH05													7.13	5.45		5.65	6.02	47/53	24/27					
10	DH51300421	Dương Thanh	Hoài	D13_TH05													5.00	4.25	0.00	3.76	4.32	20/53	12/27					
11	DH51300309	Chu Lê	Hương	D13_TH05													5.69	6.10	5.60	5.00	5.85	42/53	22/27					
12	DH51300486	Nguyễn Minh	Khánh	D13_TH05													5.38	4.85	0.00	1.41	3.91	25/53	14/27	CCHV		Nợ HP	CCHV_1	ĐC_HP
13	DH51300535	Hồ Hoàng	Kim	D13_TH05													7.19	6.05		5.41	6.25	49/53	25/27					
14	DH51300573	Nguyễn Thị Hồng	Lam	D13_TH05													6.31	5.75		4.35	5.47	41/53	21/27					
15	DH51300701	Nguyễn Hoàng	Minh	D13_TH05													5.56	5.75	3.00	4.88	5.49	36/53	19/27					
16	DH51300702	Nguyễn Lê	Minh	D13_TH05													5.13	5.90	3.00	4.65	5.34	34/53	19/27					
17	DH51300735	Lê Ngọc	Nam	D13_TH05													5.19	5.45	5.00	4.82	5.21	44/53	23/27					
18	DH51300742	Bùi Nguyễn Kim	Ngân	D13_TH05													7.75	8.15		7.35	7.77	53/53	27/27					
19	DH51300774	Huỳnh Thị Thu	Ngọc	D13_TH05													6.63	6.95		6.47	6.70	51/53	26/27					
20	DH51300872	Trương Kiệt	Nhi	D13_TH05													6.50	5.05		6.06	5.81	40/53	21/27					
21	DH51300879	Mai Hồng	Nhủ	D13_TH05													6.75	6.30		6.76	6.58	53/53	27/27					
22	DH51301019	Lê Vinh	Quới	D13_TH05													7.19	7.55		5.35	6.74	49/53	25/27					
23	DH51301095	Nguyễn Thành	Tâm	D13_TH05													6.88	7.10		6.65	6.89	46/53	24/27					
24	DH51301123	Ngô Đình	Tấn	D13_TH05													5.63	6.05	4.50	5.35	5.85	40/53	21/27					
25	DH51301216	Trương Ngọc	Thạch	D13_TH05													5.50	5.25	5.60	5.18	5.51	46/53	24/27					
26	DH51301166	Trần Tấn	Thành	D13_TH05													4.81	5.40	5.00	4.76	5.38	37/53	20/27					
27	DH51301244	Nguyễn Chí	Thiện	D13_TH05													6.38	6.05		5.88	6.09	38/53	21/27					
28	DH51301275	Lê Thanh	Thuận	D13_TH05													6.88	5.85		5.00	5.89	40/53	21/27					
29	DH51301135	Nguyễn Đỗ Minh	Thư	D13_TH05													5.13	5.10	4.80	4.82	5.32	37/53	20/27					
30	DH51301287	Đặng Thị Mỹ	Tiên	D13_TH05													6.94	6.30		6.18	6.45	50/53	26/27					
31	DH51301349	Nguyễn Đình	Toại	D13_TH05													6.44	5.90		5.35	5.89	49/53	25/27					
32	DH51301395	Phạm Thị Thùy	Trang	D13_TH05													6.38	6.45		6.06	6.30	51/53	26/27					
33	DH51301459	Trần Cao	Trí	D13_TH05													6.88	6.35	6.00	6.00	6.47	46/53	24/27					
34	DH51301446	Huỳnh Thanh	Trung	D13_TH05													6.88	6.15		5.82	6.26	50/53	26/27					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH05

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH51301516	Võ Trần Bảo	Uyên	D13_TH05													6.44	4.90	6.00	4.76	5.40	35/53	19/27					
36	DH51301543	Nguyễn Thị Tường	Vi	D13_TH05													6.13	6.45	7.00	5.76	6.28	49/53	25/27					
37	DH51301565	Tô Hoài	Vũ	D13_TH05													6.44	5.00		5.24	5.51	37/53	20/27					
38	DH51301576	Hoàng Thị Ngọc	Vy	D13_TH05													5.94	6.00	4.00	5.76	6.02	40/53	21/27					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH06

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH51300177	Phan Kim	Chi	D13_TH06													6.25	6.80	4.00	7.65	7.02	45/53	24/27					
2	DH51300184	Nguyễn Thị Ngọc	Cúc	D13_TH06													7.63	7.00		5.88	6.83	52/53	26/27					
3	DH51300238	Lê Hoàng	Duy	D13_TH06													6.06	5.85	2.00	5.35	5.75	47/53	24/27					
4	DH51300252	Đặng Phạm Mỹ	Duyên	D13_TH06													5.25	0.75	0.00	0.00	1.87	14/53	7/27	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_2	ĐC_HP
5	DH51300190	Trần Trung	Dương	D13_TH06													5.75	5.65		5.94	5.77	49/53	25/27					
6	DH51300054	Nguyễn Hoàng Trọng	Đức	D13_TH06													7.06	7.40	7.00	6.41	7.17	53/53	27/27					
7	DH51300330	Phan Thị Hồng	Hà	D13_TH06													6.88	7.10		6.35	6.79	50/53	26/27					
8	DH51300277	Châu Diệu	Hán	D13_TH06													6.63	6.15		5.41	6.06	47/53	24/27					
9	DH51300292	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D13_TH06													5.06	4.20	3.00	4.76	4.68	34/53	17/27					
10	DH51300392	Trần Thị Thu	Hiền	D13_TH06													5.75	6.15	5.80	6.29	6.28	46/53	24/27					
11	DH51300399	Lê Hoài	Hiếu	D13_TH06													6.88	6.85		6.24	6.66	50/53	25/27					
12	DH51300437	Lê Thị	Hoa	D13_TH06													6.81	6.70		6.12	6.55	47/53	24/27					
13	DH51300429	Nguyễn Kim	Hoàng	D13_TH06													7.00	6.65		5.94	6.53	53/53	27/27					
14	DH51300434	Trương Minh	Hoàng	D13_TH06													7.00	7.25		5.59	6.64	53/53	27/27					
15	DH51300361	Chúc Anh	Học	D13_TH06													7.25	6.70		6.94	6.94	52/53	26/27					
16	DH51300446	Nguyễn Minh	Huân	D13_TH06													5.38	3.70	3.20	3.59	4.32	27/53	14/27					
17	DH51300418	Trần Văn	Hưng	D13_TH06													8.00	7.70		7.82	7.83	53/53	27/27					
18	DH51300651	Trần Thành	Long	D13_TH06													5.75	5.55	2.80	5.76	5.68	40/53	22/27					
19	DH51300567	Trần Hữu	Lương	D13_TH06													7.19	8.00		7.71	7.66	53/53	27/27					
20	DH51300710	Nguyễn Văn	Minh	D13_TH06													7.50	5.90		6.71	6.64	45/53	24/27					
21	DH51300732	Phan Thị Diễm	My	D13_TH06													5.88	6.15	4.00	6.65	6.34	44/53	23/27					
22	DH51300726	Võ Lê Hoàng	Mỹ	D13_TH06													5.06	1.70	0.00	2.00	2.81	18/53	9/27	CCHV			CCHV_2	
23	DH51300754	Phạm Thị Kim	Ngân	D13_TH06													3.88	0.45		2.35	2.09	9/53	5/27	CCHV			CCHV_3	
24	DH51300949	Đặng Kim	Phước	D13_TH06													7.38	7.50		5.88	6.94	51/53	26/27					
25	DH51301027	Trương Thị Ngọc	Quỳnh	D13_TH06													6.19	6.05	5.00	5.88	6.15	46/53	23/27					
26	DH51301113	Cao Thái	Tài	D13_TH06													6.88	6.90		6.74	6.84	53/53	27/27					
27	DH51301116	Lê Quang	Tài	D13_TH06													6.19	6.05		5.00	5.75	38/53	19/27					
28	DH51301088	Bùi Phúc Minh	Tâm	D13_TH06													7.94	7.75		7.24	7.64	53/53	27/27					
29	DH51301110	Trần Ngọc	Tân	D13_TH06													2.38	0.00	0.00	0.00	0.78	6/53	3/27	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_3	ĐC_HP
30	DH51301231	Trương H Thụy Thái	Thanh	D13_TH06													8.19	7.95		9.00	8.36	53/53	27/27					
31	DH51301165	Phạm Văn	Thành	D13_TH06													4.63	4.15	3.00	4.06	4.42	28/53	14/27			Nợ HP		ĐC_HP
32	DH51301208	Nguyễn Hoàng	Thắng	D13_TH06													4.31	4.70	2.60	4.18	4.51	29/53	14/27					
33	DH51301153	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	D13_TH06													6.69	6.80		6.47	6.66	53/53	27/27					
34	DH51301282	Tăng Đức	Thuận	D13_TH06													8.31	7.45		7.29	7.66	53/53	27/27					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TH06

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH51301134	Ngô Minh	Thư	D13_TH06													7.44	8.20		7.24	7.66	53/53	27/27					
36	DH51301418	Nguyễn Trần Thị	Trinh	D13_TH06													5.75	5.25	3.00	5.06	5.34	32/53	17/27					
37	DH51301466	Ngô Thanh	Tuấn	D13_TH06													5.19	3.85	4.29	6.18	5.17	39/53	21/27					
38	DH51301596	Phan Thị Kim	Xuyến	D13_TH06													7.69	8.40		6.94	7.72	53/53	27/27					
39	DH51301605	Nguyễn Thị Như	ý	D13_TH06													7.38	7.05		6.47	6.96	52/53	26/27					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. ĐẠO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH61300232	Đỗ Minh	Duy	D13_TP01													4.75	4.16	0.40	5.37	4.76	34/54	19/26					
2	DH61300243	Nguyễn Hoàng	Duy	D13_TP01													5.19	5.42	5.60	5.74	5.67	41/54	21/26					
3	DH61300249	Trần Khương	Duy	D13_TP01													5.88	6.21	4.00	6.37	6.20	42/54	21/26					
4	DH61300279	Đỗ Thị Phương	Hằng	D13_TP01													5.06	7.11	6.29	6.47	6.74	53/54	25/26					
5	DH61300306	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D13_TP01													6.00	5.79	5.00	6.89	6.30	47/54	24/26					
6	DH61300389	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	D13_TP01													6.44	6.16	7.40	6.95	6.83	54/54	26/26					
7	DH61300395	Bùi	Hiếu	D13_TP01													4.63	4.79	4.43	5.00	5.04	33/54	18/26					
8	DH61300365	Nguyễn Thị	Hồng	D13_TP01													5.75	6.68		6.47	6.33	52/54	25/26					
9	DH61300414	Lâm Chấn	Hưng	D13_TP01													4.75	5.32	5.00	5.80	5.52	44/54	23/26					
10	DH61300313	Nguyễn Thị Thu	Hương	D13_TP01													5.44	6.21	6.57	6.79	6.61	48/54	24/26					
11	DH61300512	Mai Thị Kiều	Khanh	D13_TP01													6.81	7.05		7.53	7.15	53/54	25/26					
12	DH61300490	Võ Quốc	Khánh	D13_TP01													5.63	5.47	6.00	5.47	5.74	38/54	20/26					
13	DH61300521	Lý Anh	Khoa	D13_TP01													5.25	5.74	6.00	6.58	6.04	50/54	25/26					
14	DH61300542	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt	D13_TP01													4.81	5.47	5.14	1.68	4.09	24/54	13/26	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_ĐC_HP	
15	DH61300546	Trần Anh	Kiệt	D13_TP01													3.53	5.37	3.80	5.79	5.02	35/54	17/26					
16	DH61300604	Chung Ngọc	Linh	D13_TP01													5.19	6.42	7.00	6.68	6.61	54/54	26/26					
17	DH61300635	Võ Thị Hoài	Linh	D13_TP01													6.31	7.00		6.58	6.65	54/54	26/26					
18	DH61300645	Lương Tiểu	Long	D13_TP01													3.05	5.32	4.40	6.16	5.04	37/54	19/26					
19	DH61300600	Nguyễn Thị Kim	Lợi	D13_TP01													7.25	8.42		7.84	7.87	52/54	25/26					
20	DH61302102	Lê Thị Trúc	Mai	D13_TP01													6.19	7.21		6.21	6.56	52/54	25/26					
21	DH61300677	Phạm Thị Ngọc	Mai	D13_TP01													5.75	7.16	7.00	6.42	6.70	48/54	24/26					
22	DH61300748	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngân	D13_TP01													6.81	7.32		7.00	7.06	54/54	26/26					
23	DH61300758	Trần Tuyết	Ngân	D13_TP01													7.19	6.89		7.21	7.09	51/54	25/26					
24	DH61300827	Lê Đặng Thế	Nhân	D13_TP01													7.13	7.16		6.79	7.02	54/54	26/26					
25	DH61300858	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	D13_TP01													4.19	5.63	3.86	5.47	5.33	36/54	19/26					
26	DH61300860	Khấu Thị Yến	Nhi	D13_TP01													4.19	5.16	5.57	6.11	5.67	48/54	24/26					
27	DH61300819	Mai Nhật Quỳnh	Như	D13_TP01													5.88	6.21	7.40	7.58	6.91	54/54	26/26					
28	DH61300913	Nguyễn Tấn	Phát	D13_TP01													6.69	7.68		7.21	7.22	54/54	26/26					
29	DH61300990	Ngụy Quốc	Phong	D13_TP01													4.50	6.58	5.00	6.09	6.07	51/54	25/26					
30	DH61300958	Ngô Nguyễn Yến	Phượng	D13_TP01													5.63	6.32		6.58	6.20	46/54	23/26					
31	DH61300960	Võ Thúy	Phượng	D13_TP01													5.63	6.89	6.00	7.05	6.72	54/54	26/26					
32	DH61301044	Phạm Thị Ngọc	Quyên	D13_TP01													6.69	8.11	9.00	7.84	7.78	54/54	26/26					
33	DH61301046	Trần	Quyên	D13_TP01													5.31	6.16	5.80	6.58	6.26	52/54	25/26					
34	DH61301093	Lê Nguyễn Thanh	Tâm	D13_TP01													5.94	5.95	6.00	6.42	6.22	51/54	25/26					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH61301094	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	D13_TP01													7.50	8.00		7.68	7.74	54/54	26/26					
36	DH61301159	Hồ Chấn	Thành	D13_TP01													5.25	5.37	5.00	6.21	5.74	44/54	23/26					
37	DH61301173	Lê Thu	Thảo	D13_TP01													8.00	8.11		7.47	7.85	54/54	26/26					
38	DH61301236	Âu Thị Phương	Thi	D13_TP01													6.25	7.16	6.00	6.37	6.72	54/54	26/26					
39	DH61301218	Trần Lê Đình	Thọ	D13_TP01													6.19	7.00	6.20	6.32	6.78	54/54	26/26					
40	DH61301259	Huỳnh Quang	Thụ	D13_TP01													4.75	5.00	4.40	5.30	5.31	37/54	20/26					
41	DH61301369	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	D13_TP01													6.25	7.16		7.47	7.00	54/54	26/26					
42	DH61301410	Huỳnh Thị Phương	Trinh	D13_TP01													5.56	6.47	5.00	6.00	6.20	53/54	25/26					
43	DH61301462	Hà Anh	Tuấn	D13_TP01													4.81	5.95	5.00	5.53	5.69	47/54	23/26					
44	DH61301493	Lê Thị	Tuyền	D13_TP01													5.44	5.21	5.00	6.05	5.69	47/54	23/26					
45	DH61301535	Trương Thị Hồng	Vân	D13_TP01													7.00	6.68		6.37	6.67	53/54	25/26					
46	DH61301557	Từ Chí	Vinh	D13_TP01													5.88	6.21	6.40	6.74	6.52	51/54	25/26					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH61300105	Trần Tuấn	Anh	D13_TP02													7.63	7.63		8.16	7.81	54/54	26/26					
2	DH61300134	Nguyễn Thị Phương	Bảo	D13_TP02													5.75	5.84	4.60	7.21	6.50	44/54	22/26					
3	DH61300148	Đoàn Thị Hồng	Cẩm	D13_TP02													7.13	7.37		7.26	7.26	54/54	26/26					
4	DH61300161	Nguyễn Đồng Bảo	Châu	D13_TP02													5.44	5.47	5.50	4.90	5.44	30/54	16/26					
5	DH61300226	Nguyễn Ngọc Xuân	Dung	D13_TP02													6.81	7.47		7.68	7.35	54/54	26/26					
6	DH61300186	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	D13_TP02													4.25	5.21	4.86	5.84	5.39	41/54	20/26					
7	DH61300275	Nguyễn Thị Trúc	Giang	D13_TP02													6.00	7.05	8.00	6.63	6.78	54/54	26/26					
8	DH61300324	Nguyễn Hải	Hà	D13_TP02													4.19	5.58	5.60	4.59	5.06	33/54	17/26					
9	DH61300349	Phạm Minh	Hải	D13_TP02													5.44	6.16	5.00	5.47	5.78	46/54	23/26					
10	DH61300352	Trịnh Huỳnh Tuấn	Hải	D13_TP02													5.88	5.68	3.80	5.79	5.81	39/54	21/26					
11	DH61300470	Phạm Nguyễn Ngọc	Huy	D13_TP02													3.94	4.32	3.14	5.15	4.63	24/54	13/26			Nợ HP		ĐC_HP
12	DH61300311	Lê Thị Ngọc	Hương	D13_TP02													5.69	6.63	5.00	6.74	6.50	52/54	25/26					
13	DH61300489	Trần Minh	Khánh	D13_TP02													5.88	6.95	8.00	6.84	6.81	54/54	26/26					
14	DH61300564	Ngô Bội	Lân	D13_TP02													5.63	5.47	4.71	6.11	6.00	40/54	21/26					
15	DH61300616	Nguyễn Bảo	Linh	D13_TP02													6.00	6.68	7.00	6.79	6.63	54/54	26/26					
16	DH61300663	Đinh Hồng Trúc	Ly	D13_TP02													5.88	7.00	7.80	7.21	7.13	54/54	26/26					
17	DH61300689	Trần ái	Mi	D13_TP02													5.19	6.37	4.00	5.89	5.89	46/54	22/26					
18	DH61300694	Đoàn Xuân	Minh	D13_TP02													5.88	5.11	1.00	4.84	5.24	38/54	18/26					
19	DH61300761	Vũ Thị	Ngân	D13_TP02													5.56	5.89	8.00	6.84	6.35	54/54	26/26					
20	DH61300856	Hồ Phương Thúy	Nhi	D13_TP02													6.38	6.79	7.50	6.53	6.83	48/54	24/26					
21	DH61300816	Đoàn Huỳnh	Như	D13_TP02													6.63	6.63	8.00	7.00	6.94	54/54	26/26					
22	DH61300896	Nguyễn Minh	Nhựt	D13_TP02													5.44	4.32	5.50	5.42	5.22	36/54	19/26					
23	DH61300899	Dương Kiều	Oanh	D13_TP02													6.31	6.11	6.00	6.53	6.39	54/54	26/26					
24	DH61300912	Nguyễn Nhật	Phát	D13_TP02													5.06	5.47	5.86	5.63	5.81	42/54	21/26					
25	DH61300963	Nguyễn Hùng	Phú	D13_TP02													6.13	6.47	6.00	6.21	6.35	51/54	25/26					
26	DH61300970	Lê Hoàng	Phúc	D13_TP02													4.88	4.63	0.00	0.21	3.15	16/54	9/26	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
27	DH61300930	Nguyễn Hồ Tiểu	Phương	D13_TP02													5.69	7.16	7.00	7.74	7.04	54/54	26/26					
28	DH61300937	Phùng Thị Bích	Phương	D13_TP02													5.63	7.00	6.00	7.00	6.74	54/54	26/26					
29	DH61301020	Đặng Ngọc Như	Quỳnh	D13_TP02													5.69	6.37	7.00	6.79	6.50	54/54	26/26					
30	DH61301071	Khâu Minh	Sang	D13_TP02													4.75	5.79	2.00	5.26	5.37	41/54	21/26					
31	DH61301219	Hoàng Thị Trang	Thanh	D13_TP02													6.88	7.21		7.63	7.26	54/54	26/26					
32	DH61301234	Nguyễn Thị Thiên	Thấm	D13_TP02													4.75	5.95	7.00	5.11	5.67	42/54	21/26					
33	DH61301249	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	D13_TP02													6.63	6.74	6.00	6.42	6.67	54/54	26/26					
34	DH61301140	Trần Thiên Thiên	Thư	D13_TP02													6.75	6.42		6.84	6.67	51/54	25/26					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH61301383	Nguyễn Châu Tuyết	Trang	D13_TP02													6.25	6.11	2.00	6.89	6.46	45/54	22/26					
36	DH61302104	Nguyễn Thị Kim	Trang	D13_TP02													7.44	7.37		7.58	7.46	54/54	26/26					
37	DH61301357	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D13_TP02													6.06	6.32	5.00	6.42	6.31	48/54	24/26					
38	DH61301363	Lê Diệp Bảo	Trân	D13_TP02													6.75	7.37	9.00	7.11	7.28	54/54	26/26					
39	DH61301350	Nguyễn Lê Khánh	Trình	D13_TP02													6.38	6.37	5.00	4.37	5.74	40/54	20/26					
40	DH61301486	Trương Huỳnh Mỹ	Tuyên	D13_TP02													6.63	7.26		6.74	6.89	52/54	25/26					
41	DH61301577	Huỳnh Võ Thanh	Vy	D13_TP02													5.81	6.74	8.00	7.89	7.20	47/54	23/26					
42	DH61301580	Lê Nguyễn Thúy	Vy	D13_TP02													5.38	5.58	5.00	5.63	5.65	44/54	22/26					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH61300095	Nguyễn Thị Phương	Anh	D13_TP03													6.13	6.11		6.21	6.15	54/54	26/26					
2	DH61300143	Cao Thị Ngọc	Bạch	D13_TP03													6.63	6.68		6.53	6.61	53/54	25/26					
3	DH61300191	Cao Ngọc Duy	Danh	D13_TP03													5.25	2.89	0.00	0.00	2.57	14/54	7/26	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_2	ĐC_HP
4	DH61300199	Nguyễn Thy Hà	Diễm	D13_TP03													6.50	5.58		6.52	6.28	51/54	25/26					
5	DH61300270	Chung Bảo	Gia	D13_TP03													4.81	5.47	7.00	6.37	5.87	46/54	22/26					
6	DH61300329	Phương Mỹ	Hà	D13_TP03													4.81	5.79	3.20	6.21	5.72	45/54	23/26					
7	DH61300308	Đỗ Ngọc Quỳnh	Hương	D13_TP03													6.44	7.68		7.05	7.09	52/54	25/26					
8	DH61300312	Lê Thị Ngọc	Hương	D13_TP03													6.69	7.63	8.00	6.47	7.17	51/54	25/26					
9	DH61300534	Trương Xuân	Kiên	D13_TP03													5.31	5.21	4.80	6.11	5.63	44/54	22/26					
10	DH61300557	Huỳnh Hoàng	Lâm	D13_TP03													4.94	4.89	4.20	5.21	5.13	37/54	19/26					
11	DH61300691	Nguyễn Mộc	Miên	D13_TP03													5.50	6.84	7.00	6.32	6.43	51/54	25/26					
12	DH61300764	Nguyễn Thị Hằng	Nga	D13_TP03													6.44	6.68		6.58	6.57	51/54	25/26					
13	DH61300753	Phạm Mai Hoàng	Ngân	D13_TP03													7.44	7.21		7.21	7.28	54/54	26/26					
14	DH61300840	Võ Hoàng	Nhân	D13_TP03													6.94	7.00		6.53	6.81	54/54	26/26					
15	DH61300857	Hầu Lâm Đình	Nhi	D13_TP03													6.63	7.26		7.05	7.00	54/54	26/26					
16	DH61300874	Trần Phượng	Nhi	D13_TP03													5.81	7.21	7.00	7.26	7.15	54/54	26/26					
17	DH61300887	Lê Thị Cẩm	Nhung	D13_TP03													6.31	6.79		6.37	6.50	52/54	25/26					
18	DH61300969	Lê Hoàng	Phúc	D13_TP03													5.69	4.21	0.00	2.58	4.07	25/54	14/26	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
19	DH61301047	Trần Đoàn Phương	Quyên	D13_TP03													7.69	7.74		6.89	7.43	54/54	26/26					
20	DH61301073	Lưu Tấn	Sang	D13_TP03													5.38	5.16	4.00	6.37	5.70	45/54	23/26					
21	DH61301103	Huỳnh Khánh	Tân	D13_TP03													6.13	6.11	5.40	7.21	6.63	51/54	25/26					
22	DH61301195	Trần Lê Phương	Thảo	D13_TP03													5.88	6.26	6.40	6.68	6.56	49/54	24/26					
23	DH61301242	Võ Văn	Thiên	D13_TP03													5.00	4.84	5.00	5.75	5.37	39/54	20/26			Nợ HP		ĐC_HP
24	DH61301131	Lê Thị Vũ	Thư	D13_TP03													6.63	6.89		7.05	6.87	54/54	26/26					
25	DH61301288	Bùi Ngọc Cẩm	Tiên	D13_TP03													5.75	5.47	5.00	6.47	6.00	48/54	24/26					
26	DH61301312	Lê Phi	Tiến	D13_TP03													5.38	3.68	5.00	5.32	4.87	36/54	19/26					
27	DH61301502	Võ Sĩ	Tín	D13_TP03													5.63	5.53	5.00	6.16	5.85	49/54	24/26					
28	DH61301380	Mai Thùy	Trang	D13_TP03													5.88	7.42		6.74	6.72	54/54	26/26					
29	DH61301362	Hồ Thị Huyền	Trân	D13_TP03													6.75	6.53		5.58	6.26	46/54	22/26					
30	DH61301437	Quách Thanh	Trúc	D13_TP03													5.94	6.68	6.40	6.53	6.63	48/54	23/26					
31	DH61301465	Lê Minh	Tuấn	D13_TP03													6.19	6.53		6.63	6.46	53/54	25/26					
32	DH61301519	Tài Gia	Văn	D13_TP03													6.25	7.00	7.00	7.00	7.06	54/54	26/26					
33	DH61301524	Huỳnh Như Ngọc	Vân	D13_TP03													6.81	5.79		6.89	6.48	47/54	24/26					
34	DH61301558	Trần Thị Phúc	Vinh	D13_TP03													5.44	6.53	4.80	6.63	6.35	48/54	24/26					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH61301584	Nguyễn Phan Thảo	Vy	D13_TP03													6.25	6.47	4.00	6.42	6.43	49/54	24/26					
36	DH61301589	Võ Trần Thúy	Vy	D13_TP03													6.06	7.26	9.00	7.26	7.19	50/54	24/26					
37	DH61301568	Hà Phạm Kim	Vỹ	D13_TP03													6.25	6.37	4.00	6.58	6.41	51/54	25/26					
38	DH61301604	Nguyễn Thành	ý	D13_TP03													5.31	5.42	5.00	6.32	5.94	48/54	24/26					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH61300068	Nguyễn Thái	An	D13_TP04													4.44	3.68	3.20	2.25	3.52	27/54	12/26	CCHV		Nợ HP	CCHV_1	ĐC_HP
2	DH61300069	Nguyễn Thành	An	D13_TP04													5.13	5.58	6.43	5.16	5.76	46/54	23/26					
3	DH61300262	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D13_TP04													6.25	6.42		6.26	6.31	49/54	24/26					
4	DH61300264	Võ Nguyễn Trúc	Duyên	D13_TP04													6.31	6.11		6.11	6.17	51/54	25/26					
5	DH61300029	Châu Văn Tấn	Đạt	D13_TP04													6.75	6.84		5.42	6.31	51/54	25/26					
6	DH61300057	Nguyễn Khắc	Định	D13_TP04													5.81	7.37		6.32	6.54	54/54	26/26					
7	DH61300021	Trương Quý	Đông	D13_TP04													8.25	7.53		6.58	7.41	54/54	26/26					
8	DH61300049	Trà Lâm	Đồng	D13_TP04													4.25	4.32	0.00	0.00	2.78	16/54	8/26	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
9	DH61300357	Nguyễn Thị Dung	Hạnh	D13_TP04													7.00	7.11		6.58	6.89	54/54	26/26					
10	DH61300354	Nguyễn Thị Như	Hảo	D13_TP04													7.00	6.47		5.68	6.35	51/54	25/26					
11	DH61300478	Nguyễn Bích	Huyền	D13_TP04													6.44	7.32		6.37	6.72	51/54	25/26					
12	DH61300597	Trần Thị Mỹ	Liên	D13_TP04													5.94	6.21	7.60	5.58	6.24	46/54	23/26					
13	DH61300688	Sầm Hải	Mi	D13_TP04													5.44	5.68	5.00	5.32	5.59	39/54	19/26					
14	DH61300705	Nguyễn Ngọc	Minh	D13_TP04													6.56	6.58	5.00	5.53	6.24	46/54	23/26					
15	DH61300728	Ngô Thị Kiều	My	D13_TP04													6.56	6.21		5.05	5.91	44/54	22/26					
16	DH61300729	Ngô Trà	My	D13_TP04													6.00	6.68	6.80	6.24	6.67	51/54	25/26					
17	DH61300759	Võ Dư Thảo	Ngân	D13_TP04													6.69	6.68		5.37	6.22	47/54	23/26					
18	DH61300918	Thái Thanh	Phát	D13_TP04													7.69	7.68		6.58	7.30	54/54	26/26					
19	DH61300994	Võ Hữu Văn	Phong	D13_TP04													6.06	5.47	0.00	4.63	5.35	41/54	20/26					
20	DH61301003	Nguyễn Việt	Quân	D13_TP04													5.88	5.79	1.00	5.16	5.59	45/54	22/26					
21	DH61301067	Quách Thị Thu	Sương	D13_TP04													6.94	7.26		6.47	6.89	51/54	25/26					
22	DH61301117	Lê Tấn	Tài	D13_TP04													6.56	7.05		6.05	6.56	51/54	25/26					
23	DH61301090	Bùi Văn Minh	Tâm	D13_TP04													5.94	6.37	0.00	0.00	4.00	27/54	13/26	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
24	DH61301185	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D13_TP04													6.69	6.47		5.79	6.30	49/54	24/26					
25	DH61301280	Nguyễn Thị	Thuận	D13_TP04													7.63	7.74		6.16	7.15	52/54	25/26					
26	DH61301250	Nguyễn Thị Xuân	Thủy	D13_TP04													8.19	7.63		6.68	7.46	54/54	26/26					
27	DH61301382	Ngô Thủy	Trang	D13_TP04													5.81	5.74	6.00	5.00	5.57	42/54	20/26					
28	DH61301401	Mai Quyết	Trọng	D13_TP04													6.25	6.16		4.63	5.65	47/54	23/26					
29	DH61301507	Đỗ Thu	Uyên	D13_TP04													6.38	6.47		5.37	6.06	47/54	23/26					
30	DH61301528	Nguyễn Tường	Vân	D13_TP04													6.50	6.58		5.47	6.17	44/54	22/26					
31	DH61301532	Phan Thị Bích	Vân	D13_TP04													7.38	7.68		6.89	7.31	54/54	26/26					
32	DH61301555	Nhìn Phí	Vinh	D13_TP04													5.69	6.84	6.00	6.11	6.41	52/54	25/26					
33	DH61301563	Phạm Thị Hoài	Vũ	D13_TP04													7.44	7.63		7.32	7.46	54/54	26/26					
34	DH61301574	Hà Khánh	Vy	D13_TP04													5.31	5.32	3.00	5.63	5.43	44/54	22/26					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	DKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH61301593	Phan Thị Diệu	Xuân	D13_TP04													5.56	5.47		5.42	5.48	46/54	23/26					
36	DH61301598	Đặng Thị Như	ý	D13_TP04													5.00	5.68	0.00	5.68	5.48	42/54	21/26					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP05

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH61300059	Đặng Thái	An	D13_TP05													6.00	5.63	4.00	5.95	5.89	39/54	20/26					
2	DH61300070	Nguyễn Thành	An	D13_TP05													3.13	4.58	5.14	3.95	4.37	32/54	17/26					
3	DH61300091	Nguyễn Mai	Anh	D13_TP05													5.25	6.37	2.60	6.11	5.94	41/54	21/26					
4	DH61300092	Nguyễn Phi	Anh	D13_TP05													6.31	7.58	4.80	7.53	7.26	51/54	25/26					
5	DH61300112	Dương Tiểu	Bình	D13_TP05													6.44	7.00		6.21	6.56	51/54	25/26					
6	DH61300201	Nguyễn Lam Trúc	Diệp	D13_TP05													5.88	6.11		6.05	6.02	41/54	21/26					
7	DH61300211	Ngô Hoàng	Dũng	D13_TP05													5.88	5.84	6.00	5.74	5.93	48/54	24/26					
8	DH61300048	Phạm Dương	Đan	D13_TP05													6.38	7.00	5.00	5.32	6.26	44/54	22/26					
9	DH61300022	Ngô Yến	Đình	D13_TP05													6.00	5.95	6.00	5.79	6.02	47/54	23/26					
10	DH61300299	Võ Thị Thanh	Hằng	D13_TP05													5.81	6.42		5.84	6.04	47/54	23/26					
11	DH61300436	Võ Thành	Hoàng	D13_TP05													5.69	6.05	4.50	5.32	5.72	42/54	21/26					
12	DH61300314	Phạm Thị Trúc	Hương	D13_TP05													6.13	6.47		6.42	6.35	44/54	22/26					
13	DH61300520	Lê Anh	Khoa	D13_TP05													5.00	5.79	5.00	5.26	5.59	48/54	24/26					
14	DH61300555	Đào Phát	Lâm	D13_TP05													6.25	6.58	8.00	6.37	6.59	48/54	24/26					
15	DH61300680	Trần Thị Thu	Mai	D13_TP05													6.94	7.74		6.74	7.15	54/54	26/26					
16	DH61300722	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Mỹ	D13_TP05													5.00	5.32	4.00	5.63	5.44	36/54	19/26					
17	DH61300762	Đặng Thị Thiên	Nga	D13_TP05													5.94	6.74	4.40	5.74	6.22	45/54	23/26					
18	DH61300765	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	D13_TP05													4.75	6.16	3.80	6.26	5.89	38/54	19/26					
19	DH61300814	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	D13_TP05													5.81	6.11	2.40	6.05	6.00	41/54	21/26					
20	DH61300850	Nguyễn Minh	Nhật	D13_TP05													6.31	7.32	7.00	6.47	6.89	54/54	26/26					
21	DH61300889	Phan Ngọc	Nhung	D13_TP05													7.50	7.63		6.74	7.28	54/54	26/26					
22	DH61300818	Mai Hoàng Quỳnh	Như	D13_TP05													6.94	7.00		6.68	6.87	52/54	25/26					
23	DH61300988	Nguyễn Đỗ Đình	Phục	D13_TP05													5.94	6.05	6.00	4.37	5.50	45/54	22/26					
24	DH61301180	Nguyễn Thanh	Thảo	D13_TP05													5.88	6.11	5.50	5.42	5.91	46/54	23/26					
25	DH61301189	Nguyễn Thu	Thảo	D13_TP05													6.06	6.84		6.68	6.56	51/54	25/26					
26	DH61301192	Phan Thị Thu	Thảo	D13_TP05													5.13	6.37	4.71	6.16	6.09	46/54	23/26					
27	DH61301202	Vũ Thị Thạch	Thảo	D13_TP05													4.19	4.79	5.29	6.58	5.50	42/54	21/26					
28	DH61301260	Lê Thị Kim	Thoa	D13_TP05													7.63	8.26		7.37	7.76	54/54	26/26					
29	DH61301272	Huỳnh Thị Cẩm	Thu	D13_TP05													6.13	6.89		6.79	6.63	54/54	26/26					
30	DH61301132	Lục Anh	Thư	D13_TP05													6.06	6.58	5.00	5.79	6.22	50/54	24/26					
31	DH61301136	Nguyễn Anh	Thư	D13_TP05													6.25	7.37	5.50	6.47	6.91	47/54	23/26					
32	DH61301376	Huỳnh Thị	Trang	D13_TP05													6.88	7.84		6.84	7.20	51/54	25/26					
33	DH61301381	Mai Thị Xuân	Trang	D13_TP05													5.50	6.05		6.79	6.15	52/54	25/26					
34	DH61301390	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D13_TP05													5.56	6.05	6.00	5.79	5.93	51/54	25/26					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP05

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH61301396	Phạm Vũ Khương	Trang	D13_TP05													5.25	6.16	4.40	6.95	6.48	46/54	23/26					
36	DH61301352	Lê Thị Bích	Trâm	D13_TP05													5.19	5.95	5.00	5.89	5.87	46/54	23/26					
37	DH61301353	Ngô Thị	Trâm	D13_TP05													5.50	6.42		5.42	5.80	44/54	22/26					
38	DH61301301	Nguyễn Viết Duy	Tùng	D13_TP05													6.38	6.05		5.21	5.85	48/54	24/26					
39	DH61301111	Nguyễn Thị Xinh	Tươi	D13_TP05													5.38	5.68		5.84	5.65	41/54	21/26					
40	DH61301510	Nguyễn Cao Nhã	Uyên	D13_TP05													5.50	4.58	4.40	5.74	5.33	38/54	20/26					
41	DH61301522	Đỗ Trần Khánh	Vân	D13_TP05													5.00	6.16	4.14	5.79	5.80	45/54	23/26					
42	DH61301533	Phan Thị Hồng	Vân	D13_TP05													5.00	6.95	5.00	6.26	6.39	47/54	23/26					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP06

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH61300002	Nguyễn Thị Nhân	ái	D13_TP06													5.44			4.81	5.97	28/54	15/26					
2	DH61300065	Ngô Thái	An	D13_TP06													5.56	6.32	6.50	6.21	6.24	51/54	25/26		Tạm dừng		SV xin tạm dừng	
3	DH61300165	Phạm Thị Diễm	Châu	D13_TP06													6.56	5.95	5.00	5.89	6.15	48/54	24/26					
4	DH61300194	Trần Đại	Danh	D13_TP06													6.00	5.42	4.50	5.16	5.65	42/54	21/26					
5	DH61300198	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	D13_TP06													5.38	4.95	6.00	4.74	5.11	42/54	21/26					
6	DH61300204	Chế Thị Mỹ	Diệu	D13_TP06													6.69	7.84		6.84	7.15	54/54	26/26					
7	DH61300326	Nguyễn Thị Thanh	Hà	D13_TP06													6.06	7.11		6.47	6.57	51/54	25/26					
8	DH61300297	Trần Thị	Hằng	D13_TP06													5.50	5.58	5.80	6.00	5.87	47/54	23/26					
9	DH61300298	Trần Thị Thu	Hằng	D13_TP06													6.56	6.95		6.58	6.70	54/54	26/26					
10	DH61300406	Phạm Thị Minh	Hiếu	D13_TP06													7.19	7.42		7.53	7.39	53/54	25/26					
11	DH61300364	Mai Kim	Hồng	D13_TP06													5.25	6.89	6.00	5.89	6.30	51/54	25/26					
12	DH61300580	Trần Thị Hương	Lan	D13_TP06													7.50	8.47		7.37	7.80	54/54	26/26					
13	DH61300632	Tsần Kim	Linh	D13_TP06													5.81	6.79	7.20	6.63	6.74	53/54	25/26					
14	DH61300658	Lê Văn	Lực	D13_TP06													4.44	3.58	4.14	3.95	4.28	25/54	14/26					
15	DH61300687	Nguyễn Hà	Mi	D13_TP06													5.25	5.00	5.00	5.26	5.35	43/54	22/26					
16	DH61300690	Võ Thị	Mi	D13_TP06													4.75	5.84	0.00	0.00	3.46	28/54	13/26	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
17	DH61300670	Khúc Thị	Mơ	D13_TP06													6.56	6.89		6.16	6.54	52/54	25/26					
18	DH61300766	Tô Yến	Nga	D13_TP06													5.94	7.00	4.20	6.16	6.50	46/54	23/26					
19	DH61300755	Phạm Thị Ngọc	Ngân	D13_TP06													5.81	6.89	6.50	6.53	6.63	51/54	25/26					
20	DH61300757	Trần Thị Quỳnh	Ngân	D13_TP06													7.88	7.79		6.42	7.33	54/54	26/26					
21	DH61300846	Võ Thanh	Nhàn	D13_TP06													6.81	7.11		6.37	6.76	53/54	25/26					
22	DH61300817	Lê Thị Thùy	Như	D13_TP06													5.69	6.37	6.20	6.00	6.30	46/54	23/26					
23	DH61301049	Trần Phương	Quyên	D13_TP06													4.25	6.63	6.00	5.42	5.96	44/54	22/26					
24	DH61301051	Võ Thúy	Quyên	D13_TP06													7.06	7.47		7.21	7.26	54/54	26/26					
25	DH61301097	Nguyễn Thị Minh	Tâm	D13_TP06													6.94	6.95		6.58	6.81	51/54	25/26					
26	DH61301098	Phan Văn	Tâm	D13_TP06													5.94	6.26	5.00	5.58	5.98	51/54	25/26					
27	DH61301211	Trần Hữu	Thắng	D13_TP06													4.25	4.05	2.29	4.81	4.61	34/54	17/26					
28	DH61301254	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	D13_TP06													4.81	5.53	3.57	6.00	5.56	40/54	21/26					
29	DH61301285	Nguyễn Thị Thanh	Thy	D13_TP06													4.94	6.21	4.43	7.16	6.35	46/54	23/26					
30	DH61301323	Thang Gia	Tiến	D13_TP06													6.63	6.84		6.79	6.76	54/54	26/26					
31	DH61301388	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D13_TP06													4.94	5.68	4.00	5.84	5.59	39/54	20/26					
32	DH61301391	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D13_TP06													6.50	7.63		6.63	6.94	54/54	26/26					
33	DH61301355	Nguyễn Lê Quỳnh	Trâm	D13_TP06													5.44	5.79	2.00	5.95	5.74	41/54	21/26					
34	DH61301368	Nguyễn Thị Huyền	Trân	D13_TP06													5.75	6.79	4.40	6.00	6.30	46/54	23/26					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TP06

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH61301306	Võ Ngọc	Tùng	D13_TP06													6.25	5.32	2.00	4.95	5.46	40/54	20/26					
36	DH61301488	Bùi Phạm Bích	Tuyền	D13_TP06													6.50	6.42		6.68	6.54	51/54	25/26					
37	DH61301492	Huỳnh Thị Sơn	Tuyền	D13_TP06													6.63	7.16		7.16	7.00	54/54	26/26					
38	DH61301531	Nguyễn Thị Thanh	Vân	D13_TP06													6.75	7.53		6.58	6.96	51/54	25/26					
39	DH61301541	Nguyễn ái	Vi	D13_TP06													4.56	5.32	3.71	5.89	5.46	40/54	21/26					
40	DH61301553	Nguyễn Thế	Vinh	D13_TP06													6.44	6.74		6.37	6.52	52/54	25/26					
41	DH61301601	Lê Thị	ý	D13_TP06													7.06	8.53		6.95	7.54	51/54	25/26					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300004	Lê Ngọc	ánh	D13_QT01													4.92	4.87	6.00	4.24	4.87	34/52	14/21					
2	DH71300196	Lương Thị	Diễm	D13_QT01													7.58	7.39		6.88	7.27	52/52	21/21					
3	DH71300207	Nguyễn Trường	Dũ	D13_QT01													6.00	5.00	7.00	4.47	5.25	39/52	16/21					
4	DH71300241	Nguyễn Đình	Duy	D13_QT01													5.42	3.09		5.27	4.22	29/52	13/21					
5	DH71300322	Danh Thị	Hà	D13_QT01													6.33	6.00		5.94	6.06	49/52	20/21					
6	DH71300323	Lê Thị	Hà	D13_QT01													5.75	5.70	7.00	5.65	5.88	47/52	19/21					
7	DH71302107	Trần Minh	Hào	D13_QT01																5.19	5.70	39/52	16/21					
8	DH71300388	Lê Thị	Hiền	D13_QT01													6.50	6.61		7.24	6.79	52/52	21/21					
9	DH71300456	Huỳnh Khâm	Huy	D13_QT01													6.08	4.52	0.00	3.88	4.67	28/52	12/21					
10	DH71300492	Hoàng Lê	Khôi	D13_QT01													6.00	2.78	5.00	3.40	3.85	32/52	14/21	CCHV			CCHV_2	
11	DH71300611	Lê Ngọc Tuyết	Linh	D13_QT01													5.58	4.57	6.00	5.00	5.06	38/52	16/21					
12	DH71300652	Trần Thị Hải	Long	D13_QT01													7.08	7.17		7.82	7.37	52/52	21/21					
13	DH71300789	Trương Thục	Nghi	D13_QT01													8.42	7.57		7.65	7.79	52/52	21/21					
14	DH71300786	Võ Huỳnh Bảo	Ngọc	D13_QT01													5.92	5.09	9.00	4.53	5.33	39/52	16/21					
15	DH71100401	Đào Thanh	Nhân	D13_QT01							3.92	4.04		0.53			0.53			0.12	3.04	18/52	6/21	CCHV	Ko_ĐKMH		BTD_KoĐKMH + CCHV_3	
16	DH71300890	Tô Hà Mỹ	Nhung	D13_QT01													6.00	5.09	0.00	0.00	3.63	23/52	9/21	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
17	DH71300921	Trần Tấn	Phát	D13_QT01													6.58	5.87	10.00	6.29	6.44	47/52	19/21					
18	DH71300962	Nguyễn Đắc	Phú	D13_QT01													6.25	5.48	6.00	5.18	5.71	42/52	17/21					
19	DH71300933	Nguyễn Kiều	Phương	D13_QT01													6.83	6.78		7.00	6.87	52/52	21/21					
20	DH71301041	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	D13_QT01													8.58	7.96		8.06	8.13	52/52	21/21					
21	DH71301042	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	D13_QT01													7.58	7.39		7.41	7.44	52/52	21/21					
22	DH71301145	Nguyễn Minh	Thái	D13_QT01													6.25	6.17	7.00	5.59	6.15	46/52	19/21					
23	DH71301220	Huỳnh Thị Thu	Thanh	D13_QT01													5.08	4.43	6.00	3.53	4.48	36/52	15/21					
24	DH71301158	Châu Kim	Thành	D13_QT01													6.50	6.04		5.41	5.94	47/52	19/21					
25	DH71301164	Nguyễn Văn Tiến	Thành	D13_QT01													6.17	5.48	8.00	6.12	6.00	44/52	18/21					
26	DH71301174	Lê Vũ Thị Thu	Thảo	D13_QT01													6.17	6.78		5.59	6.25	49/52	20/21					
27	DH71301186	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_QT01													7.33	6.87		7.06	7.04	50/52	20/21					
28	DH71301240	Nguyễn Ngọc Thanh	Thiên	D13_QT01													5.92	4.61	7.00	5.12	5.27	38/52	16/21					
29	DH71302110	Lâm Hiếu	Thiện	D13_QT01																6.25	6.62	37/52	15/21					
30	DH71301137	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	D13_QT01													5.92	5.04		3.53	4.75	27/52	11/21					
31	DH71301141	Trịnh Thái Anh	Thư	D13_QT01													5.58	5.04	2.50	3.88	4.79	30/52	12/21					
32	DH71301358	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	D13_QT01													6.67	5.96		5.06	5.83	41/52	17/21					
33	DH71301412	Lê Thị Tuyết	Trinh	D13_QT01													7.50	7.74		8.00	7.77	52/52	21/21					
34	DH71301423	Trần Ngọc Nguyên	Trinh	D13_QT01													6.17	5.78	5.00	4.47	5.60	39/52	16/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301335	Nguyễn Thị Thanh	Tú	D13_QT01													6.83	6.09		5.76	6.15	49/52	20/21					
36	DH71301463	Huỳnh Công	Tuấn	D13_QT01													5.75	5.78		5.00	5.54	46/52	19/21					
37	DH71301464	Lê Hoàng	Tuấn	D13_QT01													6.83	6.52		6.88	6.71	52/52	21/21					
38	DH71302111	Bùi Văn	Việt	D13_QT01																0.63	3.51	19/52	8/21	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
39	DH71301571	Đào Ngọc Hoàng	Vy	D13_QT01													7.67	7.48		7.24	7.44	52/52	21/21					
40	DH71301586	Trần Hồng Thảo	Vy	D13_QT01													6.58	6.91	0.00	6.76	6.79	47/52	19/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300063	Lê Thúy	An	D13_QT02													6.92	6.09	8.00	5.47	6.31	44/52	18/21					
2	DH71300083	Lê Thị Kim	Anh	D13_QT02													7.17	6.09		6.06	6.33	44/52	18/21					
3	DH71300097	Nguyễn Xuân Phương	Anh	D13_QT02													7.08	7.48		7.76	7.48	52/52	21/21					
4	DH71300102	Trương Ngọc Hoàng	Anh	D13_QT02													6.00	4.13	7.00	5.24	5.12	31/52	14/21					
5	DH71300011	Nguyễn Thị Hồng	Ân	D13_QT02													6.33	4.87		5.80	5.53	50/52	20/21					
6	DH71300115	Lư Cẩm	Bình	D13_QT02													6.58	6.00		5.94	6.12	44/52	18/21					
7	DH71300212	Ngô Trung	Dũng	D13_QT02													5.33	5.22	0.00	4.79	5.13	38/52	16/21					
8	DH71300260	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	D13_QT02													6.08	4.43		5.05	5.02	36/52	15/21					
9	DH71300188	Trần Phan Thùy	Dương	D13_QT02													7.33	7.26		7.41	7.33	50/52	20/21					
10	DH71300035	Nguyễn Tấn	Đạt	D13_QT02													6.83	5.61		4.82	5.63	41/52	17/21					
11	DH71300045	Võ Tiến	Đạt	D13_QT02													7.50	5.83		6.00	6.30	42/52	17/21					
12	DH71300055	Nguyễn Huỳnh	Đức	D13_QT02													6.92	6.96		6.12	6.67	52/52	21/21					
13	DH71300335	Nguyễn Tuấn	Hào	D13_QT02													7.75	6.52		6.24	6.71	47/52	19/21					
14	DH71300282	Bùi Thị Thu	Hằng	D13_QT02													6.25	5.17	7.00	5.82	5.83	42/52	17/21					
15	DH71300290	Nguyễn Thúy	Hằng	D13_QT02													7.00	6.91		6.88	6.92	52/52	21/21					
16	DH71300463	Nguyễn Hoàng	Huy	D13_QT02													7.33	5.52		5.41	5.90	44/52	18/21					
17	DH71300506	Lương Bảo	Khang	D13_QT02													6.58	5.13		5.47	5.58	41/52	17/21					
18	DH71300517	Cao Minh	Khoa	D13_QT02													8.17	6.61		6.70	6.98	55/52	22/21					
19	DH71300621	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D13_QT02													8.25	7.13		6.59	7.21	52/52	21/21					
20	DH71300664	Lê Thi	Ly	D13_QT02													6.25	6.43		6.35	6.37	52/52	21/21					
21	DH71300679	Trần Nguyễn Xuân	Mai	D13_QT02													6.00	6.04		6.24	6.10	46/52	19/21					
22	DH71300681	Cheng Huệ	Mẫn	D13_QT02													7.17	7.13		7.53	7.27	52/52	21/21					
23	DH71300771	Dương Lê Bích	Ngọc	D13_QT02													5.92	4.78	5.00	4.94	5.21	29/52	13/21					
24	DH71300778	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D13_QT02													6.58	5.70		5.25	5.81	39/52	16/21					
25	DH71300826	Lữ Thành	Nhân	D13_QT02													6.75	5.74		5.71	5.96	46/52	19/21					
26	DH71300869	Phạm Yến	Nhi	D13_QT02													7.50	6.17	8.00	4.47	6.08	41/52	17/21					
27	DH71300871	Thiệu Bảo	Nhi	D13_QT02													6.50	5.65		6.41	6.10	44/52	18/21					
28	DH71300885	Lê Đặng Hồng	Nhung	D13_QT02													0.25	6.26	8.50	4.78	5.13	36/52	14/21			Nợ HP		ĐC_HP
29	DH71301001	Nguyễn Hùng Minh	Quân	D13_QT02													6.92	6.65		6.41	6.63	50/52	20/21					
30	DH71301006	Triệu Mỹ	Quân	D13_QT02													6.33	6.43		5.29	6.04	41/52	17/21					
31	DH71301227	Phạm Nguyễn Việt	Thanh	D13_QT02													7.17	7.13		7.82	7.37	52/52	21/21					
32	DH71301183	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	D13_QT02													6.58	6.57	9.00	6.41	6.71	46/52	19/21					
33	DH71301138	Trần Hồ Anh	Thư	D13_QT02													6.17	4.87	9.00	5.60	5.64	34/52	14/21					
34	DH71301289	Bùi Thị Cẩm	Tiên	D13_QT02													7.58	7.22		7.53	7.40	52/52	21/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301360	Trần Thị Phương	Trâm	D13_QT02													6.33	5.65	8.00	5.29	5.88	43/52	18/21					
36	DH71301411	Lê Hồ Đoan	Trinh	D13_QT02													5.75	5.74	6.00	6.50	6.09	45/52	18/21					
37	DH71301431	Hồng Thanh	Trúc	D13_QT02													6.08	5.91	8.00	6.00	6.17	47/52	19/21					
38	DH71301496	Trần Thị Thanh	Tuyền	D13_QT02													6.75	5.13		4.70	5.33	41/52	17/21					
39	DH71301521	Đỗ Nguyễn Thùy	Vân	D13_QT02													8.67	7.91		8.12	8.15	52/52	21/21					
40	DH71301578	Lâm Trường	Vy	D13_QT02													6.58	6.04		6.88	6.44	49/52	20/21					
41	DH71301606	Nguyễn Thị Như	ý	D13_QT02													6.25	6.26		5.35	5.96	46/52	19/21					
42	DH71301612	Đào Kim	Yến	D13_QT02													6.83	6.43		7.53	6.88	52/52	21/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300133	Nguyễn Quốc	Bảo	D13_QT03													6.92	6.48		6.35	6.54	50/52	20/21					
2	DH71300118	Trần Gia	Bình	D13_QT03													6.83	6.13		6.06	6.27	49/52	20/21					
3	DH71300160	Ngô Huệ	Châu	D13_QT03													6.33	5.87		6.65	6.23	46/52	18/21					
4	DH71300171	Trần Doãn	Chương	D13_QT03													6.17	5.30	7.00	4.41	5.40	39/52	16/21					
5	DH71300150	Đặng Quang	Cường	D13_QT03													6.83	6.00		5.88	6.15	52/52	21/21					
6	DH71300041	Tiêu Tiến	Đạt	D13_QT03													7.17	6.39		5.12	6.15	46/52	19/21					
7	DH71300333	Âu Huỳnh Kiến	Hào	D13_QT03													6.67	5.65		4.88	5.63	39/52	16/21					
8	DH71300286	Lê Thị Mỹ	Hằng	D13_QT03													7.33	6.30		6.41	6.58	52/52	21/21					
9	DH71300283	Lương Minh	Hằng	D13_QT03													7.25	6.00		6.41	6.42	44/52	18/21					
10	DH71300293	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D13_QT03													6.42	6.00	6.00	5.12	5.88	46/52	19/21					
11	DH71300302	Dương Đài Các	Hân	D13_QT03													5.42	2.83		2.82	3.42	20/52	8/21	CCHV			CCHV_2	
12	DH71300405	Phạm Minh	Hiếu	D13_QT03													7.17	6.13	8.00	6.24	6.56	46/52	19/21					
13	DH71300360	Võ Đông	Hồ	D13_QT03													7.17	5.43	7.00	6.82	6.40	44/52	18/21					
14	DH71300451	Đặng Nhật	Huy	D13_QT03													5.75	5.65		6.00	5.79	44/52	18/21					
15	DH71300315	Phạm Thị Xuân	Hương	D13_QT03													6.75	6.39		6.88	6.63	49/52	20/21					
16	DH71300579	Thái Phương	Lan	D13_QT03													6.83	5.91	8.00	5.06	6.00	44/52	18/21					
17	DH71300614	Lý Bảo	Linh	D13_QT03													5.92	5.61	6.00	5.00	5.63	37/52	16/21					
18	DH71300638	Nguyễn Hồng	Loan	D13_QT03													5.75	4.65		4.59	4.88	32/52	13/21					
19	DH71300672	Đào Lý Huỳnh	Mai	D13_QT03													6.25	5.61		5.00	5.56	41/52	17/21					
20	DH71300744	Hoàng Nguyễn Phương	Ngân	D13_QT03													6.67	5.35		5.29	5.63	41/52	17/21					
21	DH71300749	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	D13_QT03													7.08	6.13		5.35	6.10	43/52	18/21					
22	DH71300777	Nguyễn Quỳnh	Ngọc	D13_QT03													6.83	1.70		0.12	2.37	12/52	6/21	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_2	ĐC_HP
23	DH71300779	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	D13_QT03													6.58	5.35		4.41	5.33	40/52	17/21					
24	DH71300803	Lê Sỹ	Nguyên	D13_QT03													6.58	5.39	0.00	5.18	5.60	36/52	15/21					
25	DH71300815	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	D13_QT03													7.08	5.65	8.00	5.47	6.08	41/52	17/21					
26	DH71300881	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	D13_QT03													6.17	6.00	8.00	5.65	6.08	46/52	19/21					
27	DH71300996	Phạm Kim	Phụng	D13_QT03													6.92	5.78		5.94	6.10	46/52	19/21					
28	DH71300939	Thân Hồ Minh	Phương	D13_QT03													6.92	6.43		7.24	6.81	50/52	20/21					
29	DH71301043	Nguyễn Thị Thoại	Quyên	D13_QT03													6.33	5.35		5.65	5.67	42/52	17/21					
30	DH71301056	Nguyễn Thị Bích	Sâm	D13_QT03													6.42	6.48	0.00	6.12	6.35	47/52	19/21					
31	DH71301233	Trịnh Lê Lan	Thanh	D13_QT03													6.00	5.04		5.24	5.33	46/52	19/21					
32	DH71301139	Trần Minh	Thư	D13_QT03													6.75	6.09		5.29	5.98	49/52	20/21					
33	DH71301157	Võ Văn	Thương	D13_QT03													5.58	5.04	9.00	5.53	5.52	41/52	17/21					
34	DH71301378	Lê Thị	Trang	D13_QT03													6.17	6.00	7.00	5.53	6.04	43/52	18/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301351	Lê Hạnh	Trâm	D13_QT03													6.67	6.22	6.00	5.88	6.33	41/52	17/21					
36	DH71301452	Nguyễn Minh	Trí	D13_QT03													6.00	5.96		6.00	5.98	52/52	21/21					
37	DH71301422	Trần Ngọc	Trinh	D13_QT03													6.50	5.91		6.41	6.21	47/52	19/21					
38	DH71301329	Lê Tấn	Tú	D13_QT03													6.50	5.87		5.29	5.83	46/52	19/21					
39	DH71301495	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D13_QT03													7.25	5.87		6.18	6.29	44/52	18/21					
40	DH71301498	Phạm Thị Hồng	Tuyết	D13_QT03													6.83	6.35		5.47	6.17	52/52	21/21					
41	DH71301581	Lê Phạm Thanh	Vy	D13_QT03													7.25	6.65		6.88	6.87	50/52	20/21					
42	DH71301594	Trịnh Thị Minh	Xuân	D13_QT03													7.75	6.65		6.29	6.79	50/52	20/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300001	Hứa Thị Mỹ	ái	D13_QT04													7.00	5.70	6.00	5.29	5.94	41/52	17/21					
2	DH71300163	Phạm Đỗ Bảo	Châu	D13_QT04													7.00	7.04	8.00	6.12	6.88	49/52	20/21					
3	DH71300248	Trương Phạm Nhật	Duy	D13_QT04													6.17	5.83	7.00	5.65	6.00	44/52	18/21					
4	DH71300026	Bùi Thị Anh	Đào	D13_QT04													6.83	6.39	7.00	5.71	6.38	44/52	18/21					
5	DH71300332	Võ Ngọc Ngân	Hà	D13_QT04													6.42	6.61	7.00	6.00	6.52	49/52	20/21					
6	DH71300334	Lữ Gia	Hào	D13_QT04													6.50	5.22		5.00	5.44	43/52	18/21					
7	DH71300304	Lâm Phụng	Hân	D13_QT04													6.50	4.96	8.00	5.12	5.52	41/52	17/21					
8	DH71300435	Võ Huy	Hoàng	D13_QT04													6.17	6.70	6.00	5.94	6.44	47/52	19/21					
9	DH71300372	Đàm Hỷ	Hùng	D13_QT04													7.67	7.48		5.94	7.02	49/52	20/21					
10	DH71300457	Huỳnh Võ Minh	Huy	D13_QT04													7.75	6.52		5.59	6.50	41/52	17/21					
11	DH71300468	Nguyễn Trần Gia	Huy	D13_QT04													6.33	6.04	6.00	6.18	6.31	44/52	18/21					
12	DH71300526	Nguyễn Tấn	Khoa	D13_QT04													6.50	4.52	6.00	3.86	4.90	28/52	12/21					
13	DH71300622	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D13_QT04													6.67	5.52		6.06	5.96	45/52	18/21					
14	DH71300703	Nguyễn Lê Đăng	Minh	D13_QT04													6.75	6.74	7.00	6.65	6.83	52/52	21/21					
15	DH71300713	Trầm Quang	Minh	D13_QT04													7.08	6.91	9.00	6.88	7.13	52/52	21/21					
16	DH71300730	Nguyễn Hoàng	My	D13_QT04													6.75	5.57	5.00	5.71	5.92	44/52	18/21					
17	DH71300781	Nguyễn Tú	Ngọc	D13_QT04													5.92	4.87		5.53	5.33	46/52	19/21					
18	DH71300802	Dương Huỳnh Trúc	Nguyên	D13_QT04													7.58	6.57		5.65	6.50	47/52	19/21					
19	DH71300830	Nguyễn Đình Trí	Nhân	D13_QT04													7.17	6.22		5.24	6.12	42/52	17/21					
20	DH71300865	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	D13_QT04													6.42	6.22		5.76	6.12	49/52	20/21					
21	DH71300867	Phạm Huỳnh Oanh	Nhi	D13_QT04													6.67	5.96		6.00	6.13	46/52	19/21					
22	DH71300882	Huỳnh Thị	Nhung	D13_QT04													6.83	6.78		7.00	6.87	52/52	21/21					
23	DH71300911	Lưu Kiến	Phát	D13_QT04													6.75	4.96	6.00	5.41	5.60	39/52	16/21					
24	DH71301007	Vương Thúy	Quân	D13_QT04													6.25	5.04		4.60	5.15	42/52	17/21					
25	DH71301034	Nguyễn Thanh	Quí	D13_QT04													5.67	3.96	7.00	4.47	4.63	28/52	12/21					
26	DH71301072	Lê Hà Thịnh	Sang	D13_QT04													5.33	4.65	7.00	5.07	5.06	38/52	16/21					
27	DH71301224	Nguyễn Hoàng Vân	Thanh	D13_QT04													6.00	5.39	5.00	5.59	5.71	44/52	18/21					
28	DH71301171	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	D13_QT04													6.92	6.22	9.00	5.82	6.44	46/52	19/21					
29	DH71301181	Nguyễn Thị	Thảo	D13_QT04													6.25	6.13	6.00	5.41	6.00	44/52	18/21					
30	DH71301193	Tăng Kim	Thảo	D13_QT04													6.67	5.96		5.47	5.96	44/52	18/21					
31	DH71301209	Nguyễn Phương	Thắng	D13_QT04													6.33	4.43	0.00	3.18	4.46	30/52	12/21					
32	DH71301384	Nguyễn Hồ Nguyên	Trang	D13_QT04													6.42	6.04	7.00	6.06	6.33	44/52	18/21					
33	DH71301397	Tạ Thu	Trang	D13_QT04													5.42	5.39	5.00	5.00	5.38	41/52	17/21					
34	DH71301361	Châu Lê	Trân	D13_QT04													5.83	2.87	8.00	0.29	2.87	20/52	8/21	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_2	ĐC_HP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301428	Văn Thị Hải	Triều	D13_QT04													6.83	6.83		6.82	6.83	52/52	21/21					
36	DH71301432	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	D13_QT04													6.92	5.22		5.71	5.77	41/52	17/21					
37	DH71301438	Võ Trang Thanh	Trúc	D13_QT04													5.67	5.09	5.00	5.71	5.54	38/52	16/21					
38	DH71301299	Nguyễn Thanh	Tùng	D13_QT04													6.83	5.04	6.00	5.64	5.73	42/52	17/21					
39	DH71301525	Lâm Thị Hiếu	Vân	D13_QT04													6.33	5.78	7.00	5.47	5.92	44/52	18/21					
40	DH71301603	Lý Mỹ	ý	D13_QT04													6.83	5.70		4.82	5.67	43/52	18/21					
41	DH71301618	Nguyễn Ngọc	Yến	D13_QT04													5.83	4.96	7.00	5.18	5.35	44/52	18/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

TP.CHCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THI THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT05

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300062	Lâm Thái	An	D13_QT05													6.42	5.61		5.71	5.83	44/52	18/21					
2	DH71300219	Dương Ngọc	Dịu	D13_QT05													6.67	6.52		6.65	6.60	52/52	21/21					
3	DH71300254	Huỳnh Thị Phương	Duyên	D13_QT05													6.33	6.22		7.00	6.50	50/52	20/21					
4	DH71300261	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	D13_QT05													5.92	6.35	6.00	7.18	6.63	49/52	20/21					
5	DH71300025	Bùi Mai Trang	Đài	D13_QT05													5.08	4.83	7.00	5.80	5.42	42/52	17/21					
6	DH71300285	Lê Thị Mỹ	Hằng	D13_QT05													6.50	6.00		5.06	5.81	47/52	19/21					
7	DH71300289	Nguyễn Ngọc Diễm	Hằng	D13_QT05													7.92	7.09		7.12	7.29	52/52	21/21					
8	DH71300442	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	D13_QT05													6.33	6.39		6.71	6.48	52/52	21/21					
9	DH71300382	Nguyễn Quốc	Hùng	D13_QT05													5.25	4.70		5.12	4.96	38/52	16/21					
10	DH71300472	Từ Đức	Huy	D13_QT05													6.92	6.70		6.94	6.83	52/52	21/21					
11	DH71300476	Lý Kim	Huyền	D13_QT05													7.25	6.17		6.29	6.46	49/52	20/21					
12	DH71300529	Phạm Nguyễn Đình	Khoa	D13_QT05													5.67	5.00	6.00	4.24	5.02	34/52	14/21					
13	DH71300552	Trần Mỹ	Kỳ	D13_QT05													5.83	5.87	6.00	5.12	5.69	44/52	18/21					
14	DH71300578	Nguyễn Lê Yến	Lan	D13_QT05													6.00	5.61	5.00	6.35	6.06	50/52	20/21					
15	DH71300608	Lâm Ngọc	Linh	D13_QT05													6.08	6.00	8.00	5.65	6.06	49/52	20/21					
16	DH71300637	Đinh Thị Bích	Loan	D13_QT05													5.25	5.43	4.00	5.00	5.25	36/52	15/21					
17	DH71300696	Lê Hoàng	Minh	D13_QT05													5.33	4.83	5.00	4.29	4.85	36/52	15/21					
18	DH71300747	Mai Thanh Hoàng	Ngân	D13_QT05													5.83	5.17	6.00	4.59	5.29	39/52	16/21					
19	DH71300756	Phạm Thị Tuyết	Ngân	D13_QT05													5.42	6.04	8.00	5.88	6.08	44/52	18/21					
20	DH71300844	Nguyễn Thị	Nhàn	D13_QT05													4.92	4.65	7.00	5.18	5.08	36/52	15/21					
21	DH71300831	Nguyễn Minh	Nhân	D13_QT05													6.25	4.78		5.00	5.19	44/52	18/21					
22	DH71300866	Nguyễn Thị ý	Nhi	D13_QT05													6.00	4.70		4.94	5.08	35/52	15/21					
23	DH71300901	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	D13_QT05													6.92	6.00		6.82	6.48	52/52	21/21					
24	DH71300916	Nguyễn Văn	Phát	D13_QT05													7.25	6.30		6.24	6.50	47/52	19/21					
25	DH71300945	Vũ Tuyết	Phương	D13_QT05													6.25	5.26	7.00	5.29	5.62	44/52	18/21					
26	DH71301038	Cao Thị Ngọc	Quyên	D13_QT05													6.67	5.91		6.29	6.21	50/52	20/21					
27	DH71301075	Nguyễn Tấn	Sang	D13_QT05													6.08	4.87		5.18	5.25	39/52	16/21					
28	DH71301091	Dương Thanh	Tâm	D13_QT05													6.58	6.48	7.00	6.29	6.60	49/52	20/21					
29	DH71301175	Nguyễn Đoàn Mộng	Thảo	D13_QT05													7.42	7.00		6.88	7.06	50/52	20/21					
30	DH71301176	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	D13_QT05													6.33	5.91		5.59	5.90	47/52	19/21					
31	DH71301187	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_QT05													5.75	5.26	6.00	5.47	5.56	47/52	19/21					
32	DH71301284	Lê Ngọc Phương	Thy	D13_QT05													6.58	5.78	7.00	5.71	6.13	44/52	18/21					
33	DH71301377	Lê Phương	Trang	D13_QT05													6.67	5.91		5.59	5.98	52/52	21/21					
34	DH71301399	Trần Thị	Trang	D13_QT05													5.25	5.17	0.00	5.41	5.27	39/52	16/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT05

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301366	Lê Thị Huỳnh	Trân	D13_QT05													6.92	5.61		4.47	5.54	44/52	18/21					
36	DH71301371	Trần Ngọc Bảo	Trân	D13_QT05													5.67	5.39	6.00	5.24	5.56	44/52	18/21					
37	DH71301458	Tô Lập	Trí	D13_QT05													4.67	5.00	6.00	4.53	4.96	41/52	17/21					
38	DH71301436	Nguyễn Thị Phương	Trúc	D13_QT05													5.83	5.13		6.24	5.65	44/52	18/21					
39	DH71301326	Đoàn Cẩm	Tú	D13_QT05													5.92	5.87	5.00	5.94	5.94	44/52	18/21					
40	DH71301529	Nguyễn Thị Kim	Vân	D13_QT05													8.08	7.65	7.00	8.35	8.10	52/52	21/21					
41	DH71301619	Trần Thị Kim	Yến	D13_QT05													6.67	6.57	6.00	6.71	6.75	52/52	21/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT06

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300094	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	D13_QT06													5.75	4.65	2.00	4.12	4.73	37/52	15/21					
2	DH71300103	Trần Ngọc Trâm	Anh	D13_QT06													6.83	5.74		5.59	5.94	44/52	18/21					
3	DH71300167	Trần Dương Ngũ	Châu	D13_QT06													6.58	5.61	0.00	4.80	5.53	40/52	16/21					
4	DH71300156	Trần Mạnh	Cường	D13_QT06													7.92	6.65		6.76	6.98	52/52	21/21					
5	DH71300195	Bùi Ngọc	Diễm	D13_QT06													7.25	5.52		5.65	5.96	43/52	18/21					
6	DH71300205	Nguyễn Xuân	Diệu	D13_QT06													6.33	5.96		5.76	5.98	46/52	19/21					
7	DH71300272	Bùi Ngọc Trà	Giang	D13_QT06													5.33	5.04	5.00	5.40	5.27	48/52	19/21					
8	DH71300273	Hoàng Thị Hương	Giang	D13_QT06													6.83	6.04		6.53	6.38	52/52	21/21					
9	DH71300287	Ngô Thị Thanh	Hằng	D13_QT06													7.08	6.09		6.59	6.48	52/52	21/21					
10	DH71300409	Trần Văn	Hiếu	D13_QT06													7.17	5.83		5.94	6.17	46/52	19/21					
11	DH71300514	Nguyễn Thị Kiều	Khanh	D13_QT06													5.83	5.43		5.24	5.46	43/52	18/21					
12	DH71300519	Lê Đăng	Khoa	D13_QT06													5.42	4.57	5.00	4.71	4.85	34/52	14/21					
13	DH71300576	Bạch Ngọc	Lan	D13_QT06													6.83	6.65		6.82	6.75	52/52	21/21					
14	DH71300594	Lâm Tú	Liên	D13_QT06													6.58	6.04	7.00	6.65	6.48	50/52	20/21					
15	DH71300667	Nguyễn Thị Trúc	Ly	D13_QT06													6.00	5.78	6.00	5.24	5.77	46/52	19/21					
16	DH71300669	Võ Trần Ngọc Thị Mai	Lý	D13_QT06													7.00	6.78		7.06	6.92	52/52	21/21					
17	DH71300671	Phạm Thị	Mảnh	D13_QT06													6.33	5.35		5.71	5.69	47/52	19/21					
18	DH71300695	Hà Đức	Minh	D13_QT06													5.75	6.26	6.00	6.65	6.42	52/52	21/21					
19	DH71300711	Phạm Ngọc	Minh	D13_QT06													5.67	3.91		4.55	4.53	32/52	14/21					
20	DH71300727	Phạm Thị	Muội	D13_QT06													6.25	5.52		6.29	5.94	47/52	19/21					
21	DH71300733	Tô Nguyễn Uyển	My	D13_QT06													6.50	4.96		4.29	5.10	41/52	17/21					
22	DH71300721	Chiêm Gia	Mỹ	D13_QT06													6.58	6.74		6.59	6.65	52/52	21/21					
23	DH71300767	Văn Thị Thiên	Nga	D13_QT06													6.67	6.61		6.53	6.60	52/52	21/21					
24	DH71300787	Huỳnh Ngọc Đông	Nghi	D13_QT06													5.58	5.17		4.40	4.98	36/52	14/21					
25	DH71300780	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	D13_QT06													6.67	6.83		6.12	6.56	47/52	19/21					
26	DH71300843	Nguyễn Thanh	Nhàn	D13_QT06													6.33	5.65		6.65	6.13	50/52	20/21					
27	DH71300853	Vũ Minh	Nhật	D13_QT06													6.00	5.35		5.20	5.44	39/52	16/21					
28	DH71300859	Huỳnh Trần Yến	Nhi	D13_QT06													5.67	5.04		4.65	5.06	41/52	17/21					
29	DH71300997	Tăng Ngọc	Phụng	D13_QT06													5.75	5.52	5.00	6.59	6.00	50/52	20/21					
30	DH71301040	Nguyễn Thị Kim	Quyên	D13_QT06													7.33	6.61		6.94	6.88	52/52	21/21					
31	DH71301114	Lâm Phát	Tài	D13_QT06													6.42	5.96		6.59	6.27	49/52	20/21					
32	DH71301273	Nguyễn Cẩm	Thu	D13_QT06													5.67	5.22	5.00	5.06	5.31	43/52	18/21					
33	DH71301278	Nguyễn Ngọc	Thuận	D13_QT06													5.75	5.78	5.00	6.06	5.94	52/52	21/21					
34	DH71301364	Lê Hồng Bảo	Trân	D13_QT06													6.75	5.61		4.94	5.65	41/52	17/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT06

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301419	Phạm Ngọc	Trinh	D13_QT06													6.25	4.83		6.88	5.83	43/52	18/21					
36	DH71301128	Phan Minh	Tường	D13_QT06													6.50	5.43		5.75	5.78	47/52	19/21					
37	DH71301579	Lê Khánh	Vy	D13_QT06													7.17	6.43		6.71	6.69	52/52	21/21					
38	DH71301613	Giang Kim	Yến	D13_QT06													7.83	6.35		7.12	6.94	52/52	21/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT07

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300075	Đào Thị Trâm	Anh	D13_QT07													6.50	6.04	7.00	5.59	6.12	44/52	18/21					
2	DH71300080	Hồ Thị Trâm	Anh	D13_QT07													5.67	4.61	5.00	4.59	4.96	39/52	16/21					
3	DH71300266	Nguyễn Cao Thiên	ấn	D13_QT07													6.17	6.26		5.88	6.12	49/52	20/21					
4	DH71300144	Trương Thị Ngọc	Bích	D13_QT07													6.58	5.70	4.00	5.29	5.77	39/52	16/21					
5	DH71300174	Huỳnh Thị Yến	Chi	D13_QT07													7.42	6.83		6.76	6.94	52/52	21/21					
6	DH71300192	Thái Nguyễn Chí	Danh	D13_QT07													6.17	5.83		5.94	5.94	44/52	18/21					
7	DH71300263	Nguyễn Thị Tuyền	Duyên	D13_QT07													7.00	7.35		6.76	7.08	52/52	21/21					
8	DH71300288	Ngụy Thị Diễm	Hằng	D13_QT07													6.83	7.22	9.00	6.65	7.13	52/52	21/21					
9	DH71300458	Lê Đức	Huy	D13_QT07													7.08	5.61		5.12	5.79	44/52	18/21					
10	DH71300481	Phạm Thị Ngọc	Huyền	D13_QT07													6.17	5.26		2.18	4.46	30/52	12/21	CCHV		Nợ HP	CCHV_1	ĐC_HP
11	DH71300503	Hà Thế	Khang	D13_QT07													7.17	7.26		6.94	7.13	52/52	21/21					
12	DH71300505	Lâm Chí	Khang	D13_QT07													6.08	6.39	8.00	6.35	6.46	52/52	21/21					
13	DH71300572	Nguyễn Hà Danh	Lam	D13_QT07													6.67	5.61		5.94	5.96	47/52	19/21					
14	DH71300596	Trần Phương	Liên	D13_QT07													7.00	6.61		6.41	6.63	52/52	21/21					
15	DH71300620	Nguyễn Thị Hoài	Linh	D13_QT07													6.08	5.35		6.82	6.00	47/52	19/21					
16	DH71300717	Vương Hữu	Minh	D13_QT07													5.58	5.09	4.00	5.12	5.29	37/52	15/21					
17	DH71300763	Nguyễn Quỳnh	Nga	D13_QT07													7.42	7.74		7.24	7.50	52/52	21/21					
18	DH71300804	Lê Thị Thảo	Nguyên	D13_QT07													5.67	5.52	7.00	4.82	5.44	38/52	16/21					
19	DH71300811	Trần Thanh Thảo	Nguyên	D13_QT07													6.67	5.91	7.00	5.41	6.04	44/52	18/21					
20	DH71300854	Đồng Thị Yến	Nhi	D13_QT07													5.67	5.26	6.00	6.00	5.71	44/52	18/21					
21	DH71300884	Lã Thị Phương	Nhung	D13_QT07													8.08	7.30		2.12	5.79	35/52	14/21	CCHV		Nợ HP	CCHV_1	ĐC_HP
22	DH71300904	Trần Thị Kim	Oanh	D13_QT07													6.08	6.26	6.00	5.82	6.15	47/52	19/21					
23	DH71300920	Trương Hồng	Phát	D13_QT07													6.92	7.30		7.59	7.31	52/52	21/21					
24	DH71300948	Nguyễn Văn	Phi	D13_QT07													7.00	6.70		6.71	6.77	52/52	21/21					
25	DH71300926	Huỳnh Tú	Phương	D13_QT07													6.08	5.13	7.00	5.12	5.46	41/52	17/21					
26	DH71300942	Võ Hoàng	Phương	D13_QT07													6.00	7.13		7.47	7.76	55/52	22/21					
27	DH71300943	Võ Thanh	Phương	D13_QT07													5.33	4.91	6.00	5.00	5.27	39/52	16/21					
28	DH71301069	Liêu Mỹ	San	D13_QT07													6.08	5.13	6.00	4.35	5.25	36/52	15/21					
29	DH71301099	Trần Hoài	Tâm	D13_QT07													5.42	6.13	7.00	5.88	6.08	52/52	21/21					
30	DH71301215	Phạm Thị Cẩm	Thạch	D13_QT07													5.33	5.39	6.00	3.06	4.73	34/52	14/21					
31	DH71301228	Phạm Thiên	Thanh	D13_QT07													6.42	6.30		6.24	6.31	50/52	20/21					
32	DH71301274	Huỳnh Trung	Thuận	D13_QT07													7.75	7.48	8.00	6.53	7.42	52/52	21/21					
33	DH71301253	Nguyễn Hồng	Thủy	D13_QT07													5.50	5.91	8.00	5.53	5.88	43/52	18/21					
34	DH71301441	Nguyễn Minh	Trực	D13_QT07													6.58	6.61	7.00	6.18	6.58	52/52	21/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT07

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301482	Võ Trang Anh	Tuấn	D13_QT07													4.83	5.13	4.50	3.06	4.58	29/52	12/21					
36	DH71301490	Dương Thị Kim	Tuyền	D13_QT07													5.83	4.91	0.00	4.53	5.00	37/52	15/21					
37	DH71301527	Nguyễn Phương	Vân	D13_QT07													5.83	5.30	5.00	5.00	5.40	41/52	17/21					
38	DH71301590	Phạm Thị	Xinh	D13_QT07													6.25	7.48		7.82	7.31	52/52	21/21					
39	DH71301610	Nguyễn Thị	Yên	D13_QT07													7.17	7.09		7.41	7.21	52/52	21/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT08

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300071	Nguyễn Văn	An	D13_QT08													5.50	6.22		5.77	5.96	45/52	18/21					
2	DH71300081	Huỳnh Ngọc Lan	Anh	D13_QT08													5.58	5.26	6.00	4.35	5.12	38/52	16/21					
3	DH71300108	Võ Thị Thảo	Anh	D13_QT08													6.50	6.48		5.41	6.13	46/52	19/21					
4	DH71300162	Nguyễn Trần Minh	Châu	D13_QT08													6.58	4.17		2.88	4.31	20/52	9/21	CCHV			CCHV_1	
5	DH71300178	Trương Kỳ	Chi	D13_QT08													8.75	7.87		8.47	8.27	52/52	21/21					
6	DH71300224	Lê Thị Ngọc	Dung	D13_QT08													7.25	7.13		6.47	6.94	52/52	21/21					
7	DH71300250	Trần Thị Ngọc	Duy	D13_QT08													6.08	6.26		5.18	5.87	47/52	19/21					
8	DH71300253	Huỳnh Thị Kim	Duyên	D13_QT08													6.75	7.43		7.24	7.21	52/52	21/21					
9	DH71300256	Lê Thị	Duyên	D13_QT08													6.42	6.48		5.76	6.23	46/52	19/21					
10	DH71300430	Nguyễn Kim	Hoàng	D13_QT08													6.75	6.17		4.59	5.79	46/52	19/21					
11	DH71300363	Lê Thị Diễm	Hồng	D13_QT08													6.58	5.91	7.00	5.12	5.92	44/52	18/21					
12	DH71300448	Liêu	Huê	D13_QT08													6.50	6.04		5.18	5.87	46/52	19/21					
13	DH71300484	Trần Thị Ngọc	Huyền	D13_QT08													7.08	7.04		6.76	6.96	52/52	21/21					
14	DH71300488	Trần Kim	Khánh	D13_QT08													4.92	4.87	0.00	1.47	3.77	24/52	9/21	CCHV			CCHV_1	
15	DH71300491	Võ Quốc	Khánh	D13_QT08													6.42	6.22	6.00	5.00	5.94	44/52	18/21					
16	DH71300636	Lăng Nhật	Lệ	D13_QT08													6.67	6.09	8.00	5.18	6.08	49/52	20/21					
17	DH71300623	Nguyễn Thị Trúc	Linh	D13_QT08													6.33	6.17		5.95	6.13	48/52	19/21					
18	DH71300641	Đặng Huy	Long	D13_QT08													7.17	6.57		6.35	6.63	50/52	20/21					
19	DH71300715	Trần Thị Hoàng	Minh	D13_QT08													6.17	5.70		5.36	5.71	43/52	18/21					
20	DH71300745	Lương Thị Mỹ	Ngân	D13_QT08													6.50	6.65		5.53	6.25	47/52	19/21					
21	DH71300788	Lê Xuân	Nghi	D13_QT08													5.92	5.78		4.85	5.47	45/52	18/21					
22	DH71300769	Đinh Thị	Ngọc	D13_QT08													6.17	5.26		5.29	5.48	44/52	18/21					
23	DH71300785	Trần Thị Hồng	Ngọc	D13_QT08													6.00	5.48	6.00	5.00	5.60	41/52	17/21					
24	DH71300862	Ngô Thị Huỳnh	Nhi	D13_QT08													6.75	6.39		6.00	6.35	49/52	20/21					
25	DH71301066	Nguyễn Lê Tuyết	Sương	D13_QT08													6.33	5.61		4.59	5.44	40/52	17/21					
26	DH71301108	Nguyễn Hồng	Tân	D13_QT08													6.92	7.17		5.82	6.67	47/52	19/21					
27	DH71301109	Trương Nhật	Tân	D13_QT08													6.58	5.70	7.00	5.06	5.81	42/52	17/21					
28	DH71301188	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_QT08													6.08	5.30	0.00	5.05	5.44	38/52	16/21					
29	DH71301197	Trần Ngọc	Thảo	D13_QT08													5.67	5.13		4.95	5.18	39/52	16/21					
30	DH71301203	Dương Phương	Thắm	D13_QT08													6.58	6.00	10.00	5.88	6.33	46/52	19/21					
31	DH71301237	Mai Phương	Thi	D13_QT08													5.58	4.96		4.29	4.88	35/52	15/21					
32	DH71301262	Đinh Thị Như	Thúy	D13_QT08													6.50	6.48		5.59	6.19	49/52	20/21					
33	DH71301155	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D13_QT08													7.50	7.22		6.53	7.06	52/52	21/21					
34	DH71301309	Đinh Thị Kim	Tiến	D13_QT08													6.75	5.61		4.76	5.60	44/52	18/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT08

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301341	Bùi Phạm Minh	Toàn	D13_QT08													7.17	6.35	7.00	5.71	6.44	47/52	19/21					
36	DH71301392	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D13_QT08													6.42	6.04		5.06	5.81	40/52	17/21					
37	DH71301354	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	D13_QT08													6.50	5.78	1.00	5.06	5.71	39/52	16/21					
38	DH71301425	Trần Thị Tú	Trinh	D13_QT08													5.75	3.52		3.06	3.88	22/52	10/21	CCHV	Tạm dừng		CCHV_1 - SV xin tạm dừng	
39	DH71301430	Nguyễn Thị Minh	Trứ	D13_QT08													6.00	6.09		6.59	6.23	52/52	21/21					
40	DH71301300	Nguyễn Thanh	Tùng	D13_QT08													5.67	4.96	0.00	4.00	4.81	35/52	14/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT09

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300125	Huỳnh Gia	Bảo	D13_QT09													6.58	5.52		4.94	5.58	39/52	16/21					
2	DH71300164	Phạm Hoàng Minh	Châu	D13_QT09													7.83	6.65		5.47	6.54	43/52	18/21					
3	DH71300221	Lý Trọng	Dĩ	D13_QT09													6.42	5.48		5.53	5.71	41/52	17/21					
4	DH71300200	Trương Thị Hồng	Diễm	D13_QT09													7.33	6.35		4.59	6.00	39/52	16/21					
5	DH71300209	La Quốc	Dũng	D13_QT09													6.67	6.83		6.88	6.81	47/52	19/21					
6	DH71300040	Phạm Hữu	Đạt	D13_QT09													7.42	6.70		6.12	6.67	52/52	21/21					
7	DH71300043	Trần Tiến	Đạt	D13_QT09													7.08	6.26		4.94	6.02	41/52	17/21					
8	DH71300320	Cao Nhật Phương	Hà	D13_QT09													6.25	5.70		5.29	5.69	41/52	17/21					
9	DH71300281	Đoàn Thị Thanh	Hằng	D13_QT09													6.17	5.48		4.71	5.38	41/52	17/21					
10	DH71300278	Đỗ Thị	Hằng	D13_QT09													6.25	5.78		5.37	5.81	41/52	17/21					
11	DH71300317	Tô Thị Minh	Hương	D13_QT09													6.25	5.74		0.00	3.98	28/52	11/21	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*	ĐC_HP
12	DH71300595	Nguyễn Thị ánh	Liên	D13_QT09													6.92	6.65		5.82	6.44	49/52	20/21					
13	DH71300601	Đặng Phương	Linh	D13_QT09													6.00	4.52		4.06	4.71	36/52	15/21					
14	DH71300626	Phạm Hoàng Tú	Linh	D13_QT09													6.25			5.00	5.52	23/52	11/21					
15	DH71300666	Nguyễn Thị Hương	Ly	D13_QT09													6.75	5.13		4.88	5.42	40/52	16/21					
16	DH71300723	Nguyễn Ngọc	Mỹ	D13_QT09													6.50	6.09		6.00	6.15	47/52	19/21					
17	DH71300752	Nguyễn Trọng	Ngân	D13_QT09													6.92	6.22		5.94	6.29	44/52	18/21					
18	DH71300855	Hà Thị Tuyết	Nhi	D13_QT09													6.67	6.74		6.76	6.73	52/52	21/21					
19	DH71300870	Phú Phụng ý	Nhi	D13_QT09													7.33	6.70		7.00	6.94	52/52	21/21					
20	DH71300883	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	D13_QT09													6.42	5.65		4.85	5.53	40/52	16/21					
21	DH71300734	Trương Thị Thùy	Nương	D13_QT09													7.75	7.78		8.24	7.92	52/52	21/21					
22	DH71300995	Dương Ngọc	Phụng	D13_QT09													6.75	7.00		6.18	6.67	50/52	20/21					
23	DH71300999	Châu Mỹ	Quân	D13_QT09													6.00	6.09	0.00	5.76	5.96	42/52	17/21					
24	DH71301048	Trần Hoàng Quyên	Quyên	D13_QT09													7.25	5.78		5.29	5.96	41/52	17/21					
25	DH71301025	Nguyễn Lưu Hương	Quỳnh	D13_QT09													8.25	7.48		7.53	7.67	52/52	21/21					
26	DH71301026	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	D13_QT09													6.92	5.35		4.41	5.40	38/52	16/21					
27	DH71301081	Trương Văn	Sang	D13_QT09													7.83	6.91		6.18	6.88	49/52	20/21					
28	DH71301182	Nguyễn Thị	Thảo	D13_QT09													6.83	6.26		6.00	6.31	47/52	19/21					
29	DH71301198	Trịnh Phương	Thảo	D13_QT09													7.58	6.04		5.94	6.37	44/52	18/21					
30	DH71301201	Võ Thị Thanh	Thảo	D13_QT09													6.83	6.52		6.06	6.44	52/52	21/21					
31	DH71301152	Phan Văn	Thân	D13_QT09													6.50	6.22		5.24	5.96	43/52	18/21					
32	DH71301283	Vũ Huỳnh Bảo	Thuận	D13_QT09													6.00	5.22		4.71	5.23	42/52	17/21					
33	DH71301264	Nguyễn Thị Hoàng	Thúy	D13_QT09													6.33	5.91		5.29	5.81	46/52	19/21					
34	DH71301292	Trần Lê Cẩm	Tiên	D13_QT09													5.92	5.30		4.88	5.31	39/52	16/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT09

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301372	Hoàng Thị	Trà	D13_QT09													5.75	5.22	6.00	4.76	5.35	41/52	17/21					
36	DH71301434	Lê Thị Thanh	Trúc	D13_QT09													6.67	6.48	8.00	6.24	6.60	52/52	21/21					
37	DH71301515	Trần Phương	Uyên	D13_QT09													6.00	5.09		3.89	4.90	34/52	14/21					
38	DH71301530	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	D13_QT09													8.17	7.83		7.88	7.92	52/52	21/21					
39	DH71301550	Ngô Đắc	Vinh	D13_QT09													7.25	7.04		5.24	6.50	49/52	20/21					
40	DH71301617	Lưu Thục	Yến	D13_QT09													6.25	5.39		4.94	5.44	40/52	17/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT10

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300107	Võ Lâm	Anh	D13_QT10													6.75	6.57	5.00	5.12	6.17	42/52	17/21					
2	DH71300197	Nguyễn Ngọc	Diễm	D13_QT10													5.42	5.17		4.24	4.92	35/52	14/21					
3	DH71300223	Đỗ Thị Hoàng	Dung	D13_QT10													6.50	5.52	5.00	3.94	5.27	34/52	14/21					
4	DH71300255	Lê Huỳnh Mỹ	Duyên	D13_QT10													7.25	7.09		5.65	6.65	42/52	17/21					
5	DH71300257	Lê Thị Mỹ	Duyên	D13_QT10													6.25	6.43		6.06	6.27	47/52	19/21					
6	DH71300047	Nguyễn Ngọc Sĩ	Đan	D13_QT10													6.33	6.35		5.71	6.13	47/52	19/21					
7	DH71300027	Võ Thị Xuân	Đào	D13_QT10													6.50	6.22	6.00	6.18	6.35	50/52	20/21					
8	DH71300051	Nguyễn Ngọc	Điệp	D13_QT10													6.08	5.39	7.00	4.82	5.48	36/52	15/21					
9	DH71300276	Hứa Tuyết	Giao	D13_QT10													7.33	7.04	8.00	6.12	6.96	50/52	20/21					
10	DH71300336	Trương Chấn	Hào	D13_QT10													7.00	6.35		4.76	5.98	41/52	17/21					
11	DH71300305	Nguyễn Ngọc	Hân	D13_QT10													7.67	7.35		6.18	7.04	49/52	20/21					
12	DH71300386	Đặng Thị Thu	Hiền	D13_QT10													6.08	6.04		5.71	5.94	47/52	19/21					
13	DH71300319	Trần Thu	Hương	D13_QT10													6.42	6.48	8.00	5.24	6.21	46/52	19/21					
14	DH71300607	Khổng Thị Mỹ	Linh	D13_QT10													7.58	7.91		6.71	7.44	52/52	21/21					
15	DH71300673	Đặng Huỳnh Tố	Mai	D13_QT10													8.25	8.09		6.82	7.71	52/52	21/21					
16	DH71300718	Võ Hoàng	Minh	D13_QT10													5.83	6.17	9.00	5.71	6.17	49/52	20/21					
17	DH71300773	Hoàng Thị Kim	Ngọc	D13_QT10													7.42	7.30		5.35	6.69	50/52	20/21					
18	DH71300863	Ngô Thị Tuyết	Nhi	D13_QT10													6.58	5.78	0.00	0.24	4.15	26/52	10/21	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
19	DH71300820	Nghiêm Xuân Quỳnh	Như	D13_QT10													6.67	6.17		4.29	5.67	36/52	15/21					
20	DH71300956	Diệp Ngọc	Phượng	D13_QT10													7.42	7.22		7.29	7.29	50/52	20/21					
21	DH71301032	Lê Văn	Quý	D13_QT10													6.75	6.13		5.76	6.15	50/52	20/21					
22	DH71301076	Nguyễn Thị Hồng	Sang	D13_QT10													6.25	6.91		5.12	6.17	46/52	19/21					
23	DH71301068	Võ Thị Thảo	Sương	D13_QT10													6.67	6.87		5.82	6.48	45/52	18/21					
24	DH71301213	Huỳnh Ngọc	Thạch	D13_QT10													6.17	5.83		5.59	5.83	52/52	21/21					
25	DH71301184	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	D13_QT10													6.58	7.00		5.82	6.52	49/52	20/21					
26	DH71301199	Võ Chi	Thảo	D13_QT10													6.83	6.96		6.00	6.62	49/52	20/21					
27	DH71301503	Dương Trung	Tính	D13_QT10													6.75	6.48		5.18	6.12	43/52	18/21					
28	DH71301342	Lê Bảo	Toàn	D13_QT10													6.50	6.09		4.06	5.52	34/52	14/21					
29	DH71301385	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	D13_QT10													6.08	5.78	8.00	4.82	5.69	42/52	17/21					
30	DH71301387	Nguyễn Thùy Ngọc	Trang	D13_QT10													6.67	6.35		4.82	5.92	42/52	17/21					
31	DH71301370	Phạm Ngọc	Trân	D13_QT10													6.42	6.00	6.00	5.59	6.04	44/52	18/21					
32	DH71301457	Nguyễn Văn	Trí	D13_QT10													7.25	6.83		6.59	6.85	49/52	20/21					
33	DH71301416	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	D13_QT10													4.92	5.52	7.00	5.35	5.63	42/52	17/21					
34	DH71301404	Nguyễn Nhật	Trường	D13_QT10													5.75	5.96	0.00	1.41	4.42	28/52	11/21	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT10

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301489	Cao Thị Linh	Tuyền	D13_QT10													7.17	7.04		5.94	6.71	49/52	20/21					
36	DH71301487	Đoàn Thạch	Tuyền	D13_QT10													5.00	5.09		3.40	4.45	33/52	13/21					
37	DH71301520	Võ Đình	Văn	D13_QT10													6.17	5.39		5.53	5.62	47/52	19/21					
38	DH71301591	Chế Nguyễn Thanh	Xuân	D13_QT10													7.08	6.52	5.00	5.71	6.42	47/52	19/21					
39	DH71301615	Lê Thị Hải	Yến	D13_QT10													6.25	5.91	6.00	3.65	5.40	36/52	15/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT11

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300066	Nguyễn Hoài	An	D13_QT11													7.17	5.96		4.88	5.88	39/52	16/21					
2	DH71300086	Nguyễn Đình Duyên	Anh	D13_QT11													7.42	6.57		6.53	6.75	52/52	21/21					
3	DH71300099	Phạm Thị Kim	Anh	D13_QT11													7.50	7.13		6.47	7.00	52/52	21/21					
4	DH71300101	Trương Hồ Lan	Anh	D13_QT11													5.75	5.26	6.00	5.53	5.58	46/52	18/21					
5	DH71300003	Đặng Thị Hồng	ánh	D13_QT11													7.33	7.30		6.53	7.06	52/52	21/21					
6	DH71300183	Nguyễn Văn	Chí	D13_QT11													6.00	5.04	0.00	4.35	5.04	35/52	14/21					
7	DH71300225	Mạch Thu	Dung	D13_QT11													6.42	5.48		5.35	5.65	45/52	18/21					
8	DH71300353	Vũ Văn	Hải	D13_QT11													5.75	4.22		0.65	3.40	23/52	10/21	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
9	DH71300294	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D13_QT11													6.33	5.87		5.83	6.00	42/52	17/21			Nợ HP		ĐC_HP
10	DH71300432	Quách Thu	Hoàng	D13_QT11													7.33	7.09	7.00	7.06	7.25	52/52	21/21					
11	DH71300577	Nguyễn Hương	Lan	D13_QT11													6.83	5.26		0.35	4.02	30/52	12/21	CCHV			CCHV_1	
12	DH71300554	Nguyễn Thị Linh	Lăng	D13_QT11													7.08	7.70	8.00	7.29	7.58	52/52	21/21					
13	DH71300606	Huỳnh Thái Diệu	Linh	D13_QT11													7.17	6.22		7.00	6.69	52/52	21/21					
14	DH71300609	Lê Khánh	Linh	D13_QT11													6.83	6.39		3.18	5.44	39/52	16/21					
15	DH71300630	Trần Khánh	Linh	D13_QT11													8.50	8.09		7.53	8.00	52/52	21/21					
16	DH71300585	Nguyễn Hoàng	Lộc	D13_QT11													7.00	6.04	8.00	5.24	6.15	48/52	19/21					
17	DH71300674	Lê Phạm Diễm	Mai	D13_QT11													7.58	7.61		7.12	7.44	52/52	21/21					
18	DH71300675	Lê Thị Xuân	Mai	D13_QT11													6.67	6.04	0.00	0.12	4.25	31/52	12/21	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
19	DH71300784	Trương Thị Hồng	Ngọc	D13_QT11													7.00	7.30		6.90	7.09	55/52	22/21					
20	DH71300835	Phan Vũ	Nhân	D13_QT11													7.33	6.39		5.47	6.31	47/52	19/21					
21	DH71300838	Trần Nhựt	Nhân	D13_QT11													7.42	6.22		5.94	6.40	48/52	19/21					
22	DH71300880	Đỗ Thị Hồng	Nhung	D13_QT11													6.25	6.39		5.94	6.21	52/52	21/21					
23	DH71300998	Nguyễn Thị	Phí	D13_QT11													7.08	6.83		6.29	6.71	52/52	21/21					
24	DH71300957	Hồ Bích	Phượng	D13_QT11													6.50	6.04		5.41	5.94	45/52	18/21					
25	DH71301045	Quách Mỹ	Quyên	D13_QT11													7.33	6.52		5.65	6.42	49/52	20/21					
26	DH71301022	Bùi Vũ Thu	Quỳnh	D13_QT11													7.83	8.13		7.65	7.90	52/52	21/21					
27	DH71301021	Bùi Vũ Tố	Quỳnh	D13_QT11													8.50	7.96		7.71	8.00	52/52	21/21					
28	DH71301055	Phòng Bắc	Sáng	D13_QT11													6.25	5.13		4.59	5.21	41/52	17/21					
29	DH71301256	Trương Thị Thanh	Thủy	D13_QT11													6.67	7.04		6.82	6.88	52/52	21/21					
30	DH71301291	Phạm Thị Thúy	Tiên	D13_QT11													7.75	6.65		5.82	6.63	47/52	19/21					
31	DH71301394	Phạm Thị Phương	Trang	D13_QT11													6.50	5.74		4.94	5.65	41/52	17/21					
32	DH71301365	Lê Ngọc Nguyên	Trân	D13_QT11													6.42	6.04		5.29	5.88	44/52	18/21					
33	DH71301481	Trần Hoàng	Tuấn	D13_QT11													7.58	6.26		5.24	6.23	43/52	17/21					
34	DH71301483	Vũ Minh	Tuấn	D13_QT11													6.08	5.13		4.18	5.04	31/52	12/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT11

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71300906	Nguyễn Như	út	D13_QT11													7.17	6.26		5.82	6.33	50/52	20/21					
36	DH71301513	Nguyễn Xuân Khánh	Uyên	D13_QT11													6.25	6.57		5.12	6.02	47/52	19/21					
37	DH71301585	Nguyễn Thị Thúy	Vy	D13_QT11													6.50	6.48		6.47	6.48	52/52	21/21					
38	DH71301587	Trần Tường	Vy	D13_QT11													6.58	6.52		6.47	6.52	48/52	19/21					
39	DH71301602	Lê Thị Như	ý	D13_QT11													8.00	6.96		7.35	7.33	50/52	20/21					
40	DH71301620	Trần Thị Ngọc	Yến	D13_QT11													5.58	5.48	8.00	5.35	5.62	44/52	17/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình
CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
BTH	Buộc thôi học

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT12

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH71300064	Lê Thúy	An	D13_QT12													6.42	6.35	7.00	4.82	5.98	42/52	17/21					
2	DH71300231	Võ Thùy	Dung	D13_QT12													6.50	7.04		5.41	6.38	49/52	20/21					
3	DH71300247	Trương Cảnh	Duy	D13_QT12													6.92	6.74	8.00	5.94	6.67	49/52	20/21					
4	DH71300259	Nguyễn Thanh	Duyên	D13_QT12													5.83	5.78		4.75	5.42	43/52	17/21					
5	DH71300024	Đỗ Hoàng Trang	Đài	D13_QT12													5.75	5.48	3.00	4.76	5.31	37/52	15/21					
6	DH71300033	Ngô Quốc	Đạt	D13_QT12													6.33	6.09		4.41	5.60	41/52	17/21					
7	DH71300300	Vũ Thi	Hằng	D13_QT12													6.50	6.22		5.47	6.04	46/52	19/21					
8	DH71300367	Đặng Quốc	Hận	D13_QT12													7.50	6.57		5.88	6.56	52/52	21/21					
9	DH71300390	Nhâm Quốc	Hiền	D13_QT12													7.67	7.43		7.18	7.40	52/52	21/21					
10	DH71300411	Võ Thị Thu	Hiếu	D13_QT12													6.17	6.26	4.00	5.06	5.85	44/52	18/21					
11	DH71300453	Bùi Thị Tường	Huy	D13_QT12													6.25	7.09		6.44	6.73	52/52	21/21					
12	DH71300479	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D13_QT12													5.92	6.78	8.00	5.94	6.54	44/52	18/21					
13	DH71300480	Nguyễn Thị Thu	Huyền	D13_QT12													7.42	6.61		5.94	6.58	47/52	19/21					
14	DH71300483	Trần Thị Lệ	Huyền	D13_QT12													6.17	6.48	3.00	5.35	6.04	45/52	18/21					
15	DH71300450	Nguyễn Thị Thúy	Huỳnh	D13_QT12													6.92	6.48		5.35	6.21	46/52	19/21					
16	DH71300500	Nguyễn Tuyết	Kha	D13_QT12													4.58	5.61	0.00	1.29	3.96	24/52	9/21	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
17	DH71300571	Lê Thị Thiên	Lam	D13_QT12													7.33	7.17	8.00	1.94	5.65	32/52	13/21	CCHV	Tạm dừng		CCHV_1 - SV xin tạm dừng	
18	DH71300653	Mai Xuân	Lịch	D13_QT12													5.83	5.57	5.00	4.71	5.42	39/52	16/21					
19	DH71300639	Phạm Quý	Loan	D13_QT12													6.25	6.43		6.00	6.25	45/52	18/21					
20	DH71300676	Nguyễn Thị Thanh	Mai	D13_QT12													7.17	6.96		5.88	6.65	52/52	21/21					
21	DH71300700	Nguyễn Công	Minh	D13_QT12													6.67	6.78		5.65	6.38	45/52	18/21					
22	DH71300750	Nguyễn Mai Tuyết	Ngân	D13_QT12													7.75	6.48		7.18	7.00	52/52	21/21					
23	DH71300868	Phạm Trần Tú	Nhi	D13_QT12													6.42	5.83		5.39	5.85	47/52	19/21					
24	DH71300877	Trần Thị Yến	Nhi	D13_QT12													5.92	6.83		5.83	6.33	49/52	20/21					
25	DH71300967	Đinh Thị Hồng	Phúc	D13_QT12													5.92	5.83		4.26	5.46	39/52	16/21					
26	DH71300954	Võ Quốc	Phước	D13_QT12													6.83	6.61		5.47	6.29	49/52	20/21					
27	DH71300955	Vũ Hoàng Minh	Phước	D13_QT12													6.92	7.00		6.06	6.67	46/52	19/21					
28	DH71300940	Trần Thị Thu	Phương	D13_QT12													7.25	6.96		6.29	6.81	52/52	21/21					
29	DH71301024	Nghiêm Thị Như	Quỳnh	D13_QT12													6.75	6.09		5.88	6.17	50/52	20/21					
30	DH71301170	Huỳnh Phương	Thảo	D13_QT12													6.83	7.30		6.06	6.79	52/52	21/21					
31	DH71301172	Lê Thị Phương	Thảo	D13_QT12													6.67	6.00		5.12	5.87	44/52	18/21					
32	DH71301178	Nguyễn Ngọc Thạch	Thảo	D13_QT12													5.67	5.57		4.94	5.38	41/52	16/21					
33	DH71302101	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_QT12													5.25	5.57	7.00	4.94	5.44	41/52	17/21					
34	DH71301270	Phạm Tấn	Thịnh	D13_QT12													6.75	6.78		6.24	6.60	50/52	20/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_QT12

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH71301154	Nguyễn Thị Huỳnh	Thơ	D13_QT12													5.67	5.65		5.12	5.48	44/52	18/21					
36	DH71302108	Nguyễn Kim	Thuận	D13_QT12																5.37	5.75	37/52	15/21					
37	DH71301286	Phan Thị Anh	Thy	D13_QT12													7.42	7.30	4.00	5.41	6.71	42/52	17/21					
38	DH71301417	Nguyễn Thị Tú	Trinh	D13_QT12													6.00	7.39	6.00	6.29	6.87	52/52	21/21					
39	DH71301497	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	D13_QT12													6.75	6.04		5.88	6.15	47/52	19/21					
40	DH71301126	Lê Quang Vũ	Tường	D13_QT12													5.50	5.57	7.00	4.53	5.40	39/52	16/21					
41	DH71301536	Võ Thị Bích	Vân	D13_QT12													7.58	7.61		6.29	7.17	52/52	21/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THI THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_XD01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH81300096	Nguyễn Tuấn	Anh	D13_XD01													5.06	6.06	4.86	6.13	6.00	39/49	19/23					
2	DH81300106	Trần Tuấn	Anh	D13_XD01													4.13	4.28	4.14	4.87	4.71	32/49	15/23					
3	DH81300012	Tô Hoàng	Ân	D13_XD01													1.13	0.00	2.40	0.46	0.83	2/16	1/8	CCHV	Ko_ĐKMH		BTD_KoĐKMH + CCHV_3	
4	DH81300267	Nguyễn Việt	ấn	D13_XD01													4.13	4.00	3.14	4.67	4.45	27/49	13/23					
5	DH81300127	Lê Khắc	Bảo	D13_XD01													6.38	5.44	7.00	6.80	6.37	42/49	20/23					
6	DH81300130	Nguyễn Cao Duy	Bảo	D13_XD01													6.44	7.33	8.00	6.93	7.08	49/49	23/23					
7	DH81300135	Phạm Quốc	Bảo	D13_XD01													5.56	6.22	8.00	7.20	6.51	45/49	21/23					
8	DH81300111	Trần Ngô Công	Bằng	D13_XD01													5.75	6.67	7.40	6.27	6.59	41/49	19/23					
9	DH81300116	Ngô Thanh	Bình	D13_XD01													4.44	4.00	1.00	2.00	3.53	27/49	11/23	CCHV			CCHV_1	
10	DH81300121	Trịnh Thái	Bình	D13_XD01													4.50	3.78		4.29	4.35	25/49	13/23					
11	DH81300032	Lê Tiến	Đạt	D13_XD01													5.63	5.94	5.00	5.93	5.90	45/49	21/23					
12	DH81300044	Trần Tuấn	Đạt	D13_XD01													2.25	4.33	0.00	4.38	3.64	20/49	9/23	CCHV			CCHV_3	
13	DH81200708	Lưu Tiến	Định	D13_XD01										4.50	3.61	0.00	1.23			3.11	3.55	21/49	11/23	CCHV			CCHV_2	
14	DH81300347	Nguyễn Minh	Hải	D13_XD01													5.00	5.78	5.57	5.60	5.80	43/49	20/23					
15	DH81300410	Trần Vũ Chí	Hiếu	D13_XD01													5.19	5.44	2.00	6.13	5.57	34/49	16/23					
16	DH81300422	Huỳnh Văn	Hoài	D13_XD01													4.00	5.11	4.86	5.73	5.31	35/49	17/23					
17	DH81200709	Phan Thanh	Học	D13_XD01										4.94	5.33	2.00	3.87			4.65	5.38	43/49	21/23					
18	DH81300464	Nguyễn Hoàng	Huy	D13_XD01													5.00	4.50	2.40	5.27	5.00	28/49	14/23					
19	DH81300475	Vũ Quốc	Huy	D13_XD01													4.75	4.33	3.14	5.07	4.86	26/49	13/23					
20	DH81300416	Nguyễn Văn	Hưng	D13_XD01													7.31	6.83		7.80	7.29	49/49	23/23					
21	DH81300538	Châu Tuấn	Kiệt	D13_XD01													5.63	6.17	7.00	6.27	6.14	40/49	19/23					
22	DH81300559	Huỳnh Thanh	Lâm	D13_XD01													5.19	1.28		3.94	3.53	21/49	11/23	CCHV		Nợ HP	CCHV_2	ĐC_HP
23	DH81300644	Hồ Hoàng	Long	D13_XD01													5.63	5.33	6.00	5.47	5.71	40/49	19/23					
24	DH81300646	Lại Trần Kim	Long	D13_XD01													4.50	5.50	4.40	5.29	5.43	35/49	17/23					
25	DH81300649	Phan Bảo	Long	D13_XD01													6.13	6.61	7.00	7.53	7.06	44/49	21/23					
26	DH81300588	Trần Đắc	Lộc	D13_XD01													4.13	1.78	0.00	4.80	3.47	19/49	10/23	CCHV			CCHV_2	
27	DH81300661	Nguyễn Văn	Luận	D13_XD01													5.75	7.50	8.00	6.53	6.80	49/49	23/23					
28	DH81300678	Trương Huỳnh Xuân	Mai	D13 XD01													6.56	6.78	9.00	7.67	7.27	46/49	22/23					
29	DH81300746	Mai Hồng	Ngân	D13 XD01													3.63	0.56	1.14	2.93	2.29	9/49	4/23	CCHV			CCHV_3	
30	DH81300792	Đặng Hoàng	Nghĩa	D13 XD01													5.56	5.72	5.40	6.33	6.04	40/49	19/23					
31	DH81300797	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D13_XD01													4.50	4.89	4.71	6.00	5.39	38/49	18/23					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_XD01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
32	DH81302103	Trịnh Thanh	Nghĩa	D13_XD01													5.06	5.56	4.80	6.93	6.10	41/49	20/23					
33	DH81300790	Trương Hoài	Nghiêm	D13_XD01													6.38	6.28		7.12	6.69	46/49	22/23					
34	DH81300768	Đặng Bích	Ngọc	D13_XD01													6.75	5.39	7.00	6.13	6.18	42/49	20/23					
35	DH81300808	Phù Cẩm	Nguyên	D13_XD01													5.50	6.83	6.86	6.53	6.84	47/49	22/23					
36	DH81300851	Nguyễn Thanh	Nhật	D13_XD01													4.88	4.11	4.71	5.67	5.06	37/49	17/23					
37	DH81300894	Lê Minh	Nhựt	D13_XD01													5.25	5.61	4.80	4.35	5.43	33/49	16/23					
38	DH81300961	Lê Nhật	Phú	D13_XD01													6.06	5.94	6.50	6.00	6.24	45/49	21/23					
39	DH81300964	Nguyễn Văn	Phú	D13_XD01													4.56	3.67	0.00	4.27	4.14	26/49	13/23					
40	DH81300965	Nguyễn Vĩnh	Phú	D13_XD01													5.50	6.22	5.60	6.87	6.35	40/49	19/23					
41	DH81300975	Nguyễn Thành	Phúc	D13_XD01													6.44	7.28		7.47	7.06	49/49	23/23					
42	DH81300985	Trần Hữu	Phúc	D13_XD01													6.56	6.06	7.00	5.60	6.20	43/49	20/23					
43	DH81300938	Thái Huỳnh	Phương	D13_XD01													5.13	4.44	4.50	4.27	4.73	29/49	14/23					
44	DH81301002	Nguyễn Hoàng	Quân	D13_XD01													4.88	6.39	5.57	6.12	6.29	47/49	22/23					
45	DH81301028	Đặng Phước	Quí	D13_XD01													4.94	5.61	5.60	5.71	5.82	40/49	19/23					
46	DH81301031	Lê Duy	Quý	D13_XD01													3.88	4.72	3.60	5.87	5.00	32/49	16/23					
47	DH81301052	Viên Trí	Quyền	D13_XD01													5.50	5.17	6.00	5.73	5.78	40/49	19/23					
48	DH81301079	Phạm Tuấn	Sang	D13_XD01													5.19	5.11	5.50	6.27	5.73	38/49	18/23					
49	DH81301100	Vũ Quốc Duy	Tâm	D13_XD01													5.75	6.28	6.00	6.40	6.27	42/49	20/23					
50	DH81301143	Nguyễn Duy	Thái	D13_XD01													4.63	4.33	5.40	4.24	5.02	32/49	15/23					
51	DH81301163	Nguyễn Minh	Thành	D13_XD01													6.25	5.78	6.00	6.80	6.33	42/49	20/23					
52	DH81301212	Trần Quang	Thắng	D13_XD01													4.44	3.39	0.57	4.00	3.96	26/49	12/23	CCHV			CCHV_2	
53	DH81301268	Nguyễn Phan Nguyên	Thịnh	D13_XD01													5.19	5.06	5.43	5.73	5.69	35/49	17/23					
54	DH81301269	Nguyễn Trường	Thịnh	D13_XD01													6.00	6.17	5.80	7.13	6.59	47/49	22/23					
55	DH81301271	Tống Hữu	Thịnh	D13_XD01													4.50	3.94	2.86	4.00	4.35	30/49	15/23					
56	DH81301315	Nguyễn Hoàng	Tiến	D13_XD01													5.94	5.72	2.80	7.06	6.37	38/49	19/23					
57	DH81301499	Nguyễn Cửu Trung	Tín	D13_XD01													6.06	5.39		6.27	5.88	42/49	20/23					
58	DH81301439	Nguyễn Quốc	Trị	D13_XD01													3.56	4.61	4.14	4.41	4.67	29/49	13/23					
59	DH81301440	Trần Minh	Trị	D13_XD01													4.19	6.17		1.33	4.12	24/49	11/23	CCHV	Ko ĐKMH	Nợ HP	BTD KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
60	DH81301445	Huỳnh Lê Minh	Trung	D13_XD01													6.38	6.89	7.00	7.20	6.94	47/49	22/23					
61	DH81301461	Đỗ Lê	Tuấn	D13_XD01													5.31	4.28	5.00	4.47	4.88	31/49	15/23					
62	DH81301296	Nguyễn Minh	Tùng	D13_XD01													5.75	3.78		4.80	4.73	27/49	12/23					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_XD01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
63	DH81301125	Lê Phú Cát	Tường	D13_XD01													5.19	4.61	3.43	4.93	4.94	32/49	16/23					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_XD02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH81300131	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	D13_XD02													4.19	4.72	4.29	5.38	5.10	36/49	17/23			Nợ HP		ĐC_HP
2	DH81300141	Triệu Quốc	Bảo	D13_XD02													5.19	5.72	4.86	6.13	5.84	40/49	19/23					
3	DH81300114	Hoàng Lê Việt	Bình	D13_XD02													6.69	6.11		6.73	6.49	49/49	23/23					
4	DH81300147	Trần Thanh	Cầu	D13_XD02													5.44	4.78	5.00	6.27	5.51	42/49	20/23					
5	DH81300168	Trần Thái	Châu	D13_XD02													4.94	6.00	5.60	5.80	5.86	42/49	20/23					
6	DH81300182	Vũ Ngô Phương	Chuyên	D13_XD02													5.44	4.39		3.68	4.82	37/49	18/23			Nợ HP		ĐC_HP
7	DH81300274	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	D13_XD02													5.31	5.94	5.50	6.73	6.14	42/49	20/23					
8	DH81300268	Ngô Thị Ngọc	Giàu	D13_XD02													6.88	6.78		7.59	7.08	49/49	23/23					
9	DH81300342	Huỳnh Đình	Hải	D13_XD02													5.25	5.56	6.00	6.80	6.00	45/49	21/23					
10	DH81300370	Ngô Minh	Hậu	D13_XD02													5.69	7.06	6.00	6.53	6.57	47/49	22/23					
11	DH81300401	Nguyễn Minh	Hiếu	D13_XD02													6.38	5.94		6.60	6.29	44/49	21/23					
12	DH81300379	Mai Văn	Hùng	D13_XD02													5.31	5.39	5.50	6.40	5.80	45/49	21/23					
13	DH81302100	Nguyễn Thanh	Hưng	D13_XD02													4.06	5.00	5.86	4.74	5.55	38/49	19/23			Nợ HP		
14	DH81300496	Huỳnh Công	Khải	D13_XD02													6.19	6.39	7.00	6.53	6.49	47/49	22/23					
15	DH81300504	Huỳnh Duy	Khang	D13_XD02													5.13	5.33	5.60	5.87	5.63	42/49	20/23					
16	DH81300511	Trần Minh	Khang	D13_XD02													5.00	5.61	4.00	5.47	5.41	31/49	15/23					
17	DH81300547	Trần Thái Anh	Kiệt	D13_XD02													4.63	3.89	4.29	5.73	4.98	31/49	16/23					
18	DH81300556	Cao Hoài	Lâm	D13_XD02													6.19	6.11	7.00	6.80	6.53	46/49	22/23					
19	DH81300558	Huỳnh Quốc	Lâm	D13_XD02													5.50	5.39	4.00	5.60	5.57	38/49	18/23					
20	DH81300647	Lê Hoàng	Long	D13_XD02													7.31	6.83		7.94	7.35	51/49	24/23					
21	DH81300654	Hà Ngọc Thành	Luân	D13_XD02													6.56	6.94		7.27	6.92	47/49	22/23					
22	DH81300660	Lê Công	Luận	D13_XD02													6.31	5.56		6.47	6.08	47/49	22/23					
23	DH81300708	Nguyễn Nhật	Minh	D13_XD02													6.00	5.33		5.07	5.47	38/49	18/23					
24	DH81300714	Trần Quang	Minh	D13_XD02													3.94	0.94	2.00	4.88	3.37	19/49	10/23	CCHV		Nợ HP	CCHV_3	ĐC_HP
25	DH81300740	Nguyễn Pha	Nam	D13_XD02													4.00	2.83	0.00	0.00	2.35	11/49	4/23	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_2	ĐC_HP
26	DH81300782	Phạm Vũ	Ngọc	D13_XD02													5.63	6.00	7.00	6.47	6.24	44/49	21/23					
27	DH81300824	Huỳnh Ngọc	Nhân	D13_XD02													6.06	5.61	5.00	6.67	6.20	46/49	22/23					
28	DH81300829	Mai Quang	Nhân	D13_XD02													6.50	5.61		6.27	6.10	44/49	21/23					
29	DH81300852	Nguyễn Trường Quang	Nhật	D13_XD02													5.69	6.11		5.80	5.88	46/49	22/23					
30	DH81300823	Yang Kar	Nhì	D13_XD02													4.38	4.28	4.40	4.67	4.67	24/49	12/23					
31	DH81300897	Tạ Văn	Niệm	D13_XD02													4.50	5.11	5.00	5.33	5.24	36/49	17/23					
32	DH81300900	Lê Thị	Oanh	D13_XD02													6.13	5.44		6.40	5.96	42/49	20/23					
33	DH81300919	Từ Tấn	Phát	D13_XD02													5.31	4.72	6.00	5.40	5.33	40/49	19/23					
34	DH81300986	Trần Hoàng	Phúc	D13_XD02													6.75	6.50		7.20	6.80	47/49	22/23					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_XD02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH81301009	Đinh Duy	Quang	D13_XD02													5.44	5.11	4.00	6.07	5.55	39/49	18/23					
36	DH81301018	Nguyễn Anh	Quốc	D13_XD02													5.38	6.00	6.00	6.53	6.31	49/49	23/23					
37	DH81301077	Phạm Tấn	Sang	D13_XD02													4.06	5.22	4.71	5.60	5.22	37/49	17/23					
38	DH81301062	Nguyễn Văn	Sơn	D13_XD02													6.25	5.56		6.73	6.14	39/49	19/23					
39	DH81301105	Liêu Minh	Tân	D13_XD02													4.69	5.00	4.71	6.53	5.59	38/49	19/23					
40	DH81301124	Nguyễn Văn	Tấn	D13_XD02													6.69	6.11	4.00	6.27	6.35	41/49	20/23					
41	DH81301214	Lưu Đức	Thạch	D13_XD02													7.13	7.56		7.20	7.31	49/49	23/23					
42	DH81301142	Hồ Anh	Thái	D13_XD02													4.00	2.78	0.00	0.00	2.33	14/49	7/23	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_2	ĐC_HP
43	DH81301223	Nguyễn Đức	Thanh	D13_XD02													5.50	5.11	4.43	6.13	5.61	36/49	17/23					
44	DH81301207	Lê Quốc Dũng	Thắng	D13_XD02													5.50	4.50		5.93	5.27	38/49	18/23					
45	DH81301281	Quách Đại	Thuận	D13_XD02													6.44	6.33		6.67	6.47	46/49	22/23					
46	DH81301248	Mai Minh	Thùy	D13_XD02													5.88	6.39	5.00	6.40	6.27	40/49	19/23					
47	DH81301344	Nguyễn Hữu	Toàn	D13_XD02													5.88	6.61	5.00	6.67	6.47	42/49	20/23					
48	DH81301405	Nguyễn Văn	Trường	D13_XD02													5.50	5.44	5.00	5.67	5.63	40/49	19/23					
49	DH81301407	Phan Đình	Trường	D13_XD02													6.25	5.67	0.00	6.40	6.08	39/49	19/23					
50	DH81301469	Nguyễn Anh	Tuấn	D13_XD02													6.50	6.28		6.93	6.55	49/49	23/23					
51	DH81301506	Bùi Hạ	Uy	D13_XD02													5.88	5.83	5.00	6.00	6.02	42/49	20/23					
52	DH81301518	Lê Trọng	Văn	D13_XD02													4.44	4.28	4.29	5.65	5.14	36/49	17/23					
53	DH81301570	Lê Đức	Vinh	D13_XD02													4.50	4.78	4.00	4.53	4.86	25/49	13/23					
54	DH81301560	Hồ Phi	Vũ	D13_XD02													7.44	7.67		8.20	7.76	49/49	23/23					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MT1TD

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH91300005	Nguyễn Thị	ánh	D13_MT1TD													5.74	5.50	4.67	5.63	5.83	41/56	15/21			Nợ HP		ĐC_HP
2	DH91300010	Nguyễn Ngọc Hồng	Ân	D13_MT1TD													7.11	7.17	7.00	6.33	6.88	56/56	21/21					
3	DH91300180	Đỗ Văn	Chung	D13_MT1TD													6.95	5.33	8.00	4.56	5.68	47/56	18/21					
4	DH91300028	Đỗ Thành	Đạt	D13_MT1TD													6.42	6.33	6.00	6.00	6.25	54/56	20/21					
5	DH91300053	Lê Hữu	Đức	D13_MT1TD													3.21	6.67	0.00	7.88	6.06	41/56	15/21					
6	DH91300307	Đặng Thị Thu	Hương	D13_MT1TD													6.84	7.50	9.00	6.61	7.02	56/56	21/21					
7	DH91300561	Nguyễn Hoàng	Lâm	D13_MT1TD													7.21	7.33	0.00	7.50	7.20	51/56	18/21					
8	DH91300685	Trần Trí	Mẫn	D13_MT1TD													7.47	8.50	9.00	7.61	7.88	56/56	21/21					
9	DH91300798	Trương Nguyễn Trọng	Nghĩa	D13_MT1TD													6.47	7.50	8.00	6.72	6.91	56/56	21/21					
10	DH91300813	Bùi Thị Thu	Nguyệt	D13_MT1TD													6.79	8.00	9.00	7.00	7.29	56/56	21/21					
11	DH91300822	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D13_MT1TD													7.16	7.67	9.00	7.00	7.30	54/56	20/21					
12	DH91300922	Võ Tấn	Phát	D13_MT1TD													7.21	6.83	9.00	6.89	7.02	56/56	21/21					
13	DH91300931	Nguyễn Hoàng Trúc	Phương	D13_MT1TD													7.37	7.50	8.00	6.28	7.07	56/56	21/21					
14	DH91301177	Nguyễn Ngọc	Thảo	D13_MT1TD													5.84	4.83	8.00	5.61	5.48	48/56	18/21					
15	DH91301267	Nguyễn Ngọc	Thịnh	D13_MT1TD													7.11	7.00	8.00	7.00	7.05	56/56	21/21					
16	DH91301373	Nguyễn Lê Ngọc	Trà	D13_MT1TD													6.32	5.83	6.00	6.25	6.13	51/56	19/21					
17	DH91301328	Lê Hoàng Mỹ	Tú	D13_MT1TD													6.74	7.50	8.00	6.61	6.96	56/56	21/21					
18	DH91301333	Nguyễn Ngọc	Tú	D13_MT1TD													6.32	5.33	7.00	4.19	5.37	44/56	16/21					
19	DH91301484	Nguyễn Ngọc Thông	Tuệ	D13_MT1TD													7.00	6.00	8.00	6.11	6.41	46/56	18/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MT2TT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH91300120	Trần Văn	Bình	D13_MT2TT													6.53	7.50	6.67	7.44	7.23	53/56	20/21					
2	DH91300202	Nguyễn Thị Mỹ	Diệp	D13_MT2TT													7.16	6.83	8.00	6.72	6.93	56/56	21/21					
3	DH91300222	Đặng Thị Ngọc	Dung	D13_MT2TT													6.89	7.50	6.00	7.06	7.13	56/56	21/21					
4	DH91300038	Nguyễn Trần	Đạt	D13_MT2TT													6.26	6.67	7.00	7.33	6.75	56/56	21/21					
5	DH91100541	Trần Hữu	Giang	D13_MT2TT							5.72	5.91		2.00	0.67		0.00	0.25		0.75	2.60	41/56	16/21	CCHV	Ko_ĐKMH		BTD_KoĐKMH + CB_BTH_1	
6	DH91300400	Ngô Thị	Hiếu	D13_MT2TT													7.05	7.50	8.00	7.78	7.45	56/56	21/21					
7	DH91300417	Trần Ninh	Hưng	D13_MT2TT													7.63	8.33	8.00	8.50	8.14	56/56	21/21					
8	DH91300318	Trương Dạ Lý	Hương	D13_MT2TT													6.05	6.83	7.00	6.44	6.45	53/56	20/21					
9	DH91300575	Đỗ Thị Như	Lan	D13_MT2TT													3.32	5.50	7.00	5.67	4.84	38/56	15/21					
10	DH91300612	Lê Nguyễn Thảo	Linh	D13_MT2TT													6.37	7.17	9.00	7.39	7.00	51/56	19/21					
11	DH91300613	Lê Thị Mỹ	Linh	D13_MT2TT													6.37	7.50	7.00	7.56	7.13	56/56	21/21					
12	DH91300706	Nguyễn Ngọc	Minh	D13_MT2TT													4.84	5.00	7.00	5.22	5.05	35/56	13/21					
13	DH91200068	Lê Thị	Nga	D13_MT2TT										6.28	7.14					7.28	6.91	54/56	19/21					
14	DH91300776	Nguyễn Minh	Ngọc	D13_MT2TT													5.63	6.50	8.00	0.00	4.14	34/56	13/21	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
15	DH91300833	Nguyễn Trọng	Nhân	D13_MT2TT													6.95	7.50	8.00	7.94	7.46	56/56	21/21					
16	DH91300898	Huỳnh Thị	Ny	D13_MT2TT													6.53	7.33	7.33	7.17	7.13	56/56	21/21					
17	DH91300902	Nguyễn Thị Phương	Oanh	D13_MT2TT													6.26	6.67	7.00	6.94	6.63	56/56	21/21					
18	DH91300903	Nguyễn Thị Tú	Oanh	D13_MT2TT													0.32	0.00		4.80	2.13	15/21	5/8	CCHV			CCHV_3	
19	DH91301039	Chung Tố	Quyên	D13_MT2TT													6.42	7.17	6.00	6.78	6.77	56/56	21/21					
20	DH91301083	Nguyễn Bá	Siêu	D13_MT2TT													6.37	6.83	7.00	1.83	5.07	41/56	15/21	CCHV	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV_1	ĐC_HP
21	DH91301196	Trần Lê Thu	Thảo	D13_MT2TT													7.58	7.67	7.00	6.94	7.39	56/56	21/21					
22	DH91301375	Hoàng Ngọc	Trang	D13_MT2TT													6.32	5.50	7.00	6.78	6.21	49/56	18/21					
23	DH91301389	Nguyễn Thị Minh	Trang	D13_MT2TT													6.32	7.17	8.00	7.28	6.93	56/56	21/21					
24	DH91301386	Nguyễn Thủy	Trang	D13_MT2TT													7.21	7.50	8.00	7.56	7.43	56/56	21/21					
25	DH91301398	Trần Kiều	Trang	D13_MT2TT													6.42	7.50	6.00	5.78	6.63	51/56	19/21					
26	DH91301444	Hồ Phạm Anh	Trung	D13_MT2TT													6.32	6.83	0.00	6.57	6.44	44/56	16/21			Nợ HP		ĐC_HP
27	DH91301537	Võ Thị Thu	Vân	D13_MT2TT													6.32	7.17	8.00	6.67	6.73	53/56	20/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MT2TT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
28	DH91301542	Nguyễn Phương Hoài	Vi	D13_MT2TT													7.11	7.17	7.00	7.28	7.18	54/56	20/21					
29	DH91301621	Vũ Hoàng	Yến	D13_MT2TT													7.42	7.33	7.00	7.11	7.29	56/56	21/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MT3DH

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH91300074	Võ Thị Trúc	An	D13_MT3DH													6.89	5.83	9.00	7.63	6.84	54/57	20/21					
2	DH91300082	Huỳnh Tinh	Anh	D13_MT3DH													7.68	8.33	9.00	9.14	8.33	52/57	19/21					
3	DH91300089	Nguyễn Hoàng	Anh	D13_MT3DH													0.00	1.17	0.00	2.44	1.11	5/57	2/21	CCHV			CCHV_3	
4	DH91300090	Nguyễn Hoàng	Anh	D13_MT3DH													7.11	7.33	6.00	8.43	7.52	52/57	19/21					
5	DH91300109	Hoàng	Bách	D13_MT3DH													7.26	7.83	6.00	8.36	7.73	52/57	19/21					
6	DH91300113	Et Đặng Thanh	Bình	D13_MT3DH													6.58	7.00	6.00	7.21	6.91	55/57	20/21					
7	DH91300170	Hồng Khắc	Chương	D13_MT3DH													6.84	7.17	7.00	7.68	7.23	57/57	21/21					
8	DH91300145	Nguyễn Hoàng	Cương	D13_MT3DH													6.00	5.83	7.00	7.21	6.29	45/57	17/21					
9	DH91300228	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	D13_MT3DH													8.21	7.83	8.00	8.50	8.15	52/57	19/21					
10	DH91300230	Tôn Võ Thùy	Dung	D13_MT3DH													6.53	6.00	6.00	6.38	6.30	49/57	18/21					
11	DH91300239	Lê Hoàng	Duy	D13_MT3DH													6.74	7.00	6.00	6.81	6.83	54/57	20/21					
12	DH91300258	Nguyễn Hoàng Phương	Duyên	D13_MT3DH													7.00	7.83	7.00	8.32	7.70	57/57	21/21					
13	DH91300189	Trần Thị Thùy	Dương	D13_MT3DH													6.58	7.67	7.00	7.58	7.26	57/57	21/21					
14	DH91300042	Trần Lâm Tiến	Đạt	D13_MT3DH													6.89	7.00	8.00	7.68	7.21	57/57	21/21					
15	DH91300056	Lê Bá	Đình	D13_MT3DH													5.42	6.83	6.33	7.47	6.65	54/57	20/21					
16	DH91300327	Nguyễn Thị Thu	Hà	D13_MT3DH													6.63	6.00	7.00	4.53	5.74	46/57	17/21					
17	DH91300291	Nguyễn Thị Kim	Hằng	D13_MT3DH													6.37	0.67	6.00	0.25	2.65	17/57	7/21	CCHV			CCHV_2	
18	DH91300404	Nguyễn Trung	Hiếu	D13_MT3DH													7.53	7.17	6.00	8.00	7.50	52/57	19/21					
19	DH91300441	Nguyễn Ngọc	Hòa	D13_MT3DH													6.58	5.83	7.00	7.00	6.49	52/57	19/21					
20	DH91300424	Đặng Văn	Hoàng	D13_MT3DH													7.47	7.33	7.00	7.56	7.44	54/57	20/21					
21	DH91300362	Lâm Kim	Học	D13_MT3DH													7.63	8.17	7.00	8.64	8.08	52/57	19/21					
22	DH91300449	Hồ Văn	Huấn	D13_MT3DH													6.00	6.83	7.00	6.69	6.50	51/57	19/21					
23	DH91300384	Phạm Khánh	Hùng	D13_MT3DH													4.05	6.67	6.00	6.64	5.69	44/57	16/21					
24	DH91300459	Lê Cẩm	Huy	D13_MT3DH													6.26	6.83	7.00	7.06	6.70	54/57	20/21					
25	DH91300460	Lê Hoàng	Huy	D13_MT3DH													7.21	7.67	7.00	8.14	7.62	52/57	19/21					
26	DH91300515	Lê Minh	Khiêm	D13_MT3DH													2.47	7.00	8.00	7.53	5.68	44/57	16/21					
27	DH91300531	Trần Phan Đăng	Khoa	D13_MT3DH													7.53	7.67	8.00	7.89	7.70	57/57	21/21					
28	DH91300532	Nguyễn Bùi ái	Khuê	D13_MT3DH													6.26	6.50	7.00	6.94	6.56	55/57	20/21					
29	DH91300539	Huỳnh Anh	Kiệt	D13_MT3DH													3.95	1.17		0.00	1.85	12/57	4/21	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_3	ĐC_HP
30	DH91300543	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	D13_MT3DH													5.16	6.00	6.00	6.14	5.73	44/57	16/21					
31	DH91300568	Lê Thị Kim	Lài	D13_MT3DH													7.21	7.00	7.00	7.47	7.23	57/57	21/21					
32	DH91300569	Nguyễn Thị Tuyết	Lê	D13_MT3DH													6.26	7.50	7.00	7.63	7.09	54/57	20/21					
33	DH91300602	Bùi Trần Thùy	Linh	D13_MT3DH													6.68	8.17	7.00	7.63	7.47	54/57	20/21					
34	DH91300619	Nguyễn Thùy Phương	Linh	D13_MT3DH													7.68	8.00	7.00	7.84	7.82	57/57	21/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MT3DH

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH91300627	Phùng Gia	Linh	D13_MT3DH													7.11	7.67	7.00	7.79	7.48	49/57	18/21					
36	DH91300631	Trần Ngọc Mỹ	Linh	D13_MT3DH													5.68	6.33	6.33	6.44	6.26	52/57	19/21					
37	DH91300634	Võ Ngọc	Linh	D13_MT3DH													5.16	0.83		2.20	2.78	19/57	7/21	CCHV			CCHV_2	
38	DH91300590	Võ Bảo	Lộc	D13_MT3DH													6.47	3.50	0.00	5.79	5.19	44/57	15/21					
39	DH91300598	Đinh Thị Ngọc	Lợi	D13_MT3DH													7.95	7.17	0.00	7.63	7.44	53/57	19/21					
40	DH91300659	Nguyễn Đình	Lực	D13_MT3DH													6.53	6.83	7.00	5.74	6.37	52/57	19/21					
41	DH91300665	Lưu Ngọc	Ly	D13_MT3DH													6.42	6.33	6.00	6.47	6.40	55/57	20/21					
42	DH91300686	Đỗ Thị Quỳnh	Mi	D13_MT3DH													7.05	6.67	8.00	7.32	7.04	55/57	20/21					
43	DH91300699	Nguyễn ánh	Minh	D13_MT3DH													7.84	8.17	9.00	8.50	8.15	52/57	19/21					
44	DH91300731	Nguyễn Thị Quỳnh	My	D13_MT3DH													5.32	6.17	6.00	6.94	6.09	44/57	17/21					
45	DH91300791	Nguyễn Thành	Nghiệp	D13_MT3DH													6.74	7.67	7.00	7.68	7.35	55/57	20/21					
46	DH91300828	Lý Thành	Nhân	D13_MT3DH													4.74	3.50		4.95	4.41	37/57	13/21					
47	DH91300832	Nguyễn Thanh	Nhân	D13_MT3DH													7.26	7.83	8.00	7.94	7.67	54/57	20/21					
48	DH91300864	Nguyễn Thị Cẩm	Nhi	D13_MT3DH													6.89	4.33	0.00	6.69	5.85	45/57	16/21					
49	DH91300893	Đinh ánh	Nhựt	D13_MT3DH													5.58	4.17	7.00	6.63	5.51	46/57	17/21					
50	DH91300905	Trần Thị Ngọc	Oanh	D13_MT3DH													7.21	0.67		6.57	4.98	38/57	14/21					
51	DH91300914	Nguyễn Tấn	Phát	D13_MT3DH													6.05	6.67	7.00	7.26	6.67	57/57	21/21					
52	DH91300947	Huỳnh Ngọc Tấn	Phi	D13_MT3DH													6.11	5.50	7.00	0.00	3.89	35/57	13/21	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
53	DH91200037	Nguyễn Ngọc Thiên	Phúc	D13_MT3DH										2.22	0.00		7.75	8.17	8.00	8.25	6.90	54/57	20/21					
54	DH91300925	Bùi Thị Kiều	Phương	D13_MT3DH													7.47	8.17	7.00	8.38	7.96	54/57	20/21					
55	DH91300928	Lê Thị Kim	Phương	D13_MT3DH													7.16	7.17	6.00	7.56	7.26	54/57	20/21					
56	DH91300929	Lê Thị Trúc	Phương	D13_MT3DH													6.68	7.17	7.00	6.63	6.82	57/57	21/21					
57	DH91300927	Lữ Minh	Phương	D13_MT3DH													7.11	7.17	7.00	7.21	7.15	52/57	19/21					
58	DH91300935	Phạm Mai	Phương	D13_MT3DH													7.05	7.33	6.00	7.05	7.12	57/57	21/21					
59	DH91300944	Võ Thị Thanh	Phương	D13_MT3DH													7.05	7.17	7.00	7.36	7.17	52/57	19/21					
60	DH91300959	Nguyễn Thị	Phượng	D13_MT3DH													6.89	7.00	8.00	7.25	7.06	54/57	20/21					
61	DH91301059	Lê Trần Nhật	Sơn	D13_MT3DH													6.26	5.83	8.00	7.10	6.69	51/57	19/21					
62	DH91301061	Nguyễn Ngọc	Sơn	D13_MT3DH													4.37	3.67	0.00	6.43	4.60	32/57	11/21					
63	DH91301106	Nghiêm Quốc	Tân	D13_MT3DH													7.58	7.50	7.00	7.79	7.60	52/57	19/21					
64	DH91301222	Lưu Thanh	Thanh	D13_MT3DH													6.84			7.17	7.26	34/57	12/21					
65	DH91301168	Cao Thái Thanh	Thảo	D13_MT3DH													5.74	5.67		7.23	6.75	56/57	20/21					
66	DH91301167	Đỗ Thu	Thảo	D13_MT3DH													6.79	7.50	8.00	8.00	7.38	52/57	19/21					
67	DH91301191	Phạm Thị Thanh	Thảo	D13_MT3DH													7.05	7.33	7.00	8.25	7.50	54/57	20/21					
68	DH91301204	Đàm Thị Hồng	Thắm	D13_MT3DH													7.00	7.33	8.00	7.63	7.33	57/57	21/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MT3DH

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ															ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
69	DH91301239	Quảng Thị Nhật	Thi	D13_MT3DH													6.26	7.33	7.00	6.88	6.82	52/57	19/21					
70	DH91301245	Nguyễn Quốc	Thiện	D13_MT3DH													7.42	7.83		7.71	7.65	48/57	17/21					
71	DH91301266	Hứa Đức	Thịnh	D13_MT3DH													6.00	7.33	7.00	7.86	6.98	52/57	19/21					
72	DH91301252	Ngô Trần Hoài	Thủy	D13_MT3DH													7.21	7.67	8.00	7.24	7.38	55/57	20/21					
73	DH91301156	Nguyễn Thị Yến	Thương	D13_MT3DH													5.89	7.67	9.00	8.00	7.13	48/57	18/21					
74	DH91301308	Đỗ Duy	Tiến	D13_MT3DH													7.47	7.50	0.00	7.44	7.33	51/57	18/21					
75	DH91301359	Phan Nguyễn Bảo	Trâm	D13_MT3DH													5.00	4.50	7.00	7.00	5.40	40/57	15/21					
76	DH91301429	Ngô Phan Phúc	Triệu	D13_MT3DH													7.74	8.00	8.00	8.38	8.02	54/57	20/21					
77	DH91301413	Nguyễn Phương	Trinh	D13_MT3DH													7.16	7.17	7.00	7.63	7.30	54/57	20/21					
78	DH91301433	Lê Thị Phương	Trúc	D13_MT3DH													7.47	8.00	9.00	7.69	7.74	54/57	20/21					
79	DH91301435	Nguyễn ánh	Trúc	D13_MT3DH													7.16	6.83	7.00	7.05	7.02	57/57	21/21					
80	DH91301450	Dương Thanh	Truyền	D13_MT3DH													5.95	7.00	7.00	6.89	6.76	54/57	20/21					
81	DH91301327	Giáp Thị Cẩm	Tú	D13_MT3DH													6.26	6.67	7.00	6.63	6.53	57/57	21/21					
82	DH91301475	Phạm Minh	Tuấn	D13_MT3DH													7.00	7.50	8.00	7.89	7.47	57/57	21/21					
83	DH91301546	Bùi Văn	Viên	D13_MT3DH													6.21	6.83	7.00	6.79	6.61	53/57	20/21					
84	DH91301583	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	D13_MT3DH													7.37	7.17	7.00	7.43	7.31	52/57	19/21					
85	DH91301595	Hồ Thị Kim	Xuyến	D13_MT3DH													6.68	7.17	9.00	7.38	7.09	54/57	20/21					
86	DH91301607	Nguyễn Trịnh Như	ý	D13_MT3DH													7.84	7.67	9.00	7.86	7.81	52/57	19/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình
CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

HOÀNG THỊ THU NGUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MT4NT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
1	DH91300061	Lữ Thị Trường	An	D13_MT4NT													7.26	7.67	7.00	0.00	4.96	38/57	14/21	CCHV*	Ko_ĐKMH	Nợ HP	BTD_KoĐKMH + CCHV*_1	ĐC_HP
2	DH91300100	Phan Quốc	Anh	D13_MT4NT													6.42	7.33	7.00	7.29	7.00	54/57	19/21					
3	DH91300128	Lê Quốc	Bảo	D13_MT4NT													5.68	4.83	7.00	4.26	4.96	41/57	15/21			Nợ HP		ĐC_HP
4	DH91300139	Trương Xuân	Bảo	D13_MT4NT													7.68	7.33	6.00	6.84	7.26	57/57	21/21					
5	DH91300169	Trần Thị Ngọc	Châu	D13_MT4NT													5.42	7.00	6.00	6.37	6.25	50/57	18/21					
6	DH91300166	Trương Ngọc	Châu	D13_MT4NT													6.68	7.50	8.00	6.89	7.04	57/57	21/21					
7	DH91300227	Nguyễn Phương	Dung	D13_MT4NT													5.68	7.00	8.00	5.95	6.23	55/57	20/21					
8	DH91300233	Bùi Ngọc	Duy	D13_MT4NT													7.37	6.67	7.00	6.79	6.95	55/57	20/21					
9	DH91300246	Nguyễn Trọng Mẫn	Duy	D13_MT4NT													6.47	6.83	7.00	6.37	6.56	55/57	20/21					
10	DH91200057	Phạm Huỳnh Khắc	Duy	D13_MT4NT										6.94	7.55					6.42	7.00	59/57	21/21					
11	DH91300185	Hoàng Văn	Dương	D13_MT4NT													5.84	7.17	7.00	7.32	6.77	57/57	21/21					
12	DH91300031	Lâm Minh	Đạt	D13_MT4NT													7.68	7.17	7.00	7.84	7.56	57/57	21/21					
13	DH91300015	Châu Hải	Đăng	D13_MT4NT													2.05	3.50	6.00	5.68	3.79	32/57	12/21	CCHV			CCHV_3	
14	DH91300023	Trương Ngọc Vân	Đình	D13_MT4NT													6.84	7.33	7.00	7.21	7.12	57/57	21/21					
15	DH91300020	Tăng Quí	Đông	D13_MT4NT													6.74	7.33	7.00	7.00	7.02	57/57	21/21					
16	DH91300321	Chu Thị Thanh	Hà	D13_MT4NT													0.00	6.50	6.33	5.84	4.33	34/57	13/21					
17	DH91300296	Phạm Lê Mỹ	Hằng	D13_MT4NT													5.74	7.50	4.33	7.37	6.86	51/57	19/21					
18	DH91300408	Trần Trọng	Hiếu	D13_MT4NT													5.58	3.17	7.00	1.00	3.44	26/57	10/21	CCHV			CCHV_1	
19	DH91300376	Lê Huy	Hùng	D13_MT4NT													6.74	7.33	7.00	7.47	7.18	57/57	21/21					
20	DH91300471	Phạm Tấn	Huy	D13_MT4NT													6.53	6.33	6.00	5.69	6.20	49/57	18/21					
21	DH91300415	Nguyễn Phú	Hưng	D13_MT4NT													7.32	6.33	7.00	6.11	6.60	50/57	18/21					
22	DH91300545	Phạm Trung	Kiệt	D13_MT4NT													6.16	6.50	6.00	6.58	6.40	57/57	21/21					
23	DH91300633	Văn Thị Mỹ	Linh	D13_MT4NT													6.11	7.00	8.00	7.58	6.91	57/57	21/21					
24	DH91300692	Huỳnh Thị Vi	Min	D13_MT4NT													6.95	7.50	6.00	6.95	7.11	57/57	21/21					
25	DH91300743	Cao Thị Kim	Ngân	D13_MT4NT													6.26	7.33	8.00	5.58	6.40	54/57	20/21		Tạm dừng		SV xin tạm dừng	
26	DH91300775	Lưu Hoàng Bích	Ngọc	D13_MT4NT													7.58	8.17	8.00	8.00	7.91	57/57	21/21					
27	DH91300805	Mai Xuân	Nguyên	D13_MT4NT													5.58	6.50	8.00	6.53	6.23	47/57	18/21					
28	DH91300807	Nguyễn Nguyễn Kim	Nguyên	D13_MT4NT													7.00	7.17	4.00	6.53	6.91	51/57	18/21					
29	DH91300849	Đào Lê Minh	Nhật	D13_MT4NT													7.68	8.33	6.00	7.63	7.84	57/57	21/21					
30	DH91300936	Phạm Thị Thảo	Phương	D13_MT4NT													5.84	7.50	5.33	6.53	6.63	57/57	21/21					
31	DH91301115	Lê Phú	Tài	D13_MT4NT													7.05	7.33	6.00	7.47	7.26	57/57	21/21					
32	DH91301230	Trương Đỗ Thiên	Thanh	D13_MT4NT													7.42	7.83	7.00	7.53	7.58	57/57	21/21					
33	DH91301243	Mã Hóa	Thiện	D13_MT4NT													6.63	7.00	6.00	6.95	6.84	57/57	21/21					
34	DH91301261	Phan Văn	Thức	D13_MT4NT													6.89	6.50	8.00	6.37	6.61	57/57	21/21					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MT4NT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2014 - 2015)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141				XỬ LÝ HỌC TẬP 141	ĐKMH HK2 (14-15)	HỌC PHÍ	HỌC TẬP VÀ ĐKMH	HỌC PHÍ
35	DH91301322	Phạm Trung	Tiến	D13_MT4NT													7.32	7.83	7.00	7.74	7.61	57/57	21/21					
36	DH91301324	Trần Minh	Tiến	D13_MT4NT													5.79	6.83	2.33	7.00	6.54	52/57	19/21					
37	DH91301374	Trần Khánh Phương	Trà	D13_MT4NT													8.00	7.83	9.00	8.05	7.98	57/57	21/21					
38	DH91301379	Lê Thị Hương	Trang	D13_MT4NT													5.37	7.00	5.33	5.79	6.07	48/57	18/21					
39	DH91100526	Nguyễn Thị Vân	Trang	D13_MT4NT							3.33	0.00		3.06			0.15	0.33		1.00	1.56	15/57	6/21	CCHV			CB_BTH_1	
40	DH91301367	Nguyễn Huỳnh	Trân	D13_MT4NT													3.26	6.33	5.67	2.58	4.11	32/57	13/21	CCHV			CCHV_2	
41	DH91301414	Nguyễn Phan Phương	Trinh	D13_MT4NT													5.79	6.50	7.00	6.32	6.21	55/57	20/21					
42	DH91301402	Nguyễn Phúc	Trọng	D13_MT4NT													6.53	6.33	6.00	6.74	6.53	57/57	21/21					
43	DH91301442	Trần Nguyên	Trực	D13_MT4NT													4.53	7.00	6.00	6.58	6.02	48/57	18/21					
44	DH91301331	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tú	D13_MT4NT													7.37	7.67	8.00	7.84	7.63	57/57	21/21					
45	DH91301294	Đỗ Anh	Tùng	D13_MT4NT													6.05	7.17	6.00	6.47	6.54	51/57	19/21					
46	DH91301485	Nguyễn Thành	Tuyên	D13_MT4NT													6.74	7.50	8.00	6.58	6.95	55/57	20/21					
47	DH91301509	Nguyễn Bùi Bích	Uyên	D13_MT4NT													7.53	8.33	8.00	8.21	8.02	57/57	21/21					
48	DH91301512	Nguyễn Thảo	Uyên	D13_MT4NT													6.74	7.33	8.00	7.00	7.04	55/57	20/21					
49	DH91301514	Phạm Ngọc Phương	Uyên	D13_MT4NT													7.53	7.33	6.00	7.68	7.49	57/57	21/21					
50	DH91301523	Hồ Ngọc Thùy	Vân	D13_MT4NT													5.58	6.50	6.00	5.84	5.96	48/57	17/21					
51	DH91301544	Nguyễn Thị Tường	Vi	D13_MT4NT													5.00	5.00	7.00	4.11	4.74	39/57	15/21					
52	DH91301592	Nguyễn Thanh	Xuân	D13_MT4NT													6.26	6.33	3.33	6.11	6.23	50/57	18/21					
53	DH91301614	Lê Thị	Yến	D13_MT4NT													6.11	6.67	8.00	6.95	6.60	52/57	19/21					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 25/03/2015**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Tư, ngày 15/04/2015. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD_KoĐKMH+CCHV	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB_ĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN